



Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA)
Dự án Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên Bền vững (SNRM)

**KẾ HOẠCH QUẢN LÝ 5 NĂM
KHU SINH QUYỀN THẾ GIỚI LANGBIANG**

Tháng 3 năm 2018

Báo cáo này được chuẩn bị như là một phần của Dự án Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên Bền vững (SNRM) do Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) tài trợ và do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam thực hiện từ năm 2015 đến năm 2020.

Các quan điểm được trình bày trong báo cáo này là của các tác giả và không nhất thiết phản ánh quan điểm của SNRM hoặc JICA.

JICA/SNRM khuyến khích việc sử dụng và phổ biến các thông tin trong báo cáo này. Việc sử dụng phi thương mại sẽ được cho phép miễn phí theo yêu cầu. Sao chép lại các mục đích thương mại, vui lòng liên hệ trước với JICA/SNRM để có thỏa thuận cụ thể.

Tất cả các câu hỏi cần được gửi đến:

Officer in Charge of Forestry Projects/Programmes

JICA Viet Nam Office

11F CornerStone Building, 16 Phan Chu Trinh, Hoan Kiem, Ha Noi, Viet Nam

Tel: +84-4-3831-5005

Fax: + 84-4-3831-5009

MỤC LỤC

MỤC LỤC	4
DANH MỤC BẢNG	6
DANH MỤC HÌNH	6
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	8
1 TỔNG QUAN	9
1.1 Giới thiệu	9
1.2 Tính cấp thiết	10
1.1 Quy mô của kế hoạch quản lý	12
2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU ĐỂ PHÁT TRIỂN KẾ HOẠCH QUẢN LÝ	12
2.1 Khái niệm cơ bản.....	12
2.2 Tiến trình xây dựng kế hoạch quản lý	13
2.3 Các phương pháp	14
3 CƠ SỞ ĐỂ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH QUẢN LÝ	15
3.1 Những chính sách hiện hành về quản lý khu DTSQ	15
3.2 Chiến lược, Quy hoạch cấp tỉnh liên quan đến quản lý khu DTSQ TG Langbiang.....	19
3.3 Khung pháp lý hiện tại trong quản lý khu DTSQ.....	22
3.4 Khoảng trống về chính sách và khung thể chế trong quản lý khu DTSQ....	23
4 HIỆN TRẠNG KHU DỰ TRỮ SINH QUYỂN THẾ GIỚI LANGBIANG	24
4.1 Điều kiện tự nhiên	24
4.2 Điều kiện kinh tế - xã hội và văn hóa	30
4.3 Ranh giới hành chính.....	32
5 CÁC VẤN ĐỀ LƯU Ý CỦA QUẢN LÝ BỀN VỮNG	34
5.1 Phân tích SWOT	34
5.2 Những nguyên nhân ảnh hưởng đến phát triển bền vững và mục tiêu quản lý	35
5.3 Điểm yếu và điểm mạnh của cơ cấu tổ chức của BQL khu DTSQ TG Langbiang.....	37

6 TẦM NHÌN, MỤC TIÊU CỦA KẾ HOẠCH QUẢN LÝ VÀ PHÂN VÙNG CHỨC NĂNG CỦA KHU DTSQ TG LANG BIANG.....	38
6.1 Tầm nhìn.....	38
6.2 Mục tiêu của kế hoạch quản lý.....	39
6.3 Các hướng tiếp cận chiến lược để đạt được mục tiêu quản lý.....	43
6.4 Phân Khu và Chức năng trong khu DTSQ TG Langbiang.....	48
7 CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA KẾ HOẠCH QUẢN LÝ.....	51
7.1 Các chương trình.....	51
7.2 Các hoạt động của BQL khu DTSQ TG Langbiang giai đoạn 2018-2022..	52
7.3 Các hoạt động ưu tiên.....	60
7.4 Tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý.....	62
7.5 Tổ chức thực hiện.....	72
8 NGÂN SÁCH CHO CÁC HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ.....	74
8.1 Điều kiện tiền đề để ước toán ngân sách.....	74
8.2 Nhu cầu ngân sách cho các chương trình/dự án giai đoạn 2018-2022.....	74
8.3 Nguyên tắc quản lý tài chính thực hiện các chương trình hoạt động của khu DTSQ TG Langbiang.....	79
8.4 Tổ chức thực hiện.....	79
9 GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ VÀ THỰC HIỆN.....	81
9.1 Giám sát thực hiện Kế hoạch quản lý.....	81
9.2 Đánh giá kết quả và tác động của kế hoạch quản lý.....	82
9.3 Giám sát các chức năng của khu DTSQ.....	83
PHỤ LỤC.....	85
Phụ lục 1. Những khó khăn, thách thức với khu DTSQ TG Langbiang.....	85
Phụ lục 2. Rà soát các văn bản pháp quy.....	89
Phụ lục 3. Một số quy hoạch, kế hoạch liên quan.....	90
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	119

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Các vùng khí hậu sinh học ở khu DTSQ TG Langbiang.....	26
Bảng 2. Thành phần các hộ gia đình và mức thu nhập của người dân trong khu DTSQ TG Langbiang.....	31
Bảng 3. Phân tích SWOT đối với Phát triển bền vững của	34
Bảng 4. Tiếp cận SLIQ ở khu DTSQ TG Langbiang	44
Bảng 5. Vai trò và hoạt động được mong đợi tổ chức trong các phân vùng	50
Bảng 6. Các chương trình hoạt động của khu DTSQ TG Langbiang.....	52
Bảng 7. Các hoạt động của BQL KDTSQ TG Langbiang.....	53
Bảng 8. Sự tương thích giữa các hoạt động của KDTSQ TG Langbiang và các quy hoạch, kế hoạch, dự án đang được tổ chức thực hiện tại Lâm Đồng.....	54
Bảng 9. Các hoạt động ưu tiên trong kế hoạch quản lý	61
Bảng 10. Chức năng nhiệm vụ của Ban quản lý Khu DTSQ TG Langbiang	63
Bảng 11. Trách nhiệm của các đơn vị triển khai hoạt động của.....	68
Bảng 12. Nhu cầu ngân sách dự kiến cho các hoạt động giai đoạn 2018-2022 .	74
Bảng 13. Kế hoạch thực hiện các chương trình hoạt động ưu tiên.....	79

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Bản đồ độ dốc của KDTSQ.....	25
Hình 2. Bản đồ địa hình của KDTSQ	25
Hình 3. Bản đồ thủy văn KDTSQ TG Langbiang	26
Hình 4. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất KDTSQ TG Langbiang năm 2010.....	28
Hình 5. Bản đồ độ che phủ rừng và thảm thực vật KDTSQ TG Langbiang (nguồn: NFI&S 2016)	29
Hình 6. Bản đồ ranh giới hành chính khu DTSQ TG Langbiang	33
Hình 7. Sơ đồ mục tiêu quản lý.....	41
Hình 8. Bản đồ phân khu của khu DTSQ TG Langbiang	49
Hình 9. Đề xuất khung quản lý khu DTSQ TG Langbiang	62
Hình 10. Sơ đồ bộ máy Ban Quản lý khu DTSQ TG Langbiang	63

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BĐKH	Biến đổi Khí hậu
BQL	Ban Quản lý
CBD	Công ước Bảo tồn Đa dạng Sinh học
CM	Quản lý Hợp tác
DLST	Du lịch Sinh thái
DTSQ	Dự trữ Sinh quyển
DTSQ TG	Dự trữ Sinh quyển Thế giới
ĐDSH	Đa dạng Sinh học
GDMT	Giáo dục Môi trường
HST	Hệ Sinh thái
JICA	Cơ quan Hợp tác Phát triển Nhật Bản
KT – XH	Kinh tế - Xã hội
KH & CN	Khoa học và Công nghệ
LBLBR - MB	Ban Quản lý khu Dự trữ Sinh quyển Thế giới Langbiang
MAB	Chương trình Con người và Sinh quyển
MAB - UNESCO	Chương trình Con người và Sinh quyển UNESCO
METT	Công cụ Giám sát Hiệu quả Quản lý Bảo tồn
NNNS	Ngân sách Nhà nước
ODA	Viện trợ Phát triển Chính thức
PTBV	Phát triển Bền vững
SNRM	Dự án Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên Bền vững
TN & MT	Tài nguyên và Môi trường
TNTN	Tài nguyên Thiên nhiên
UBND	Ủy ban Nhân dân
UBQG	Ủy ban Quốc gia
UBQG - MAB	Ủy ban Quốc gia Chương trình Con người và Sinh quyển Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hiệp quốc
UNESCO	
VQG	Vườn Quốc gia
WNBR	Mạng lưới các khu Dự trữ Sinh quyển Toàn cầu
WWF	Quỹ Quốc tế Bảo vệ Thiên nhiên

1 TỔNG QUAN

1.1 Giới thiệu

Khu vực cao nguyên Langbiang và vùng phụ cận được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hiệp Quốc (UNESCO) công nhận là khu dự trữ sinh quyển thế giới (DTSQ) vào ngày 9/6/2015 (ESCO, 2015). Đây là khu DTSQ thứ 9 của Việt Nam. Mục đích chính của việc thành lập các khu DTSQ là thúc đẩy sự hợp tác, học tập để duy trì các hệ sinh thái khỏe mạnh, bảo đảm phúc lợi của người dân và phát triển kinh tế tiến bộ (Heinrup and Schultz, 2017). Điều này cũng phù hợp với mục tiêu tổng quát của “Kế hoạch Hành động Quốc gia thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 vì sự Phát triển Bền vững” của Việt Nam nhằm “Duy trì tăng trưởng bền vững đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái, quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm mọi người dân được phát huy mọi tiềm năng, tham gia và thụ hưởng thành quả của phát triển; xây dựng một xã hội Việt Nam thịnh vượng, hòa bình, dân chủ, công bằng, văn minh và bền vững” (VPPTBV, 2016). Do vậy các khu DTSQ cần được quản lý, điều phối để trở thành nơi học tập và mô hình cho phát triển bền vững (GIZ, 2016).

Khu Dự trữ Sinh quyển Thế giới (DTSQ TG) Langbiang có diện tích 276.440 ha, nằm trên địa bàn 5 huyện và 1 thành phố của tỉnh Lâm Đồng, gồm: Lạc Dương, Lâm Hà, Đam Rông, Đơn Dương, Đức Trọng và thành phố Đà Lạt. Các giá trị cốt lõi của khu DTSQ TG Langbiang đã được UNESCO công nhận: là khu vực đa dạng các hệ sinh thái đại diện cho một khu vực địa lý sinh học nhất định; là khu vực có ý nghĩa với bảo tồn đa dạng sinh học và văn hóa; khu vực này có thể thực hiện phát triển bền vững, đáp ứng được ba chức năng của một khu dự trữ sinh quyển đó là bảo tồn, hỗ trợ và phát triển. Như vậy khu DTSQ TG Langbiang đã được khẳng định là khu vực cảnh quan chứa đựng những giá trị toàn cầu, đây cũng là cơ sở để tỉnh Lâm Đồng tham gia xây dựng và thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 vì sự Phát triển Bền vững của Việt Nam.

Tuy vậy, việc duy trì và bảo vệ các giá trị cốt lõi của khu DTSQ TG Langbiang để phục vụ phát triển bền vững còn gặp nhiều khó khăn và thách thức. Có những khó khăn, thách thức từ bên ngoài như mặt trái của toàn cầu hóa, khủng hoảng kinh tế, xung đột và biến đổi khí hậu, dịch bệnh... Ngoài ra còn có các khó khăn, thách thức khác mang tính nội tại như vấn đề phát triển hành lang kinh tế Đông Tây, quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng trong những năm gần đây, sự gia tăng dân số của khu vực cả tự nhiên lẫn cơ học làm gia tăng nhu cầu sử dụng tài nguyên hay sự thiếu hụt tài chính cho các hoạt động bảo tồn ...

đã tác động tiêu cực đến sự toàn vẹn của các hệ sinh thái. Các khó khăn, thách thức nêu trên không chỉ tác động tiêu cực tới khu DTSQ TG Langbiang mà còn tác động đến thể chế và kế hoạch quản lý của nhiều ngành, nhiều cấp khác nhau.

Với phương châm “Bảo tồn để phát triển, phát triển để bảo tồn” và cơ chế điều phối đa ngành, đa lĩnh vực mà UBND tỉnh Lâm Đồng và đại diện là Ban quản lý khu DTSQ TG Langbiang áp dụng đối với khu DTSQ, việc xây dựng một kế hoạch quản lý chính thức nhằm bảo vệ, duy trì và phát huy các giá trị của khu DTSQ phục vụ phát triển bền vững KT-XH của địa phương là rất cần thiết.

Được sự tài trợ của Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA), Viện Nghiên cứu Khoa học Tây Nguyên phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu và Giáo dục Môi trường/Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và Ban Quản lý khu DTSQ TG Langbiang xây dựng “Kế hoạch quản lý 5 năm khu DTSQ TG Langbiang”. Kế hoạch được xây dựng theo phương pháp tiếp cận SLIQ: Tư duy hệ thống, quy hoạch cảnh quan, điều phối liên ngành, kinh tế chất lượng trong toàn bộ quy trình quản lý và hoạt động của khu DTSQ. Trong suốt quá trình xây dựng, bản kế hoạch đã nhiều lần được góp ý, sửa chữa và hoàn thiện thông qua các đợt tham vấn với sự tham gia của nhiều nhà khoa học, các nhà quản lý, hội đồng tư vấn của khu DTSQ TG Langbiang và các chuyên gia Nhật Bản.

Bản kế hoạch cuối cùng sẽ được Ban quản lý khu DTSQ TG Langbiang trình UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt và chính thức đưa vào thực hiện.

1.2 Tính cấp thiết

(1) Theo yêu cầu của UNESCO, một khu dự trữ sinh quyển bắt buộc phải có kế hoạch quản lý, và kế hoạch quản lý này phải gắn kết với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch sử dụng đất của địa phương và các quy hoạch, chương trình phát triển các ngành khác. Kế hoạch quản lý này cũng cần thiết phải kế thừa và hỗ trợ cho các kế hoạch quản lý sẵn có của các vùng lõi (vườn quốc gia/khu bảo tồn) (UNESCO, 2013a).

(2) Khu DTSQ TG Langbiang mới được tổ chức UNESCO công nhận vào tháng 6/2015 do đó chưa được đề cập tới trong các chủ trương chính sách phát triển kinh tế - xã hội cấp tỉnh và cấp trung ương (Quyết định số 1462/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020 (Thủ tướng Chính phủ, 2011); Quyết định số 1119/QĐ-UBND của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt Kế hoạch hành động thực hiện chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (UBND Lâm Đồng, 2013); Quyết định số 704/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 (Thủ

tướng Chính phủ, 2014); Nghị quyết số 19/2016/NQ-HĐND tỉnh Lâm Đồng về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 -2020 tỉnh Lâm Đồng (HĐND, 2016). Điều đó có nghĩa là các hoạt động của khu DTSQ TG Langbiang không được ngân sách đầu tư trực tiếp trong giai đoạn 2016-2020 nếu không có kế hoạch quản lý được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và bổ sung vào kế hoạch phát triển chung.

(3) Trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 của tỉnh Lâm Đồng có các chương trình, dự án đầu tư trong khu DTSQ TG Langbiang do các ngành, các cấp triển khai tổ chức thực hiện. Để đáp ứng mục tiêu phát triển KT-XH và phát triển bền vững với cơ chế điều phối đa ngành, đa lĩnh vực, việc phát huy hiệu quả cũng như lồng ghép các chương trình, dự án đã được phê duyệt vào các mục tiêu quản lý của khu DTSQ TG Langbiang là rất cần thiết.

Do vậy, việc xây dựng Kế hoạch quản lý khu DTSQ TG Langbiang nhằm huy động hiệu quả các nguồn lực và phát huy tối đa hiệu quả hợp tác giữa các bên liên quan, từ đó đóng góp cho sự phát triển KT-XH của địa phương, tăng cường năng lực ứng phó với BĐKH và xây dựng khu sinh quyền trở thành một mô hình học tập cho phát triển bền vững. Đây cũng là các mục tiêu của Chương trình Nghị sự 2030 của Việt Nam (mục tiêu 3, 8, 11, 15, 17) và Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020.

1.3 Quy mô của kế hoạch quản lý

Kế hoạch quản lý tập trung cho toàn bộ khu DTSQ với diện tích 2,764 km² nằm địa bàn 5 huyện hoặc 35 xã của tỉnh Lâm Đồng. Các mục tiêu và kế hoạch hành động được đưa ra và phát triển dựa trên tiền đề để kế hoạch quản lý sẽ được thực hiện trong 5 năm tới (2018-2022).

Kế hoạch quản lý bao gồm tổng cộng 9 (chín) chương: chương 1 giới thiệu bối cảnh kế hoạch quản lý; chương 2 giải thích phương pháp được sử dụng để xây dựng kế hoạch quản lý; chương 3 giải thích sự cần thiết của kế hoạch quản lý; chương 4 mô tả các điều kiện hiện tại của khu DTSQ; chương 5 nêu các vấn đề chính cần được giải quyết trong việc quản lý khu DTSQ; chương 6 giải thích tầm nhìn, mục tiêu, và chiến lược của kế hoạch quản lý; chương 7 mô tả chi tiết kế hoạch hành động bao gồm 9 chương trình (có 35 hoạt động) cùng các khung thể chế; chương 8 đưa ra các đề xuất tài chính dự kiến cho các hoạt động cụ thể của các chương trình chưa có trong quy hoạch/kế hoạch tổng thể hiện tại của các đơn vị liên quan; chương 9, chương cuối cùng, mô tả các hoạt động đánh giá và giám sát sẽ được ban quản lý khu DTSQ phối hợp cùng các ngành/đơn vị liên quan trong tỉnh Lâm Đồng thực hiện.

2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU ĐỂ PHÁT TRIỂN KẾ HOẠCH QUẢN LÝ

2.1 Khái niệm cơ bản

2.1.1 Phát triển kế hoạch hợp tác đa ngành

Một trong những đặc thù của khu DTSQ TG Langbiang cần được giải quyết trong quá trình chuẩn bị kế hoạch quản lý là quy mô và tính đa dạng khi nó bao gồm toàn bộ khu vực Vườn Quốc Gia (VQG) Bidoup Núi Bà và khu vực đô thị hóa nhất trong tỉnh (thành phố Đà Lạt và huyện Đức Trọng). Để xây dựng mô hình phát triển bền vững cho toàn bộ khu DTSQ TG Langbiang, kế hoạch quản lý là một kế hoạch tổng thể bao gồm những tiếp cận rộng và các hành động được thực thi trong khuôn khổ hợp tác đa ngành. Vì vậy, tất cả các Sở và các đơn vị Chính quyền địa phương liên quan phải tham gia vào quá trình soạn thảo kế hoạch quản lý cũng như các bên liên quan chủ chốt thực hiện.

2.1.2 Tính nhất quán trong các chiến lược và kế hoạch hiện có

Khi quá trình chuẩn bị kế hoạch quản lý bắt đầu vào giữa năm 2016, tất cả các quy hoạch tổng thể của tỉnh (ví dụ: kế hoạch phát triển KT-XH, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng, kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH) và các chiến lược phát triển bền vững...) đã có sẵn. Nếu xây dựng kế hoạch quản lý mà không xem xét đến các quy hoạch hiện có sẽ gây khó khăn cho các Sở, Ban

ngành liên quan phải đảm bảo ngân sách cần thiết để thực hiện các tiểu chương trình/các tiểu hoạt động được đề xuất trong kế hoạch quản lý.

Do đó, cần thiết phải xác định và sắp xếp các dự án/hoạt động thuộc các kế hoạch phát triển KT-XH vào quy hoạch tổng thể hiện có trong các đơn vị liên quan để chuẩn bị cho việc lập kế hoạch quản lý. Điều này cũng nhằm mục đích để cho các bên tham gia chấp nhận, thực thi trong khung kế hoạch phát triển KT-XH cũng như các chiến lược liên quan và quy hoạch tổng thể của các ngành chủ chốt trong tỉnh.

2.1.3 Tổng hợp các hoạt động để vận hành khu DTSQ TG Langbiang và tiến hành thử nghiệm trên đồng ruộng tại hiện trường

Bên cạnh các dự án/hoạt động hiện có liên quan đến việc quản lý khu DTSQ TG Langbiang, cần phải kết hợp các hoạt động chưa được lên chương trình vào kế hoạch quản lý, bao gồm:

- (1) Các hoạt động cần thiết để quản lý và vận hành Ban quản lý Khu DTSQ TG Langbiang như lên kế hoạch, giám sát, đánh giá, nâng cao năng lực.
- (2) Các hoạt động để tiếp tục và xúc tiến thử nghiệm trên hiện trường đang được triển khai bởi dự án JICA - Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM).
- (3) Các hoạt động không được lên chương trình trong kế hoạch hiện có nhưng cần thiết để cải thiện việc quản lý khu DTSQ TG Langbiang như nâng cao nhận thức công chúng và giáo dục môi trường (GDMT).

Đặc biệt, nên xem xét các vấn đề liên quan đến thử nghiệm trên hiện trường do dự án SNRM tiến hành như: i) phát triển (hoặc cải tiến) mô hình quản lý hợp tác; ii) phát triển các lựa chọn cải thiện sinh kế bền vững; và iii) phát triển mô hình du lịch sinh thái (DLST) dựa vào cộng đồng và chương trình GDMT, vì các mô hình này nên được áp dụng rộng rãi và được thể chế hóa trở thành hệ thống công cụ để quản lý hệ sinh thái rừng bền vững trong khu DTSQ TG Langbiang.

2.2 Tiến trình xây dựng kế hoạch quản lý

Kế hoạch quản lý được xây dựng theo tiến trình dưới đây:

- (1) Tư vấn với các đại diện từ các bên liên quan (ví dụ: các cơ quan Chính phủ, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các đơn vị tư nhân)
- (2) Thu thập và rà soát các chính sách hiện có, văn bản luật, các chiến lược, và kế hoạch liên quan đến quản lý khu DTSQ

- (3) Rà soát các hoạt động đang diễn ra (thử nghiệm trên hiện trường) bao gồm các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật của SNRMP
- (4) Xác định các chương trình/dự án/hoạt động của kế hoạch quản lý
- (5) Kiểm tra khung thể chế để thực hiện cùng với vai trò và trách nhiệm của các bên liên quan chính đến việc thực hiện
- (6) Dự toán ngân sách cần thiết để thực hiện chương trình/hoạt động cụ thể
- (7) Phát triển kế hoạch thực hiện cho kế hoạch quản lý
- (8) Phát triển kế hoạch giám sát, đánh giá
- (9) Tư vấn với các đơn vị chính phủ liên quan về bản thảo kế hoạch quản lý
- (10) Trình hội nghị Khu DTSQ Thế giới Langbiang.
- (11) Chỉnh sửa kế hoạch quản lý.
- (12) Trình các Sở chuyên môn Thẩm định
- (13) Trình UBND Tỉnh Lâm Đồng phê duyệt.

2.3 Các phương pháp

2.3.1 Thu thập dữ liệu

Các tư liệu như luật, chính sách, chiến lược, quy hoạch tổng thể hiện hành được thu thập và rà soát để lập kế hoạch quản lý (Phụ lục 2 trình bày quá trình thu thập và rà soát tư liệu và thông tin).

2.3.2 Đánh giá các tình hình hiện tại

Bên cạnh việc nghiên cứu nội nghiệp tình hình hiện tại của khu DTSQ TG Langbiang, hội thảo tháng 12 năm 2016 đã phân tích các tình huống đặc biệt, phân tích SWOT thực hiện có sự tham gia của các bên liên quan như đại diện của các Sở, UBND cấp huyện, các đơn vị tư nhân trong tỉnh Lâm Đồng.

2.3.3 Đánh giá các chương trình/dự án/hoạt động của kế hoạch quản lý

Thông qua việc rà soát, đánh giá các chiến lược, quy hoạch tổng thể hiện tại của các đơn vị liên quan, các chương trình, dự án hiện có liên quan đến quản lý bền vững ở Khu DTSQ TG Langbiang được xác định là những can thiệp tiềm năng để quản lý khu DTSQ. Các can thiệp tiềm năng này được đánh giá sâu hơn liên quan đến các khía cạnh và chọn lựa những đặc điểm hiệu quả nhất để đạt

được mục tiêu của kế hoạch quản lý như đã đề xuất trong các chương trình/tiểu chương trình và các hoạt động cụ thể:

- Đóng góp vào các giá trị bảo tồn và chức năng của hệ sinh thái trong khu DTSQ TG Langbiang đặc biệt là vùng lõi;
- Đóng góp vào việc hình thành mô hình phát triển sinh kế bền vững (mô hình để cải thiện sinh kế người dân mà không gây suy thoái môi trường);
- Xúc tiến GDMT và nghiên cứu bảo tồn ĐDSH trong khu DTSQ;
- Đóng góp vào việc hình thành khung thể chế hoặc hệ thống để sử dụng và quản lý bền vững khu DTSQ TG Langbiang;
- Xúc tiến chia sẻ lợi ích và các dịch vụ môi trường do hệ sinh thái tạo ra cho cộng đồng sống trong khu DTSQ; và
- Những tiêu chí tương tự được sử dụng để chọn lựa các tiểu chương trình/các hoạt động liên quan đến việc vận hành và quản lý Khu DTSQ TG Langbiang sau khi đưa ra danh mục các hoạt động tiềm năng của ban quản lý.

2.3.4 Dự toán chi phí của kế hoạch quản lý

Chi phí của các chương trình/ tiểu chương trình và các hoạt động cụ thể mới được đề xuất trong kế hoạch quản lý đã được dự toán sơ bộ. Những nội dung đã được lên kế hoạch trong quy hoạch tổng thể hiện có của các đơn vị liên quan không được dự toán trong kế hoạch này để tránh phân bổ ngân sách chồng chéo.

3 CƠ SỞ ĐỂ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH QUẢN LÝ

3.1 Những chính sách hiện hành về quản lý khu DTSQ

3.1.1 Kế hoạch hành động Lima về các khu DTSQ giai đoạn 2016-2025

Kế hoạch hành động Lima về các khu DTSQ giai đoạn 2015-2025 hướng tới một thế giới mà mọi người đều có ý thức về tương lai chung của họ và tương tác với hành tinh của chúng ta, đồng thời cùng chung tay hành động và có trách nhiệm xây dựng xã hội phát triển bền vững (PTBV) trong sự hòa hợp với sinh quyển.

Kế hoạch Hành động Lima gồm 4 nhiệm vụ chính: i) Phát triển và củng cố các mô hình phát triển bền vững trong Mạng lưới các khu Dự trữ Sinh quyển Toàn cầu (WNBR); ii) Truyền đạt những kinh nghiệm và bài học thu được, tạo điều kiện cho việc phổ biến và ứng dụng các mô hình này trên toàn cầu; iii) Hỗ trợ việc đánh giá và quản lý chất lượng cao, các chiến lược và chính sách PTBV

và lập kế hoạch; iv) Giúp đỡ các thành viên và các bên liên quan đáp ứng Mục tiêu PTBV thông qua kinh nghiệm từ mạng lưới các khu DTSQ, đặc biệt là việc khám phá và thử nghiệm chính sách, công nghệ và đổi mới quản lý bền vững ĐDSH và tài nguyên thiên nhiên và giảm nhẹ, thích ứng với BĐKH.

Để đạt được bốn nhiệm vụ như trên, các khu DTSQ cần tập trung vào 5 lĩnh vực hành động chiến lược và các kết quả (đầu ra) cần đạt được như sau:

(1) Mạng lưới các khu DTSQ bao gồm các mô hình chức năng hiệu quả cho phát triển bền vững với các kết quả chính cần đạt được (i) Các khu DTSQ có các đóng góp có thể đo lường được vào mục tiêu phát triển bền vững quốc gia, hỗ trợ tích cực cho việc thực hiện các hiệp ước môi trường đa phương, đem lại lợi ích cho bảo tồn ĐDSH và cộng đồng bản địa, duy trì và phát triển hệ thống xã hội-sinh thái trong khu DTSQ, hình thành các hướng dẫn hoạt động mà hội nhập được các kế hoạch hoạt động của địa phương, quốc gia và khu vực cũng như các nguồn tài chính cho các hoạt động này; (ii) Tăng cường hợp tác công tác giáo dục môi trường vào đào tạo phát triển nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học, xây dựng kế hoạch kinh doanh và tìm kiếm nguồn tài chính bền vững cho khu DTSQ.

(2) Mở rộng việc hợp tác tổng hợp, năng động và hiệu quả, hình thành mạng lưới hợp tác trong Chương trình Con người và Sinh quyển và trong mạng lưới các khu DTSQ với các kết quả chính cần đạt được: (i) Hình thành và triển khai các chương trình đào tạo và nâng cao năng lực toàn cầu, bao gồm các môn học trong các trường đại học; (ii) Thúc đẩy mạnh mẽ sự tham gia của các bên có liên quan, đặc biệt các nhà khoa học nghiên cứu trong lĩnh vực sinh quyển và chia sẻ thông tin trong nghiên cứu.

(3) Hợp tác hiệu quả với các đối tác bên ngoài và tìm kiếm nguồn tài trợ bền vững, đầy đủ cho Chương trình Con người và Sinh quyển và trong mạng lưới các khu DTSQ với các kết quả chính cần đạt được: (i) Xây dựng và triển khai kế hoạch kinh doanh và marketing cho khu DTSQ chú trọng phối hợp với khu vực tư nhân, (ii) Xây dựng nhãn hiệu khu DTSQ kết hợp các chính sách hiện có của quốc gia, nhãn hiệu được quảng bá cho hàng hóa và dịch vụ của khu DTSQ;

(4) Truyền thông, thông tin và chia sẻ dữ liệu minh bạch toàn diện, hiện đại, mở và minh bạch với kết quả chính cần đạt được là xây dựng và triển khai thực hiện chiến lược và kế hoạch truyền thông cho các khu DTSQ;

(5) Quản trị hiệu quả trong Chương trình Con người và Sinh quyển và trong mạng lưới các khu DTSQ với kết quả chính cần đạt được là hình thành các hệ thống quản lý các khu DTSQ với bản chất liên ngành, đảm bảo nguồn tài

chính cho các hoạt động của hệ thống quản lý, xây dựng hệ thống báo cáo, giám sát các hoạt động.

Như vậy, để đáp ứng được mục tiêu quản lý hiệu quả của các khu DTSQ thì các khu cần phải xây dựng một bản kế hoạch phù hợp cùng các tham chiếu cần thiết với các mục tiêu của Kế hoạch hành động Lima mà vẫn đảm bảo phù hợp và khả thi trong điều kiện Việt Nam. Chính vì thế, việc xây dựng một bản kế hoạch cụ thể cho Langbiang là cần thiết để đáp ứng nhu cầu đó.

3.1.2 Ủy Ban Quốc Gia (UBQG) Con người và Sinh quyển Việt Nam

Quyết định thành lập

Ủy Ban Quốc gia Con người và Sinh quyển Việt Nam (MAB Việt Nam) là một tổ chức trực thuộc Tiểu ban Khoa học Tự nhiên thuộc UBQG UNESCO Việt Nam, hoạt động theo Quyết định 03/BTK/07, ngày 18/1/2007 của Chủ tịch UBQG UNESCO của Việt Nam.

Chức năng, nhiệm vụ

- (1) Là đầu mối quốc gia điều hành và thực hiện những hoạt động nghiên cứu về những vấn đề chuyên môn thuộc lĩnh vực khu DTSQ trong khuôn khổ các hoạt động nghiên cứu khoa học của Chương trình Con người và Sinh quyển thuộc Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hiệp Quốc (MAB/UNESCO), theo quy chế của MAB/UNESCO;
- (2) Thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động do UBQG UNESCO Việt Nam phân công;
- (3) Nghiên cứu và trình lên các cơ quan cấp trên (Chính phủ, Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam, Bộ KH&CN, Bộ TN&MT) các vấn đề về phương hướng, chính sách, chương trình và kế hoạch hoạt động của Việt Nam liên quan đến lĩnh vực con người và sinh quyển của MAB/UNESCO;
- (4) Báo cáo UBQG UNESCO Việt Nam và MAB/UNESCO theo định kỳ hàng năm về công tác tổ chức và hoạt động của MAB VN;
- (5) Hỗ trợ các địa phương trong việc chuẩn bị hồ sơ đề cử khu DTSQ đệ trình Ban thư ký MAB/UNESCO;
- (6) Giữ mối liên hệ với Tiểu ban Khoa học Tự nhiên UNESCO nhằm thúc đẩy các chương trình hợp tác giữa Việt Nam và UNESCO trong lĩnh vực khoa học tự nhiên nói chung và sinh quyển nói riêng;
- (7) Giữ mối liên hệ và hợp tác với các Tiểu ban khác thuộc Ủy ban Quốc gia UNESCO;

- (8) Phối hợp triển khai với các cơ quan liên quan trong công tác MAB/UNESCO nhằm thực hiện những nhiệm vụ và quyền hạn của Việt Nam đối với MAB/UNESCO;
- (9) Thông báo tin tức hoạt động của MAB/UNESCO cho các cơ quan, tổ chức hữu quan ở trong nước;
- (10) Thường xuyên giao dịch với MAB/UNESCO quốc tế và khu vực để phối hợp và kết nối các tổ chức, các nhà khoa học thế giới nhằm tăng cường hợp tác, trao đổi kiến thức, kinh nghiệm trong khuôn khổ hoạt động của MAB.

Tổ chức bộ máy

Gồm 01 chủ tịch, không quá 03 phó chủ tịch, 01 Ban Thư ký. Ban Thường trực của MAB VN gồm chủ tịch, các phó chủ tịch và Ban thư ký.

Các hoạt động chủ yếu

- Đề cử công nhận 9 khu DTSQ bao gồm: Cần Giờ, Đồng Nai, châu thổ sông Hồng, Cát Bà, Kiên Giang, Tây Nghệ An, Cù Lao Chàm – Hội An, Cà Mau, Langbiang.
- Chủ trì, tham gia các dự án, chương trình và đề tài khoa học trong nước và hợp tác quốc tế.

Nguồn lực để thực hiện các hoạt động

- Ngân sách Nhà nước
- Hỗ trợ của các đề tài nghiên cứu khoa học và dự án quốc tế

Mục tiêu dài hạn của MAB Việt Nam

Tầm nhìn

Hài hòa giữa con người và thiên nhiên trong tiến trình phát triển bền vững của quốc gia

Nhiệm vụ

Sử dụng khu DTSQ như những "phòng thí nghiệm học tập" để áp dụng các ý tưởng và cách tiếp cận đa dạng trong bảo tồn và phát triển nhằm đáp ứng các nhu cầu của con người sao cho bền vững về các mặt kinh tế, sinh thái và văn hóa.

3.1.3 Chiến lược đa dạng sinh học quốc gia đến 2020, tầm nhìn đến năm 2030

Chiến lược quốc gia về Đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được xây dựng để đáp ứng các cam kết quốc tế của Chính phủ Việt Nam trong khuôn khổ Công ước Bảo tồn Đa dạng sinh học (CBD) và xác định các mục tiêu và nhiệm vụ bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học trong

nước trong giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2020. Mục tiêu chính của Chiến lược Quốc gia về Đa dạng sinh học là bảo vệ và sử dụng bền vững các hệ sinh thái quan trọng, các loài nguy cấp, quý hiếm và các nguồn gen để đóng góp cho sự phát triển của nền kinh tế xanh và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu đến năm 2020.

Để đạt được mục đích này, chiến lược này nhằm: i) cải thiện chất lượng và tăng diện tích các hệ sinh thái được bảo vệ, ii) nâng cao chất lượng và quần thể các loài đặc hữu nguy cấp và iii) điều tra, lưu trữ các nguồn gen bản địa, nguy cấp, hiếm và quý giá.

Do đó, việc quản lý khu dự trữ sinh quyển, đặc biệt là quản lý vùng lõi sẽ đóng góp đáng kể vào việc đạt được các mục tiêu đề ra trong Chiến lược Quốc gia về Đa dạng sinh học.

3.1.4 Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam

Kế hoạch Bảo vệ và Phát triển được xây dựng và ban hành theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 57/QĐ-TTg ngày 9/01/2012 để định hướng cho tất cả các bên có liên quan trong ngành lâm nghiệp theo các mục tiêu sau:

- Quản lý có hiệu quả các nguồn tài nguyên rừng và đất sẵn có cho lâm nghiệp một cách hiệu quả và bền vững;
- Tăng độ che phủ rừng lên 42-43% vào năm 2015 và 44-45% năm 2020; Tăng năng suất, chất lượng và giá trị của rừng; Cơ cấu lại ngành theo hướng gia tăng giá trị lâm nghiệp; Đáp ứng nhu cầu cơ bản về gỗ và lâm sản phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu;
- Tạo ra nhiều cơ hội việc làm; Cải thiện cơ cấu thu nhập của các hộ gia đình phụ thuộc vào rừng; Góp phần xóa đói giảm nghèo; Bảo đảm an ninh, quốc phòng.

Tương tự, việc quản lý rừng hợp lý trong vùng lõi và vùng đệm của khu dự trữ sinh quyển bao gồm việc bảo vệ, phục hồi và phục hồi rừng sẽ phù hợp với kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của quốc gia.

3.2 Chiến lược, Quy hoạch cấp tỉnh liên quan đến quản lý khu DTSQ TG Langbiang

3.2.1 Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2011-2020 theo quyết định số 1462/QĐ-TTg

Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020 của tỉnh Lâm Đồng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 1462/QĐ-TTg ngày 23 tháng 8 năm 2011. Các mục tiêu chính của kế hoạch

tổng thể là: i) đưa tỉnh Lâm Đồng phát triển tốt ở khu vực Tây Nguyên với sự phát triển của ngành dịch vụ và có cơ sở hạ tầng hiện đại, ii) phát triển hệ thống giáo dục và đào tạo phát triển nguồn nhân lực, iii) cải thiện điều kiện sống và văn hoá của đồng bào dân tộc, và iv) duy trì quốc phòng và an ninh.

Quy hoạch tổng thể vạch ra đường lối và định hướng phát triển cho tất cả các ngành trong tỉnh, để đạt được các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể của quy hoạch. Nội dung quy hoạch được phản ánh đầy đủ trong các bản quy hoạch/ kế hoạch hành động của các sở, ban ngành.

3.2.2 Quy hoạch Bảo tồn Đa dạng Sinh học tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 23/1/2017

Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt theo Quyết định số 169/QĐ-UBND nhằm mục đích: i) bảo tồn và phát triển bền vững các hệ sinh thái quan trọng, các loài nguy cấp, các loài và nguồn gen quý hiếm trong tỉnh và ii) duy trì và phát triển các dịch vụ hệ sinh thái để ứng phó với biến đổi khí hậu.

Kế hoạch tổng thể đề xuất sáu chương trình ưu tiên với 30 dự án. Các chương trình bao gồm:

- a. Nâng cao nhận thức xã hội về bảo tồn đa dạng sinh học
- b. Nâng cao năng lực quản lý bảo tồn đa dạng sinh học
- c. Lập kế hoạch chi tiết và thành lập các khu bảo tồn
- d. Xây dựng cơ sở vật chất phục vụ bảo tồn
- e. Tăng cường sự tham gia của công đồng trong công tác bảo tồn
- f. Triển khai các dự án tổng hợp có liên quan

3.2.3 Kế hoạch Hành động thực hiện Chiến lược Phát triển Bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 trên địa bàn Tỉnh Lâm Đồng theo Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 10/6/2013

Kế hoạch Hành động thực hiện Chiến lược Phát triển Bền vững Việt Nam trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đã được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt theo Quyết định số 1119/QĐ-UBND nhằm mục đích xác định quy trình, các chương trình và nhiệm vụ chính cho các tổ chức có liên quan để triển khai Chiến lược Phát triển Bền vững của Việt Nam (2011-2020) được Thủ tướng phê duyệt theo Quyết định số 432/ QĐ-TTg ngày 12/4/2012. Tổng cộng có 12 mục tiêu bao gồm 108 dự án được đề xuất trong kế hoạch hành động trong đó Phát triển môi trường bền vững, bảo tồn thiên nhiên và tăng trưởng xanh là những mục tiêu

chính của kế hoạch hành động. Kế hoạch Hành động này có mức độ tương quan cao đối với kế hoạch quản lý khu DTSQ.

3.2.4 Kế hoạch Phát triển và Bảo vệ rừng tỉnh Lâm Đồng theo Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 01/5/2013

Kế hoạch Bảo vệ và Phát triển Rừng của tỉnh đã được phê duyệt theo Quyết định Số 18/QĐ-UBND ngày 01/5/2013 nhằm tăng cường bảo vệ rừng, phát triển và sử dụng bền vững rừng trên địa bàn tỉnh phù hợp với chiến lược bảo vệ và phát triển rừng quốc gia (Quyết định số 57/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ). Mục tiêu của kế hoạch là: i) Quản lý và sử dụng bền vững rừng hiện có trong ba loại rừng; ii) Đảm bảo sự tham gia của các thành phần kinh tế và cộng đồng địa phương trong công tác bảo vệ và phát triển rừng; và iii) Bảo vệ các nguồn nước, hệ sinh thái và đa dạng sinh học để duy trì các dịch vụ hệ sinh thái rừng. Do công tác bảo vệ và khôi phục rừng trong vùng là những hoạt động chính của kế hoạch, kế hoạch có thể được đồng bộ với kế hoạch quản lý của khu DTSQ TG Langbiang.

3.2.5 Kế hoạch Triển khai Thực hiện Chiến lược Bảo vệ Môi trường Quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng theo Quyết định số 2527/QĐ-UBND ngày 20/11/2014

Kế hoạch thực hiện Chiến lược Bảo vệ Môi trường Quốc gia đã được UBND tỉnh (Quyết định số 2527/QĐ-UBND) phê duyệt năm 2014 để bảo vệ môi trường ở tỉnh Lâm Đồng phù hợp với Chiến lược Bảo vệ Môi trường Quốc gia. Kế hoạch thực hiện bao gồm 11 hợp phần: i) phòng ngừa và kiểm soát nguyên nhân gây ô nhiễm; ii) kiểm soát, xử lý và giảm nguồn ô nhiễm; iii) cải thiện và giảm nhẹ ô nhiễm; iv) xây dựng cơ sở hạ tầng môi trường; v) Sử dụng có hiệu quả và bền vững tài nguyên thiên nhiên; vi) bảo tồn đa dạng sinh học; vii) cải thiện hành động đối phó với biến đổi khí hậu và giảm lượng khí nhà kính; viii) nâng cao nhận thức; ix) phát triển và củng cố các khung pháp lý và chính sách; x) phát triển và ứng dụng công nghệ cao và Nghiên cứu khoa học; xi) phát triển kinh tế môi trường; xii) đa dạng hóa đầu tư; và xiii) hợp tác quốc tế.

Do tính chất của kế hoạch, các chương trình và dự án ưu tiên, đặc biệt là các hoạt động liên quan đến quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học và kiểm soát ô nhiễm liên quan đến kế hoạch quản lý khu DTSQ TG Langbiang.

3.3 Khung pháp lý hiện tại trong quản lý khu DTSQ

3.3.1 Tổng quan

Chương trình Con người và Sinh quyển thuộc UNESCO yêu cầu các khu DTSQ xây dựng và thành lập cơ cấu quản lý để huy động sự tham gia của nhiều bên liên quan, bao gồm chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư và khối tư nhân để thiết kế và thực hiện các chức năng của khu dự trữ sinh quyển (tiêu chí thứ 6) và có cơ chế thực hiện nhiệm vụ quản lý và bảo tồn được UNESCO chấp nhận, bao gồm: (a) cơ chế quản lý các hoạt động khai thác của con người tại vùng đệm; (b) có chính sách hoặc kế hoạch quản lý cho toàn khu dự trữ sinh quyển; (c) có một cơ chế hoặc đội ngũ quản lý được thành lập để thực hiện chính sách hoặc kế hoạch đó; (d) có các chương trình nghiên cứu, quan trắc, giáo dục và đào tạo (tiêu chí thứ 7).

Các tiêu chí này cũng là cơ sở để MAB-UNESCO đánh giá hiệu quả quản lý của một khu DTSQ được công nhận và quyết định rút danh hiệu nếu khu DTSQ không đáp ứng các tiêu chí nêu trên. Mọi quốc gia thành viên khi tham gia mạng lưới đều chấp thuận các điều kiện này. Việt Nam là một trong những thành viên của mạng lưới MAB-UNESCO nên việc xây dựng kế hoạch quản lý cho khu DTSQ TG Langbiang là một yêu cầu phải thực hiện.

Ở Việt Nam, hiện nay khung pháp lý các khu DTSQ thế giới được MAB-UNESCO công nhận đang được UBND MAB Việt Nam (MAB Việt Nam) dự thảo. Bản dự thảo đang trong quá trình tham vấn các bên liên quan để trình Chính phủ phê duyệt. Các hoạt động hỗ trợ của MAB Việt Nam chỉ mới dừng lại ở vai trò tư vấn cho các khu sinh quyển về các lĩnh vực chuyên môn. MAB Việt Nam không có chức năng quản lý nhà nước, quản lý chuyên ngành đối với các hoạt động trong các khu DTSQ được UNESCO công nhận trên lãnh thổ Việt Nam.

Với sự hỗ trợ của UBND UNESCO Việt Nam và UBND MAB Việt Nam, sau khi được MAB-UNESCO công nhận, theo các hiệp định mà Chính phủ Việt Nam ký kết với cộng đồng quốc tế. UBND MAB Việt Nam đề nghị UBND các tỉnh có khu DTSQ ban hành quyết định thành lập Ban quản lý kèm theo chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy để thực hiện các mục tiêu quản lý khu DTSQ. Thông thường cơ chế điều phối đa ngành, đa lĩnh vực, mối quan hệ với các cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương cũng như các chương trình, kế hoạch hoạt động không kèm theo quyết định này. Quyết định thành lập Ban quản lý khu DTSQ TG Langbiang là một ví dụ.

3.3.2 Các văn bản có liên quan

Mặc dù hiện nay chưa có văn bản pháp luật chuyên biệt cho khu dự trữ sinh quyển, việc quản lý khu dự trữ sinh quyển, đặc biệt là quản lý vùng lõi và vùng đệm vẫn phải tuân thủ các luật và nghị định hiện hành liên quan đến quản lý rừng và bảo tồn đa dạng sinh học. Ngoài ra còn nhiều bộ luật khác cũng liên quan đến các hoạt động của Khu DTSQ. Trong số đó, một số các luật và nghị định sau đây liên quan nhiều đến việc quản lý các vùng lõi và vùng đệm của khu dự trữ sinh quyển, gồm:

- Luật bảo vệ và phát triển rừng (2004)
- Luật Đa dạng sinh học (2008)
- Nghị định số 23/2006/NĐ-CP về Thi hành luật Bảo vệ và Phát triển rừng
- Nghị định số 117/2010/QĐ-TTg về Tổ chức và Quản lý Rừng đặc dụng
- Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg về Ban hành Quy chế quản rừng phòng hộ

3.4 Khoảng trống về chính sách và khung thể chế trong quản lý khu DTSQ

3.4.1 Khoảng trống trong khung pháp lý

Như mô tả ở trên, hiện tại vẫn thiếu một khung pháp lý chuyên biệt dành cho việc quản lý các khu dự trữ sinh quyển được MAB-UNESCO công nhận tại Việt Nam. Mặc dù đã có luật và các quy định liên quan đến việc quản lý và bảo tồn các hệ sinh thái rừng đặc dụng và phòng hộ trên cả nước, cần lấp những khoảng trống về pháp lý:

- Chức năng quản lý nhà nước về quản lý khu DTSQ chưa được đề cập trong luật tổ chức Hội đồng nhân dân và UBND;
- Mặc dù theo yêu cầu của MAB-UNESCO Việt Nam, UBND các tỉnh đã ban hành quyết định thành lập các Ban quản lý khu DTSQ nhưng Ban quản lý chưa có đủ cơ sở pháp lý hoặc nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ đáp ứng được mục tiêu quản lý của các khu DTSQ;
- Cơ chế điều phối đa ngành, đa lĩnh vực chưa được thừa nhận về mặt thể chế để yêu cầu các bên liên quan xem xét để quản lý khu DTSQ đúng đắn. Trong mạng lưới các khu DTSQ tại Việt Nam chưa có một chiến lược chung hoặc một khuôn mẫu để xây dựng kế hoạch quản lý cho các khu DTSQ.

Vì vậy, cần phải ban hành các quyết định để: i) trao quyền cho ban quản lý khu DTSQ chịu trách nhiệm việc điều phối và hợp tác giữa các sở liên quan

trong tình để quản lý khu DTSQ; ii) phê duyệt kế hoạch quản lý để thực hiện nhiệm vụ quản lý của UBND tỉnh đối với Khu DTSQ đã được công nhận của UBND tỉnh; và iii) ủy quyền cho ban quản lý Khu DTSQ và các sở/cơ quan liên quan lồng ghép các kế hoạch quản lý Khu DTSQ vào các hoạt động của ngành và địa phương. Việc này cũng nhằm mục đích đảm bảo ngân sách cần thiết để thực hiện các chương trình/các chương trình con trong kế hoạch quản lý.

3.4.2 Khoảng cách trong khung chính sách

Như mô tả ở chương trước trong tài liệu này, kế hoạch phát triển KT-XH hiện có và các quy hoạch tổng thể của tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2011-2020 không cần thiết phải bao gồm các can thiệp dành riêng cho việc vận hành và quản lý khu DTSQ. Mặc dù một số hoạt động đã được lên kế hoạch trong kế hoạch phát triển KT-XH, các quy hoạch tổng thể của các cơ quan liên quan. Điều này trong quá khứ và hiện tại đã có hiệu quả trong công tác bảo vệ, quản lý hệ sinh thái và phát triển sinh kế của các hộ dân địa phương sống trong khu DTSQ. Tuy nhiên các hoạt động này không được lên kế hoạch theo khung quản lý của khu DTSQ. Vì vậy câu hỏi đặt ra là các hoạt động này có thể được thực hiện một cách có hệ thống và đồng nhất hay không.

Vì vậy, các hoạt động liên quan đến quản lý khu DTSQ trong quy hoạch tổng thể hiện tại nên được sắp xếp lại theo khung quản lý của khu DTSQ, từ đó khu DTSQ và các Sở/Ban/Ngành có thể điều phối các hoạt động để đạt được mục tiêu của kế hoạch quản lý.

Quản lý bền vững và phát triển khu DTSQ phải là một trong những mục tiêu trong kế hoạch phát triển KT-XH của tỉnh trong giai đoạn 2021 -2031 để các đơn vị liên quan có các chương trình hành động cần thiết cho các quy hoạch tổng thể của mình và điều phối hoạt động của họ với các bên là lý tưởng.

4 HIỆN TRẠNG KHU DỰ TRỮ SINH QUYỀNTHỂ GIỚI LANGBIANG

4.1 Điều kiện tự nhiên

4.1.1 Vị trí địa lý – diện tích

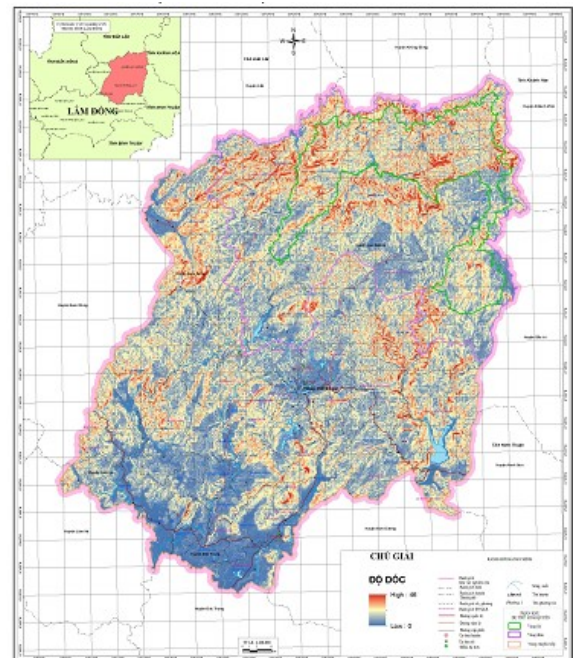
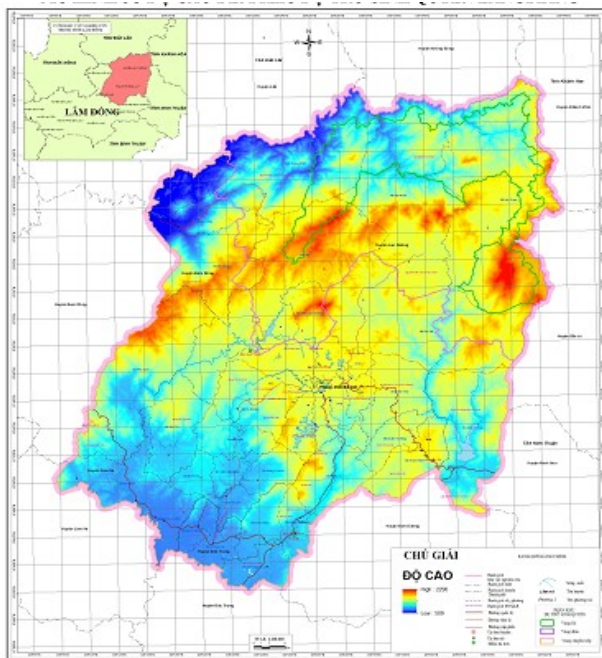
Khu DTSQ TG Langbiang nằm trong tọa độ từ 11°41'52" đến 12°20'12" độ vĩ Bắc và từ 108°09'18" đến 108°45'48" kinh độ Đông.

Khu DTSQ TG Langbiang có diện tích 275.439 ha, nằm ở phía bắc tỉnh Lâm Đồng, thuộc khu vực Nam Tây Nguyên, Việt Nam và được đặt tên theo cao nguyên Langbiang có vùng lõi 34.943 ha nằm trọn trong Vườn quốc gia Bidoup-Núi Bà; vùng đệm 72.232ha; vùng chuyển tiếp là 168.264 ha.

Toàn bộ diện tích của khu DTSQ TG Langbiang bao bọc xung quanh cao nguyên Lanbiang nên điều kiện tự nhiên của khu DTSQ TG Langbiang tương đồng với cao nguyên này.

4.1.2 Địa hình

Nơi cao nhất của khu DTSQ TG Langbiang so với mặt nước biển là 2.287m thuộc đỉnh núi Bidoup và nơi thấp nhất là 600 m thuộc hạ nguồn của sông K'ông Nô giáp với tỉnh Đắk Lắk. Xét về mặt tổng thể, địa hình nghiêng dần từ Đông sang Tây và thấp dần từ Đông Bắc xuống Tây Nam. Hướng phơi chủ đạo là hướng Tây và Tây Nam. Địa hình bị chia cắt mạnh, độ dốc cao được bao bọc bởi các dãy núi chính như dãy Bidoup (2.287m), Gia Rích (1.922m), Hòn Giao (2.060m), Lang Biang(2.167m), Chư Yên Du (2.051m) và dãy Công Trời (1.882m).



Hình 2. Bản đồ địa hình của KDT SQ **Hình 1. Bản đồ độ dốc của KDT SQ**

4.1.3 Khí hậu

Căn cứ vào cơ sở dữ liệu của trạm Đà Lạt từ năm 1978 đến năm 2014 các đặc trưng của chế độ khí hậu của khu DTSQ TG Langbiang như sau:

Khí hậu của khu DTSQ TG Langbiang một năm chia làm hai mùa rõ rệt, mùa khô từ tháng 11 đến hết tháng 3 và mùa mưa từ tháng 4 đến hết tháng 10 hàng năm.

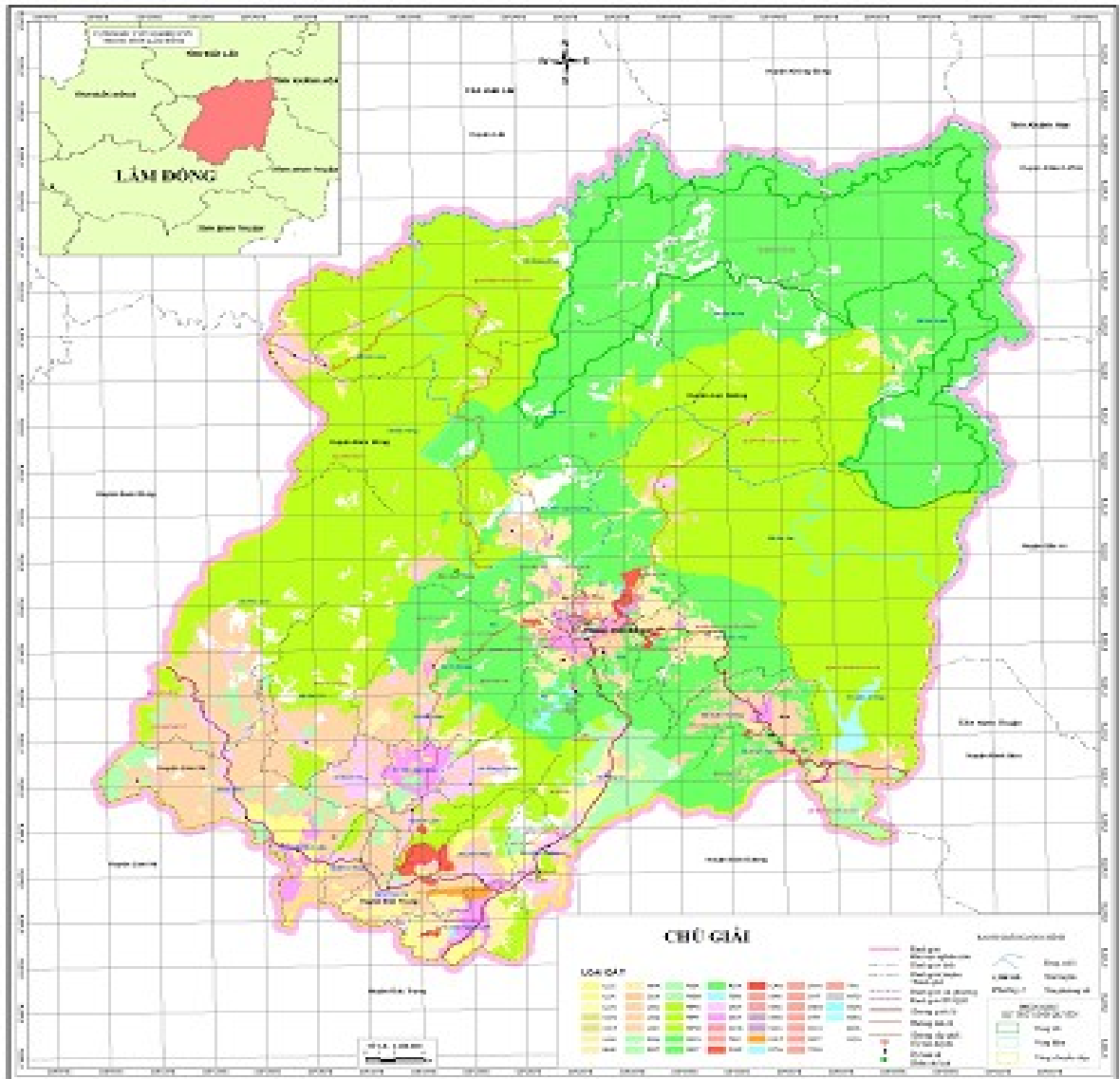
- Nhiệt độ trung bình năm: 17,98°C
- Nhiệt độ trung bình của tháng nóng nhất là tháng 5: 19,5°C
- Nhiệt độ trung bình của tháng lạnh nhất là tháng 1: 15,8°C
- Nhiệt độ tối cao trung bình năm 25,87°C
- Nhiệt độ tối thấp trung bình năm 12,36°C
- Độ ẩm không khí trung bình năm 85.91%.
- Lượng mưa trung bình năm 1.822mm.
- Số giờ nắng trung bình ngày/năm 5,96 giờ.

Bảng 1. Các vùng khí hậu sinh học ở khu DTSQ TG Langbiang

Khu vực	Lượng mưa trung bình năm (mm)	Chỉ số khô hạn		Vùng Lỗi	Vùng đệm	Vùng chuyển tiếp
		Penman	(Chỉ số UNEP)			
Rất khô hạn	P<100	<0.05	<0.05			
Khô hạn	100-400	0.05-0.28	0.05-0.20			
Bán khô hạn	400-600	0.28-0.43	0.21-0.50			
Khô bán ẩm	600-800	0.43-0.60	0.51-0.65			
Âm	800-1200	0.60-0.90	>0.65			
Âm ướt	P>1200	>0.90		×	×	×

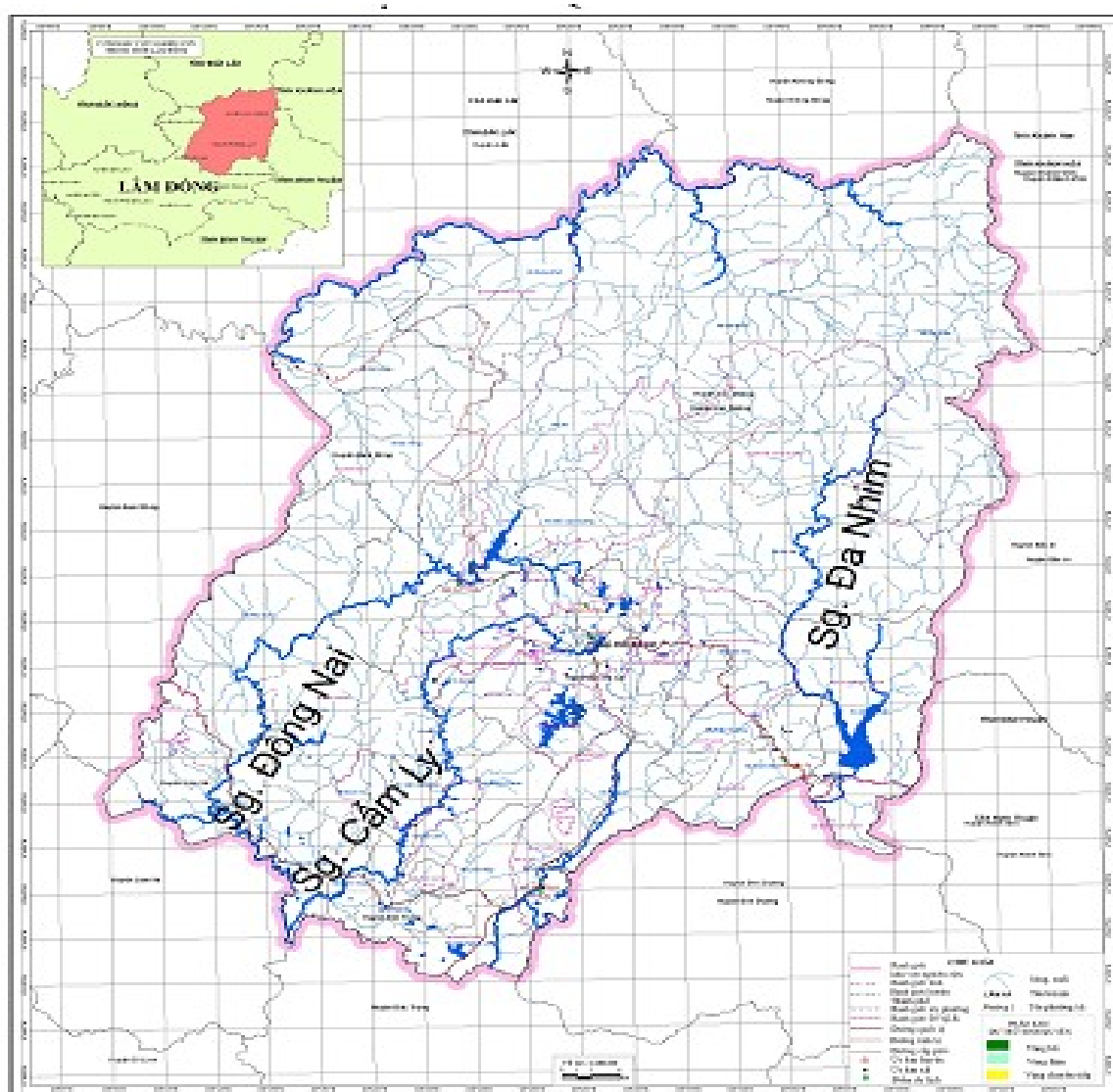
4.1.4 Thủy văn

Khu DTSQ TG Langbiang là khởi nguồn của hai dòng sông: sông Đồng Nai và sông Sêrêpok. Mật độ sông suối trung bình 0,31 km/km². Mùa lũ kéo dài 3 tháng (từ 7-9).

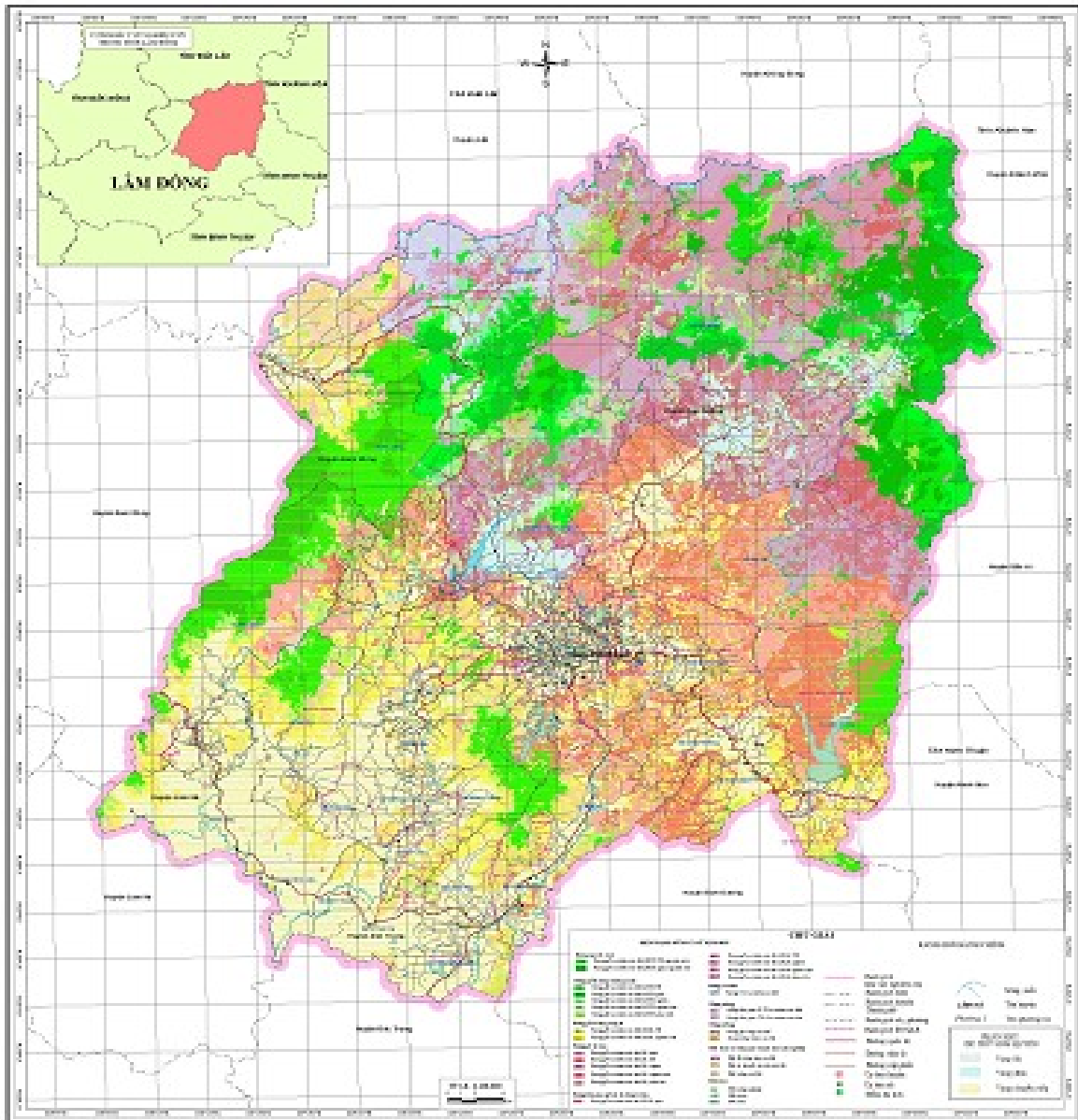


Hình 3. Bản đồ thủy văn KDT SQ TG Langbiang

4.1.5 Hệ sinh thái và vùng khí hậu sinh học



Hình 4. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất KDSQ TG Langbiang năm 2010



Hình 5. Bản đồ độ che phủ rừng và thảm thực vật KDTSQ TG Langbiang (nguồn: NFI&S 2016)

Các hệ sinh thái chính hiện có trong khu dự trữ sinh quyển như sau:

- Rừng kín thường xanh mưa ẩm á nhiệt đới
- Rừng hỗn giao lá rộng lá kim mưa ẩm á nhiệt đới
- Kiểu phụ rừng rêu
- Rừng lá kim
- Rừng hỗn giao tre nửa – lá rộng
- Trong số đó, rừng kín thường xanh mưa ẩm á nhiệt đới

Rừng kín thường xanh mưa ẩm á nhiệt đới và rừng hỗn giao lá rộng lá kim mưa ẩm á nhiệt đới là những hệ sinh thái có giá trị nhất, rất nhiều giá trị đa dạng

sinh học phong phú được quan tâm. Chúng có tán nhiều tầng và là môi trường sống tự nhiên của nhiều loài quý hiếm và nguy cấp. Hơn nữa, các hệ sinh thái rừng trong khu DTSQ TG Langbiang, đặc biệt là ở Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà và Rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim, có chức năng không chỉ là môi trường sống của động vật hoang dã mà còn là hành lang để duy trì mối liên hệ với các hệ sinh thái bao quanh ở vùng Tây nguyên.

4.2 Điều kiện kinh tế - xã hội và văn hóa

4.2.1 Dân số và lao động

Tổng dân số của khu DTSQ TG Langbiang là 378,714. Trong đó 1,182 người trong vùng lõi (thuộc thôn Đưng Ksi, thôn Klong Klanh thuộc xã Đa Chais, huyện Lạc Dương); 24,730 người trong vùng đệm; 361,802 người trong khu vực chuyển tiếp (số liệu thống kê năm 2012) (UBND Lâm Đồng, 2014a).

Trong vùng đệm của khu DTSQ TG Langbiang, ngoài dân tộc Kinh, các nhóm dân tộc thiểu số chủ yếu gồm K'Ho, M'Nông, Chu Ru, Tày... Trong đó dân tộc K'Ho chiếm số lượng lớn nhất với tổng số 3.421 hộ thuộc 7 xã và 1 thị trấn (Đạ Chais, Đạ Nhim, Đạ Sar, TT. Lạc Dương, Xã Lát, Đưng K'nớ, và Đạ Tông). Xã Lát thuộc huyện Lạc Dương là xã có số lượng người dân tộc thiểu số sinh sống nhiều nhất trong tất cả các xã nằm trong vùng đệm của khu DTSQ TG Langbiang với đa số là nhóm dân tộc bản địa K'Ho - Lạch.

Theo số liệu thống kê năm 2012, mật độ dân số cao nhất là Thành phố Đà Lạt với 544 người/km², lớn hơn 3.4 lần so với con số trung bình của toàn khu vực. Mật độ dân số tại huyện Lạc Dương là thấp nhất, chỉ có 16 người/km² do huyện có trên 87% là diện tích rừng. Về tốc độ gia tăng dân số, trong giai đoạn từ năm 2005 đến năm 2012, dân số tại 6 địa phương thuộc khu DTSQ TG Langbiang tăng 73,577 người (bình quân là 9,912 người/năm).

4.2.2 Sinh kế của cộng đồng

Thành phố Đà Lạt là trung tâm chính trị, kinh tế của tỉnh nằm trong vùng chuyển tiếp của khu DTSQ TG Langbiang, các huyện còn lại có sinh kế chủ yếu là canh tác nông nghiệp. Những năm gần đây, nông nghiệp công nghệ cao của một bộ phận dân cư phát triển nhanh chóng đem lại nguồn thu nhập cao cho cộng đồng nhưng chủ yếu là người Kinh và các công ty tư nhân. Đa số các bộ phận dân cư, nguồn thu nhập chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp truyền thống, nhận khoán bảo vệ rừng, khai thác lâm sản ngoài gỗ, tham gia vào hoạt động dịch vụ, du lịch, buôn bán nhỏ và các nghề nông thôn khác.

Hiện tại có 278 hộ tại thôn Klong Klanh và Đưng K'Si thuộc xã Đa Chais sống trong vùng lõi khu DTSQ TG Langbiang, họ là những cư dân bản địa sống tại đây từ lâu đời. Các hộ dân cũng đang được vận động tham gia nhận khoán

bảo vệ rừng, biểu diễn công chiêng trong các dịch vụ du lịch sinh thái và nhận chi trả dịch vụ hệ sinh thái rừng thay cho nguồn thu nhập hạn chế là việc săn bắn hái lượm trước đây.

Ở huyện Lạc Dương: K’Ho là nhóm dân tộc bản địa lớn nhất trong khu vực với 2,872 hộ chiếm 74,5%, còn lại 997 hộ (25,85%) là người Kinh sinh sống ở các xã. Ngành nghề chủ yếu của người Kinh là buôn bán, một số ít là giáo viên đã dạy học lâu năm ở đây. Các nhóm dân tộc đều sống dựa vào nông nghiệp. Dân tộc K’Ho và M’Nông có sinh kế phụ thuộc vào rừng.

Khảo sát về nguồn thu nhập của người dân địa phương sống trong vùng đệm khu DTSQ TG Langbiang cho thấy: trong tổng số 980 hộ gia đình thì có tới gần 50% số hộ có nguồn thu từ nhận khoán, bảo vệ rừng, các nguồn thu nhập khác bao gồm làm thuê, lương công nhân viên chức, bán hàng tạp hóa, thu nhập từ bán sản phẩm địa phương...

Người dân tham gia hoạt động nhận khoán bảo vệ rừng được nhận tiền chi trả. Trong tổng giá trị sản xuất lâm nghiệp tại một số huyện trong khu DTSQ TG Langbiang những năm gần đây, giá trị mang lại từ ngành lâm nghiệp chủ yếu từ chi trả dịch vụ môi trường rừng ngày càng tăng. Nguồn thu nhập của người dân địa phương được gia tăng nhờ các chính sách chi trả dịch vụ hệ sinh thái rừng, khoán và bảo vệ rừng cho các hộ dân người bản địa và cho thuê dịch vụ môi trường rừng.

Bảng dưới đây cho thấy tỷ lệ hộ gia đình có mức thu nhập khác nhau ở ba (3) khu vực nằm trong vùng đệm và vùng chuyển tiếp của khu dự trữ sinh quyển.

Bảng 2. Thành phần các hộ gia đình và mức thu nhập của người dân trong khu DTSQ TG Langbiang

Địa điểm	<VND 24 triệu đồng/hộ	VND24-50 triệu đồng/hộ	VND50-100 triệu đồng/hộ	VND100-200 triệu đồng/hộ	VND200-360 triệu đồng/hộ	>VND 360 triệu đồng/hộ	Total
Thị trấn Lạc Dương (Vùng chuyển tiếp)	13.7%	24.5%	32.9%	19.2%	5.8%	3.8%	100.0%
Xã Đa Nhim (Vùng đệm)	36.4%	37.3%	19.2%	6.3%	0.9%	0.0%	100.0%
Xã Đa Chais (Vùng đệm)	38.7%	38.8%	15.1%	6.2%	1.1%	0.0%	100.0%

Nguồn: Báo cáo cuối cùng về điều tra kinh tế xã hội (tài chính) tại các thôn bản cho dự án quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững do Trung tâm Nhân dân và Môi trường Tây Nguyên thực hiện (Tháng 9 năm 2016)

Số liệu trong bảng trên cho thấy phần lớn các hộ gia đình ở thị trấn Lạc Dương nằm trong vùng chuyển tiếp có thu nhập ra hơn 50 triệu đồng/năm, trong khi thu nhập bình quân hàng năm của những người trong vùng đệm ở xã Đa Nhim và Đa Chais thường thấp hơn 50 triệu đồng.

4.2.3 Các giá trị văn hóa

Qua các đợt điều tra khảo cổ, các nhà khoa học, nhà khảo cổ học đã phát hiện tại tỉnh Lâm Đồng còn lưu giữ nhiều di tích khảo cổ lâu đời, là một trong những vùng đất tụ cư lâu đời của các cư dân cổ đại, là vùng tiềm ẩn nhiều lý thú về khảo cổ học. Đặc biệt, nhiều trong số các di tích khảo cổ ấy nằm trong khu vực các huyện thuộc khu DTSQ TG Langbiang, điển hình như khu di tích đồ đá cũ tại suối Đầu Voi (huyện Đức Trọng), di tích khảo cổ học tại xã P'ró (huyện Đơn Dương), di tích khảo cổ học mộ táng ở xã Đa Đồn (huyện Lâm Hà).

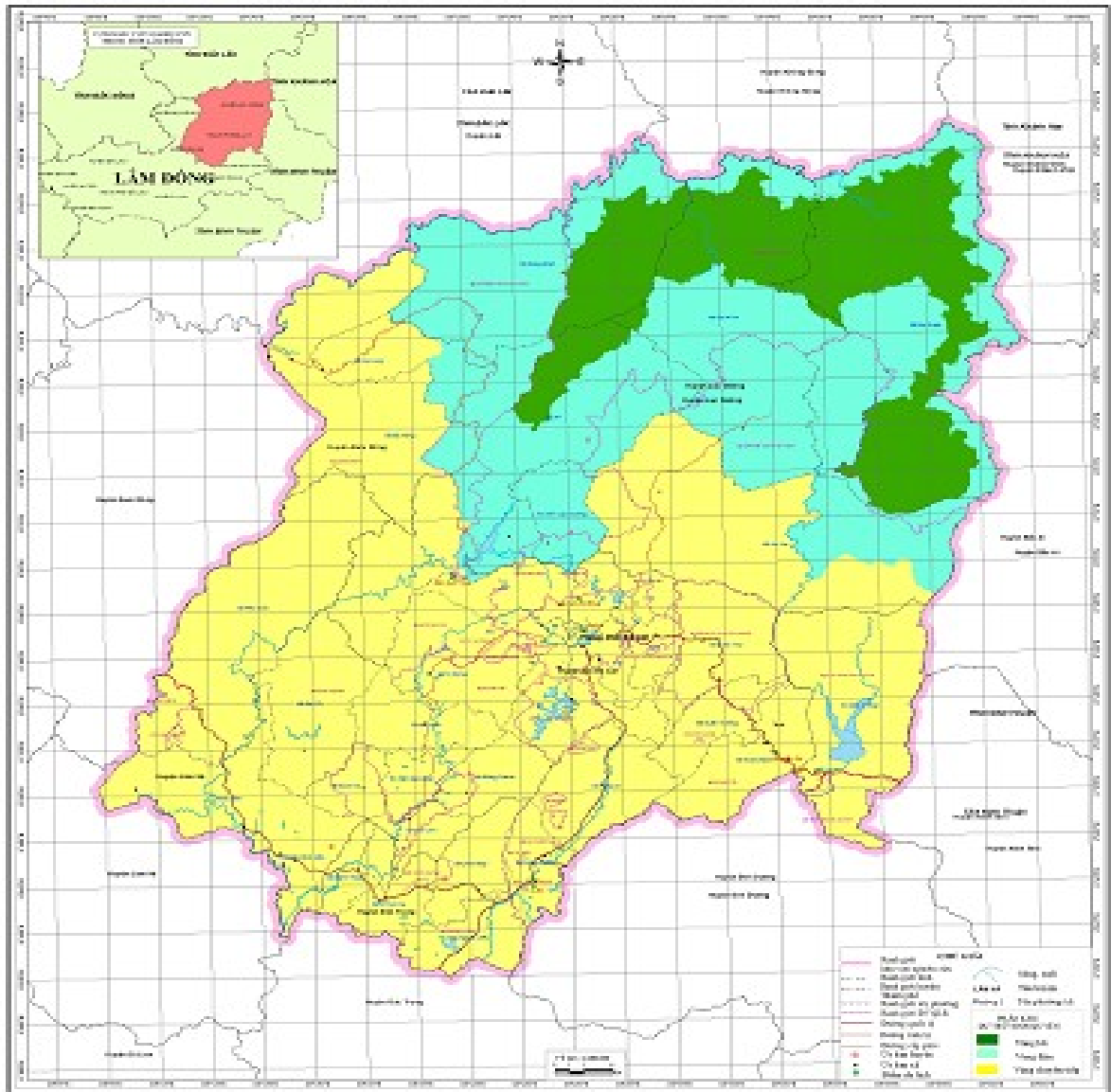
Đà Lạt là một thành phố du lịch nổi tiếng ở khu vực Đông Nam Á nhờ vào vị trí địa lý đặc thù và điều kiện thiên nhiên ưu đãi. Nơi đây còn chứa đựng các giá trị văn hóa của nhiều vùng miền khác nhau qua lịch sử hình thành và phát triển. Có nhiều các di tích lịch sử - văn hóa đã được công nhận như hồ Xuân Hương, khu du lịch Hồ Than Thở, khu du lịch thác Camly, Nhà ga xe lửa Đà Lạt...

Kho tàng văn hóa phi vật thể quý báu nhất của cộng đồng các dân tộc thiểu số trong khu DTSQ TG Langbiang là không gian văn hóa công cộng vùng Tây Nguyên được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể của thế giới - kiệt tác văn hóa phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại.

Nghề dệt thổ cẩm của người K'Ho cũng là một trong những giá trị văn hóa điển hình. Bên cạnh đó, kho tàng văn học dân gian, các lễ hội, tập tục, tín ngưỡng vô cùng độc đáo, mang nhiều ý nghĩa về lịch sử và nhân văn của dân tộc ít người cũng là những nét văn hóa đặc sắc góp phần hình thành không gian văn hóa của khu vực.

4.3 Ranh giới hành chính

Khu DTSQ TG Langbiang có diện tích 275,439 ha thuộc địa giới hành chính tỉnh Lâm Đồng. Vùng lõi 34,943 ha thuộc huyện Lạc Dương; vùng đệm 72,232 ha thuộc một phần của huyện Lạc Dương và huyện Đam Rông; vùng chuyển tiếp 168,264 ha thuộc các huyện Đơn Dương, Lâm Hà và Đức Trọng. Như vậy toàn khu DTSQ TG Langbiang có 39 xã/phường thuộc 5 huyện và thành phố Đà Lạt.



Hình 6. Bản đồ ranh giới hành chính khu DTSQ TG Langbiang

5 CÁC VẤN ĐỀ LƯU Ý CỦA QUẢN LÝ BỀN VỮNG

5.1 Phân tích SWOT

Bảng phân tích SWOT dưới đây được thực hiện theo phương pháp có sự tham gia trong các buổi họp tham vấn với các bên liên quan vào tháng 12/2016 để đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của khu DTSQ TG Langbiang.

Bảng 3. Phân tích SWOT đối với Phát triển bền vững của khu DTSQ TG Langbiang

Điểm mạnh	Điểm yếu
<ul style="list-style-type: none">- Có tài nguyên ĐDSH cao;- Chứa đựng nhiều tài nguyên du lịch;- Dịch vụ môi trường rừng đã được thực thi;- Sự sẵn sàng tham gia của các bên liên quan;- Sự ưu đãi của các điều kiện tự nhiên;- Sự ủng hộ về mặt chính trị;- Sự đa dạng về bản sắc văn hóa.	<ul style="list-style-type: none">- Sự phân mảnh của hệ sinh thái;- Thất thoát về Đa dạng sinh học;- Thể chế và chính sách chưa hoàn thiện;- Chi trả dịch vụ môi trường rừng chưa đầy đủ;- Nhận thức của cộng đồng về khu DTSQ;- Sự khai thác/sử dụng quá mức tài nguyên;- Đô thị hóa;- Thiếu nguồn lực.
Cơ hội	Thách thức
<ul style="list-style-type: none">- Có tiềm năng lớn về chi trả dịch vụ hệ sinh thái;- Sự gia tăng các nguồn lực cho đầu tư phát triển;- Sự phát triển của khoa học công nghệ;- Chương trình phát triển bền vững quốc gia;- Sự tăng trưởng của du lịch, dịch vụ;- Thể chế, chính sách ngày càng hoàn thiện;- Hợp tác quốc tế.	<ul style="list-style-type: none">- Nhu cầu sử dụng tài nguyên;- Ô nhiễm môi trường;- Biến đổi khí hậu;- Dịch bệnh;- Khủng hoảng kinh tế;- Sự pha tạp văn hóa;- Thiếu nguồn nhân lực;- Thiếu nguồn đầu tư dài hạn;- Sự thay đổi về chính sách;- Thay đổi về quy hoạch sử dụng đất.

Bên cạnh đó, những nội dung dưới đây mô tả kết quả của những đánh giá sâu hơn về nguyên nhân suy thoái hệ sinh thái, điểm mạnh, điểm yếu của cơ cấu tổ chức để quản lý Khu DTSQ TG Langbiang.

5.2 Những nguyên nhân ảnh hưởng đến phát triển bền vững và mục tiêu quản lý

5.2.1 Nguyên nhân chính tác động trực tiếp đến suy thoái hệ sinh thái và suy giảm rừng

Theo báo cáo của các đơn vị chủ rừng trên địa bàn khu DTSQ TG Langbiang, hàng năm có hàng trăm vụ phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp để mở rộng đất canh tác nông nghiệp. Lâm sản ngoài gỗ bị khai thác ngày càng cạn kiệt và gần như không kiểm soát được gây tổn thất nghiêm trọng tới mức độ đa dạng sinh học của khu vực. Có hơn 70% các vụ vi phạm các quy định về quản lý bảo vệ rừng liên quan đến mở rộng đất nông nghiệp lấn chiếm đất lâm nghiệp.

Khi đất đai đã trở thành hàng hóa, việc mua bán, sang nhượng không chính thức gây rất nhiều khó khăn cho các nhà quản lý. Vấn đề tích tụ đất đai theo quy luật thị trường đã làm cho một bộ phận người dân thiếu đất sản xuất nên tiếp tục vào rừng để lấn chiếm đất lâm nghiệp.

Ngoài ra các hoạt động cũng gây ảnh hưởng đáng kể như khai thác cát phục vụ nhu cầu xây dựng ngày càng lớn ở các lưu vực làm biến dạng các dòng sông, khai thác quặng thiếc tự phát của cộng đồng trong DTSQ TG Langbiang tác động trực tiếp đến sự toàn vẹn của cảnh quan và toàn bộ hệ sinh thái.

5.2.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý hệ sinh thái của khu DTSQ TG Langbiang

(1) Thể chế và chính sách

Sự thiếu đồng bộ và không có hệ thống về cơ chế và chính sách là nguyên nhân tác động trực tiếp lên mục tiêu quản lý của các khu DTSQ. Ví dụ minh chứng cho vấn đề này có thể tìm thấy trong các luật như luật đất đai, luật bảo tồn đa dạng sinh học và luật bảo vệ và phát triển rừng.

Trong khi Luật Đất đai xem đất trống đòi trục trong các khu bảo vệ là đất chưa sử dụng vì vậy có thể tách ra khỏi đất lâm nghiệp để cấp cho các bên có nhu cầu sử dụng đất thì những khu vực đó lại rất có ý nghĩa cho các loài thú ăn cỏ. Hoặc Luật Đa dạng sinh học quy định quản lý nhà nước về đa dạng sinh học do ngành tài nguyên và môi trường đảm nhận nhưng vướng mắc ở chỗ đa dạng sinh học nằm trong tài nguyên rừng do ngành lâm nghiệp quản lý.

Vấn đề chi trả dịch vụ môi trường rừng chưa theo đúng nguyên lý kinh tế khi những dịch vụ cung cấp của hệ sinh thái cho cộng đồng chưa được tính đúng,

tính đủ và vấn đề chi trả mang tính bình quân không tính tới việc duy trì và phát triển dịch vụ của hệ sinh thái.

Ngoài ra, việc thiếu cơ chế, chính sách và nguồn lực để duy trì hoạt động của các ban quản lý khu DTSQ cũng là một khó khăn trực tiếp tác động đến hiệu quả quản lý.

(2) Phát triển kinh tế nhanh

Phát triển kinh tế nhanh hiện đang gây nhiều tác động bất lợi đối với phát triển bền vững, lấy ví dụ vấn đề phát triển nông nghiệp công nghệ cao. Trong những năm gần đây, diện tích nhà kính trong toàn bộ khu DTSQ TG Langbiang đã tăng lên nhanh chóng là nguyên nhân gián tiếp gây ra những trận lũ lớn trong mùa mưa.

Cảnh quan bị biến dạng khi phải sản ủi đất ở xung quanh núi Langbiang ảnh hưởng đáng kể đến việc bảo tồn di sản này. Bên cạnh đó, việc xây dựng cơ sở hạ tầng cũng khiến hệ sinh thái bị phân mảnh từ đó dẫn đến suy thoái đa dạng sinh học.

(3) Nhận thức của các bên liên quan

Các dịch vụ hệ sinh thái của khu DTSQ TG Langbiang là cơ sở đảm bảo cho phát triển bền vững ở hiện tại và tương lai không chỉ của địa phương mà toàn bộ khu vực và quốc gia. Tuy nhiên các hệ sinh thái này đang rơi vào tình trạng rất dễ bị tổn thương và có nguy cơ biến mất khi mà trách nhiệm, nghĩa vụ của các bên liên quan không thực thi đầy đủ vì một mục tiêu chung.

Trong lịch sử, các dịch vụ của hệ sinh thái thường bị coi là hàng hóa công không mất tiền, một cách tiếp cận thường dẫn tới “bi kịch của những cái chung” trong đó các hàng hóa thiết yếu của hệ sinh thái như nước sạch bị suy giảm và tiêu thụ đến mức cạn kiệt. Một cơ chế quản lý hợp tác trong đó xác định rõ vai trò, trách nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ của các bên liên quan trong việc quản lý và sử dụng tài nguyên của khu DTSQ TG Langbiang là hết sức cần thiết.

(4) Thiếu cơ chế giám sát, đánh giá

Một kế hoạch quản lý hoàn thiện nhưng thiếu giám sát và đánh giá sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến mục tiêu quản lý. Việc giám sát và đánh giá nhằm xem xét, cập nhật, điều chỉnh các hoạt động để đạt được hiệu quả mong muốn của các nhà quản lý. Đối với các khu DTSQ, giám sát, đánh giá còn là cơ sở để thực hiện các cam kết của Chính phủ Việt Nam với Cộng đồng quốc tế liên quan đến Chương trình Con người và Sinh quyển (MAB-UNESCO).

5.3 Điểm yếu và điểm mạnh của cơ cấu tổ chức của BQL khu DTSQ TG Langbiang

5.3.1 Tổng quan về BQL khu DTSQ TG Langbiang

Ban quản lý khu DTSQ Langbiang thành lập theo quyết định số 1164/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2016 của UBND tỉnh Lâm Đồng (UBND Lâm Đồng, 2016).

Chức năng của BQL khu DTSQ TG Langbiang là tổ chức phối hợp giúp UBND tỉnh Lâm Đồng thực hiện các hoạt động quản lý, hợp tác quốc tế, nghiên cứu khoa học và thu hút đầu tư các dự án có liên quan đến bảo tồn và phát triển khu DTSQ theo quy định của luật pháp Việt Nam.

Nhiệm vụ chủ yếu của BQL khu DTSQ TG Langbiang là: i) Xây dựng kế hoạch quản lý điều hành và tổ chức thực hiện; ii) tổ chức diễn đàn quản lý hợp tác; iii) huy động các nguồn lực để bảo tồn và phát triển; iv) thực hiện chương trình tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu; v) đề xuất và thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học; vi) làm đầu mối liên hệ với UNESCO và MAB Việt Nam.

Ban quản lý gồm 9 thành viên hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm do 01 phó chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban. Ngoài ra còn có Ban thư ký và hội đồng tư vấn là các nhà khoa học trong nước và quốc tế, các nhà quản lý của các doanh nghiệp và 01 cán bộ chuyên trách.

Nguồn lực để duy trì các hoạt động của Ban quản lý do ngân sách UBND tỉnh hỗ trợ. Như vậy trong quyết định thành lập của UBND tỉnh Lâm Đồng chưa quy định các hoạt động cụ thể của Ban quản lý khu DTSQ TG Langbiang nên không thể điều phối và bố trí ngân sách. Vì vậy việc xây dựng kế hoạch quản lý của khu DTSQ TG Langbiang là nhiệm vụ ưu tiên trong hoạt động của Ban quản lý khu DTSQ TG Langbiang. Điều này đã được khẳng định trong quyết định thành lập của UBND tỉnh Lâm Đồng.

5.3.2 Điểm yếu

- Chưa có kế hoạch quản lý được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;
- Chưa có cơ chế phối hợp với các bên liên quan để thực hiện chức năng của ban quản lý;
- Chưa có bộ máy chuyên biệt để có thể tổ chức thực hiện toàn diện nhiệm vụ của Ban quản lý;
- Ban quản lý đều là cán bộ kiêm nhiệm. Việc tham gia vào Ban quản lý thường làm gia tăng nhiệm vụ trong bản mô tả công việc của thành viên.

Vì vậy thời gian của các thành viên tham gia vào các hoạt động của khu DTSQ là rất hạn chế.

- Nhận thức của cộng đồng và các bên liên quan về chức năng, tầm quan trọng của khu DTSQ chưa đồng đều;
- Thiếu ngân sách cho các hoạt động quản lý của Ban quản lý (ví dụ chưa có chế độ lương dài hạn cho nhóm các bộ chuyên trách); chưa có cơ chế tài chính bền vững.

5.3.3 Điểm mạnh

- Việc thành lập và duy trì các hoạt động của Ban quản lý đã nhận được sự ủng hộ và quan tâm của UBND tỉnh Lâm Đồng;
- Sự đồng tình của các bên liên quan và cộng đồng địa phương;
- Sự hỗ trợ của UBQG UNESCO Việt Nam và UBQG MAB Việt Nam;
- Các thành viên của Ban quản lý là các cán bộ nhiệt tình và có nhiều kinh nghiệm quản lý, có kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ;
- Mục tiêu quản lý của khu DTSQ TG Langbiang phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững mà UBND tỉnh đang triển khai tổ chức thực hiện;
- Các đơn vị chủ rừng Nhà nước trong Khu DTSQ TG Langbiang có nhiều kinh nghiệm trong quản lý tài nguyên rừng và hợp tác với cộng đồng dân cư địa phương trong công tác quản lý bảo vệ rừng;
- Có sự hỗ trợ kỹ thuật của Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA).

6 TẦM NHÌN, MỤC TIÊU CỦA KẾ HOẠCH QUẢN LÝ VÀ PHÂN VÙNG CHỨC NĂNG CỦA KHU DTSQ TG LANGBIANG

6.1 Tầm nhìn

“Duy trì và phát triển các hệ sinh thái tự nhiên, sự đa dạng về văn hóa của khu DTSQ TG Langbiang nhằm phục vụ mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh Lâm Đồng, của quốc gia và góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hiệp quốc.”

Như vậy, tầm nhìn đã xác định sự mong muốn trong tương lai chung cho Khu DTSQ TG Langbiang, không chỉ cho Ban quản lý mà cả các bên liên quan đến Khu DTSQ TG Langbiang đặc biệt là người dân sống trong Khu DTSQ.

6.2 Mục tiêu của kế hoạch quản lý

6.2.1 Mục tiêu chung

Để đạt được tầm nhìn mong muốn, kế hoạch quản lý được xây dựng và vạch ra những mục tiêu chung của khu DTSQ như sau:

- Bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên
- Bảo tồn đa dạng văn hóa
- Phát triển kinh tế bền vững trong vùng
- Đóng góp vào giáo dục môi trường và nghiên cứu khoa học
- Duy trì cơ chế hợp tác đa ngành

Cơ chế hợp tác đa ngành được thiết lập nhằm bảo vệ, duy trì và phát triển các dịch vụ hệ sinh thái, bảo đảm phúc lợi của người dân và phát triển kinh tế tiến bộ, gắn liền với các mục tiêu phát triển bền vững của Chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững ở Việt Nam.

(1) Bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên

Hệ sinh thái tự nhiên, đặc biệt là những nơi có sinh cảnh tự nhiên của các loài có giá trị, loài quý hiếm/nguy cấp, cần được bảo tồn và tái sinh/phục hồi để duy trì sự dồi dào đa dạng sinh học của khu DTSQ TG Langbiang. Đây là một trong những giá trị cốt lõi của khu DTSQ TG Langbiang.

(2) Bảo tồn đa dạng văn hóa

Tương tự, một giá trị cốt lõi khác của khu dự trữ sinh quyển là đa dạng văn hóa, đặc biệt là văn hóa truyền thống của dân tộc ít người sống trong vùng phụ cận của những khu vực có hệ sinh thái rừng giá trị. Những nét văn hóa này nên được bảo tồn và duy trì song song với đời sống của cộng đồng dân tộc thiểu số là một trong những yếu tố (riêng biệt).

(3) Phát triển kinh tế bền vững trong vùng

Phát triển kinh tế xã hội bền vững là mục tiêu chính của kế hoạch phát triển kinh tế xã hội cũng như chiến lược phát triển bền vững của tỉnh Lâm Đồng. Đặc biệt, phát triển môi trường an toàn tại thành phố và xung quanh thành phố Đà Lạt là điều kiện tiên quyết để đảm bảo phát triển bền vững khu DTSQ khi phát triển kinh tế nhanh chóng (phát triển nóng) đã gây ra suy thoái môi trường và thiên tai ảnh hưởng đến đời sống con người.

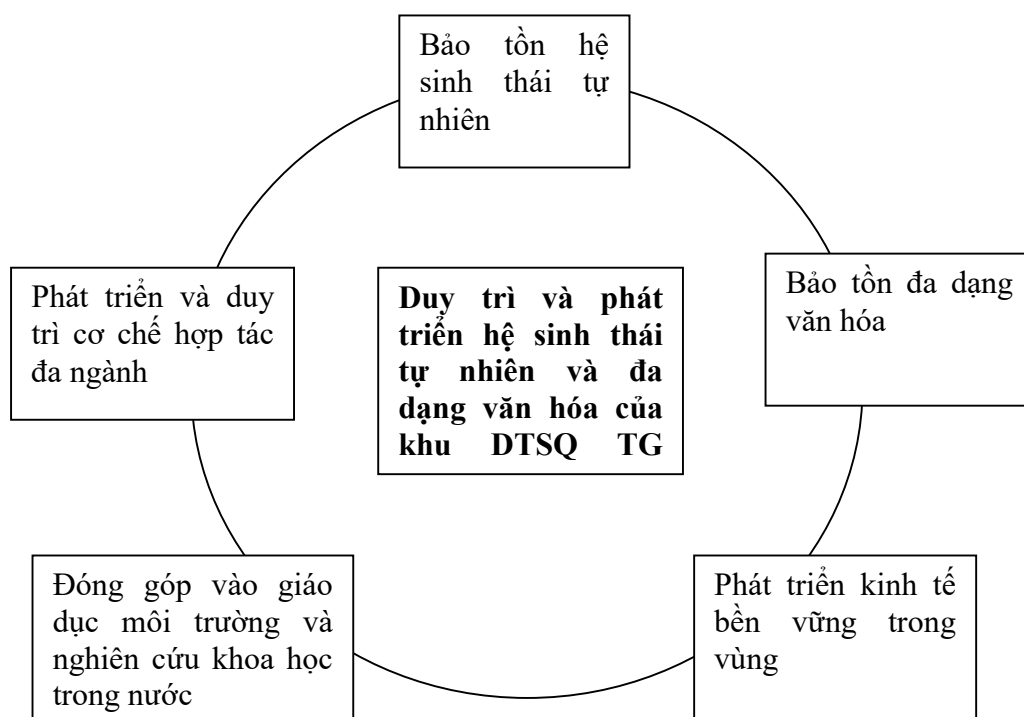
(4) Đóng góp vào giáo dục môi trường và nghiên cứu khoa học

Một trong những nhiệm vụ mà khu DTSQ TG Langbiang được mong đợi sẽ thực hiện là tổ chức các hoạt động giáo dục môi trường và nghiên cứu khoa học

dựa trên nguồn tài nguyên của khu DTSQ TG Langbiang. Đặc biệt, các điểm đặc trưng về văn hóa và xã hội của khu DTSQ, ví dụ như sự dồi dào đa dạng sinh học trong vùng lõi, kiến thức bản địa của cộng đồng dân tộc thiểu số sống trong vùng đệm, là những nguồn nguyên liệu quý giá để tổ chức giáo dục môi trường, nghiên cứu tự nhiên và xã hội. Khu DTSQ TG Langbiang nên được tận dụng tối đa là nơi tổ chức các hoạt động tìm hiểu, học hỏi.

(5) Duy trì cơ chế hợp tác đa ngành

BQL Khu DTSQ TG Langbiang thành lập được UBND tỉnh Lâm Đồng giao nhiệm vụ theo cơ chế điều phối đa ngành để: i) bảo vệ, duy trì và phát triển dịch vụ hệ sinh thái; ii) góp phần đảm bảo đời sống của người dân và phát triển kinh tế; iii) kết nối với các mục tiêu phát triển bền vững của chương trình hành động phát triển bền vững ở Việt Nam đến 2030. Do phải áp dụng hướng tiếp cận đa ngành để hiện thực hóa những công bố về tầm nhìn của khu DTSQ TG Langbiang, cơ chế hợp tác đa ngành cần được duy trì và củng cố trong quá trình thực hiện kế hoạch quản lý.



Hình 7. Sơ đồ mục tiêu quản lý

6.2.2 Chỉ tiêu (Chỉ số kiểm chứng mục tiêu) đến năm 2022

Những chỉ tiêu dưới đây là những chỉ số kiểm chứng mục tiêu của kế hoạch quản lý:

- (1) Tỷ lệ mất hoặc suy thoái rừng tự nhiên sẽ giảm 50% so với cùng giai đoạn từ 2010-2015;
- (2) Thương hiệu marketing dựa vào bối cảnh tự nhiên và xã hội của khu DTSQ sẽ được người dân sống trong khu DTSQ TG Langbiang và du khách đến thăm Đà Lạt biết đến rộng rãi;
- (3) Thu nhập bình quân hàng năm của các hộ dân sống trong vùng đệm sẽ tăng 20% từ mức thu nhập 2016/2017;
- (4) Dữ liệu nghiên cứu hệ sinh thái tự nhiên và đa dạng sinh học trong vùng lõi và vùng đệm của khu DTSQ TG Langbiang sẽ được tích lũy và lưu trữ có hệ thống;
- (5) Các chương trình giáo dục môi trường và du lịch sinh thái sẽ được thiết lập và tổ chức thường xuyên trong vùng đệm;
- (6) BQL khu DTSQ TG Langbiang sẽ thường xuyên cập nhật tiến độ thực hiện kế hoạch quản lý, đánh giá kết quả hoạt động hợp tác của các thành

viên, và phát triển kế hoạch quản lý 5 năm tiếp theo dựa trên kết quả đánh giá có sự tham gia.

6.2.3 Chỉ báo (Chỉ số kiểm chứng hoạt động) đến năm 2022

Để đạt được những chỉ tiêu của các mục tiêu cụ thể của kế hoạch quản lý, những chỉ báo dưới đây được chọn là những cột mốc của các hoạt động trong quá trình thực hiện kế hoạch quản lý:

- (1) Đến hết năm 2022, Mô hình quản lý hợp tác (CM) hiện đang được giới thiệu và khảo nghiệm với dự án JICA (Dự án SNRM) để quản lý bền vững các vùng rừng đặc dụng và rừng phòng hộ trong khu DTSQ TG Lang Biang sẽ được áp dụng cho hơn 20% số thôn ở vùng lõi và vùng đệm khu DTSQ;
- (2) Đến hết năm 2022, so sánh với số liệu 2017, tình trạng lấn chiếm đất nông nghiệp sẽ giảm dần trong các khu vực thí điểm CM trong khu DTSQ TG Langbiang, đặc biệt số vụ vi phạm lấn chiếm sẽ giảm 20%;
- (3) Đến cuối năm 2022, hơn 70% các hoạt động/tiểu hoạt động được vạch ra trong kế hoạch quản lý sẽ được thực hiện bởi các đơn vị liên quan tương ứng;
- (4) Đến cuối năm 2020 chiến lược marketing thương hiệu với các giá trị cốt lõi của khu DTSQ TG Langbiang được phát triển;
- (5) Đến cuối năm 2019 thương hiệu marketing sẽ được sử dụng để giới thiệu và bán các sản phẩm/hàng hóa địa phương được sản xuất trong khu DTSQ TG Langbiang;
- (6) Đến cuối năm 2018 có hơn 03 mô hình lựa chọn sinh kế bền vững có thể được giới thiệu trong vùng lõi sẽ được phát triển và triển khai trong khu DTSQ TG Langbiang;
- (7) Đến cuối năm 2017, các chương trình giáo dục môi trường và du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng sẽ được tổ chức trong khu DTSQ TG Langbiang, đặc biệt trong vùng đệm, như là chương trình thường xuyên có hợp tác với các đơn vị tư nhân;
- (8) Hệ sinh thái rừng và đa dạng sinh học trong khu DTSQ TG Langbiang, đặc biệt là trong vùng lõi, sẽ được chủ rừng giám sát thường xuyên, như BQL Vườn Quốc gia Bidoup – Núi Bà, và dữ liệu giám sát sẽ được chủ rừng lưu trữ có hệ thống với hợp tác với Bộ/ Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Bộ/Sở Tài nguyên và Môi trường;

- (9) BQL Khu DTSQ TG Langbiang sẽ phát triển và triển khai kế hoạch quản lý thường niên có ước tính chi phí dựa vào kế hoạch quản lý năm sau khi kế hoạch này được thông qua;
- (10) Đến cuối năm 2022, hơn 70% các thành viên tham gia mô hình CM sẽ áp dụng các lựa chọn sinh kế bền vững;
- (11) Từ năm 2018, BQL khu DTSQ TG Langbiang sẽ tổng hợp báo cáo hàng quý tiến độ thực hiện kế hoạch quản lý cho UBND tỉnh đồng thời đề xuất giải quyết những vấn đề/ khó khăn với các bên liên quan trong quá trình thực hiện kế hoạch.

Các chỉ tiêu và mô tả chỉ tiêu sẽ được điều chỉnh trong vòng 1 năm dựa trên kết quả của các cơ quan, đơn vị, ban ngành liên quan thực hiện các hoạt động/ tiêu hoạt động/ chương trình.

6.3 Các hướng tiếp cận chiến lược để đạt được mục tiêu quản lý

6.3.1 Tiếp cận SLIQ: Tư duy hệ thống, quy hoạch cảnh quan, điều phối liên ngành, kinh tế chất lượng trong quá trình thực hiện các chức năng của khu DTSQ (Tri et al., 2014)

Các khu DTSQ là những hệ thống “mẫu” trên Trái Đất. Việc quản lý khu DTSQ dựa trên phương châm “tư duy hệ thống, quy hoạch cảnh quan, điều phối liên ngành, kinh tế chất lượng” và đây là định hướng cho mọi mô hình quản lý bền vững các khu DTSQ. Nội dung chủ chốt của hướng tiếp cận SLIQ được mô tả như sau:

- (1) Tư duy hệ thống là hướng tiếp cận được áp dụng trên phương diện lý thuyết lẫn thực hành để đạt được sự hài hòa giữa bảo tồn và phát triển;
- (2) Quy hoạch cảnh quan là việc phân vùng các khu cảnh quan khác nhau của khu DTSQ thành “3 phân khu” theo phân loại của UNESCO-MAB, trong đó dựa trên quy hoạch dựa vào sinh thái có xét đến các yếu tố văn hóa – sinh thái – chính trị khác nhau;
- (3) Điều phối liên – đa ngành nhằm mục đích đạt được sự thông hiểu và hợp tác giữa các đơn vị, thị trường, tổ chức dân sự xã hội thông qua sự tham gia của các bên liên quan và kết hợp hướng tiếp cận từ dưới lên và từ trên xuống; và
- (4) Kinh tế chất lượng nhằm mục đích xây dựng nền kinh tế dựa vào bảo tồn/ kinh tế xanh và phát triển bền vững thông qua giới thiệu/áp dụng dán nhãn của khu DTSQ cho các sản phẩm và dịch vụ.

Việc cần thiết để giới thiệu hướng tiếp cận SLIQ ở Khu DTSQ TG Langbiang được nhấn mạnh theo bảng dưới đây:

Bảng 4. Tiếp cận SLIQ ở khu DTSQ TG Langbiang

SLIQ	Mô tả
Tư duy hệ thống	Theo quan điểm hệ thống, các khu DTSQ đều là các hệ thống bao gồm nhiều thành phần và thể hiện rất rõ các mối quan hệ đa dạng, phức tạp, kết nối các thành phần tự nhiên với KT-XH, cấu trúc và kiến trúc vật chất với các giá trị nhân văn, không gian văn hóa và cảnh quan tự nhiên, sinh thái học chính trị và sinh thái học sáng tạo... Tư duy hệ thống là công cụ hữu hiệu giúp các nhà quản lý và hoạch định chính sách có những giải pháp thích hợp trước các vấn đề thực tế vốn luôn luôn vận động, phức tạp và thay đổi theo không gian và thời gian.
Quy hoạch cảnh quan	Trong những năm gần đây, quy hoạch cảnh quan được áp dụng trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là liên quan đến sử dụng đất và mô hình hóa, dự báo sự biến đổi cảnh quan, môi trường trong tương lai. Một lĩnh vực được các nhà nghiên cứu sinh t/hái cảnh quan rất quan tâm là tác động của việc chia cắt lãnh thổ do phát triển công, nông nghiệp đến bảo tồn đa dạng sinh học. Việc chia cắt lãnh thổ do các hoạt động của con người thể hiện trên 2 yếu tố: diện tích nơi ở của sinh vật hoang dã (môi trường tự nhiên trong cảnh quan) bị suy giảm và những mảnh còn sót lại bị cô lập. Việc nối kết các mảnh còn sót lại như thế nào rất cần đến những nghiên cứu về sinh thái cảnh quan. Việc duy trì ĐDSH rất cần những nghiên cứu về sinh thái cảnh quan.
Điều phối liên ngành	Khu dự trữ sinh quyển mang lại một tư duy mới về khoa học bảo tồn, nó không chỉ cho thấy mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên bên trong và xung quanh những khu vực đó mà còn thể hiện cách làm sao cho hài hòa, đáp ứng những nhu cầu xã hội tiến tới một tương lai bền vững. Các khu DTSQ thường có diện tích lớn bao trùm lên các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo vệ, một số đồng thời là khu Ramsar (Công ước Ramsar về bảo tồn các loài chim di cư có tầm quan trọng quốc tế), khu di sản thiên nhiên thế giới... Như vậy, trong một khu dự trữ sinh quyển sẽ có rất nhiều các văn bản, pháp quy của cả quốc gia và

	<p>quốc tế và địa phương. Điều này cho thấy công việc quản lý các khu DTSQ thực chất là điều phối và tận dụng tối đa các văn bản, nguồn nhân lực và tài chính hiện có tại địa phương. khu DTSQ thể hiện rất nhiều chức năng so với khu bảo vệ, khu bảo tồn thiên nhiên thông thường. Thực chất của điều phối liên ngành và việc chia sẻ lợi ích và trách nhiệm trong quản lý tài nguyên thiên nhiên của những người làm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp, các nhà khoa học, cộng đồng địa phương, các cán bộ lãnh đạo và cơ quan nhà nước, cộng đồng thế giới... khu DTSQ là những mô hình trên thực tế giải quyết các mâu thuẫn trong sử dụng đất và bảo tồn ĐDSH, tạo ra những cơ hội trong giáo dục, giải trí và du lịch, ý thức đoàn kết giữa tất cả nhân dân trên toàn thế giới để quản lý bền vững sinh quyển, trái đất ngôi nhà chung của chúng ta.</p>
<p>Kinh tế chất lượng</p>	<p>Càng nhiều danh hiệu được quốc tế công nhận sẽ tạo ra càng nhiều cơ hội đầu tư cho bảo tồn và phát triển. Các danh hiệu này được đưa vào các kế hoạch đầu tư hàng năm mà khi so sánh với những địa phương khác không có các danh hiệu này thì họ luôn chiếm ưu thế. Ở Việt Nam có các điển hình như Cát Tiên, Xuân Thủy (vườn quốc gia, khu sinh quyển, khu Ramsar), Cát Bà (vườn quốc gia, khu sinh quyển, khu bảo tồn biển). Khu sinh quyển Cát Bà đã được UNESCO/MAB chọn để triển khai dự án thí điểm cho khu vực Đông Nam Á và thế giới “sử dụng khu sinh quyển như những phòng thí nghiệm học tập cho phát triển bền vững” với sự tham gia của các cơ quan ban ngành, hiệp hội, các thành phần kinh tế tư nhân.</p> <p>Một số hoạt động triển khai phát triển kinh tế chất lượng như: đăng ký nhãn hiệu hàng hóa và chỉ dẫn địa lý, kiểm soát ô nhiễm và khống chế số lượng du khách, mô hình bốn nhà cùng tham gia: khoa học, quản lý, doanh nghiệp và người dân địa phương, sức chứa và “thảm họa sinh thái”, nguyên lý “tặng băng ngậm”...</p>

6.3.2 Tiếp cận có sự tham gia

Tiếp cận có sự tham gia được áp dụng để đảm bảo sự tham gia của các bên liên quan nhằm mục đích hài hòa quan điểm, lợi ích giữa các bên, đồng thời tạo cơ hội cho các nhóm yếu thế được tham gia vào quá trình lập và triển khai kế hoạch cũng như giám sát, đánh giá kết quả thực hiện. Cách tiếp cận này nhằm hài hòa giữa chính sách từ trên xuống mang tính chỉ đạo, định hướng (top-down) và sự tham gia của người dân từ dưới lên (bottom-up).

Có 05 nhóm đối tượng tham gia vào quá trình hoạt động của khu DTSQ TG Langbiang

Nhóm 1: Các cơ quan hành chính công: UBND cấp tỉnh và các huyện, xã, các Sở (Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư, Ngoại vụ...), Ban Quản lý khu DTSQ TG Langbiang;

Nhóm 2: Các đơn vị sự nghiệp công: Vườn quốc gia, các ban quản lý rừng phòng hộ, Trung tâm Khuyến nông...

Nhóm 3: Các tổ chức nghiên cứu, khoa học, giáo dục, phát triển trong nước và quốc tế;

Nhóm 4: Các doanh nghiệp quan tâm tới khu DTSQ TG Langbiang và các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn khu sinh quyển;

Nhóm 5: Cộng đồng địa phương và các tổ chức xã hội dân sự (Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Tổ chức phi chính phủ...), các, Trung tâm Học tập Cộng đồng.

6.3.3 Tiếp cận liên ngành

Công tác quản lý khu sinh quyển cần được thực hiện với sự kết nối các bên liên quan trong công tác quản lý dựa trên các hệ thống chính sách hiện có, để giải quyết các vấn đề phức tạp mà chỉ có thể hiểu và giải quyết được bằng cách kết hợp quan điểm của hai hoặc nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau.

6.3.4 Tiếp cận dựa trên hệ sinh thái

Theo Công ước Đa dạng sinh học 12 nguyên tắc trong quản lý “dựa vào hệ sinh thái” sẽ được áp dụng là:

- (1) Các mục tiêu quản lý tài nguyên đất, nước và tài nguyên sống là sự lựa chọn mang tính xã hội;
- (2) Quản lý hệ sinh thái (HST) phải được phân quyền đến cấp thích hợp thấp nhất;

- (3) Các nhà quản lý HST phải xem xét hiệu quả thực tế hoặc tiềm năng các hoạt động của mình đối với các HST lân cận và các HST khác;
- (4) Quản lý HST phải được vận hành thường xuyên trong một bối cảnh kinh tế cụ thể để thông qua đó nhận thức rõ những lợi ích có thể đạt được là: Giảm bớt những khiếm khuyết của thị trường có ảnh hưởng tiêu cực đến đa dạng sinh học, khuyến khích để thúc đẩy việc sử dụng bền vững và bảo tồn đa dạng sinh học và kế hoạch hóa một cách khả thi các chi phí và các lợi ích của hệ sinh thái đã xác lập;
- (5) Việc bảo tồn cấu trúc và chức năng của HST phải là mục tiêu ưu tiên của phương thức tiếp cận hệ sinh thái;
- (6) Các HST phải được quản lý trong các giới hạn về chức năng của chúng;
- (7) Việc tiếp cận HST phải được thực hiện theo các quy mô thích hợp về mặt không gian và thời gian;
- (8) Các mục tiêu quản lý HST phải có tầm nhìn dài hạn bởi các kết quả chỉ có thể diễn ra từ từ do đặc trưng của các quá trình sinh thái và do sự thay đổi quy mô không gian theo thời gian;
- (9) Việc quản lý HST phải công nhận sự thay đổi là điều không thể tránh khỏi;
- (10) Phương thức tiếp cận HST đòi hỏi giữa bảo tồn và sử dụng đa dạng sinh học phải tìm kiếm sự cân bằng thích hợp và hợp thành một hệ thống thống nhất;
- (11) Quản lý tiếp cận HST cần phải xem xét tất cả các nguồn thông tin có liên quan bao gồm các kiến thức khoa học, kiến thức của cư dân bản địa, yêu cầu đổi mới và thực tiễn địa phương;
- (12) Quản lý tiếp cận HST cần sự tham gia của tất cả các lực lượng, các lĩnh vực xã hội và các ngành khoa học tương ứng.

Công tác quản lý khu DTSQ TG Langbiang phải có sự tham gia của tất cả các bên liên quan thuộc 5 nhóm chính, gồm:

Nhóm 1: Các cơ quan hành chính công: UBND cấp tỉnh và các huyện, xã..., các Sở (Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư, Ngoại vụ...)

Nhóm 2: Các đơn vị sự nghiệp công: Vườn quốc gia, các ban quản lý rừng phòng hộ, Trung tâm Khuyến nông...

Nhóm 3: Các tổ chức nghiên cứu, khoa học, giáo dục, phát triển trong nước và quốc tế

Nhóm 4: Các doanh nghiệp quan tâm tới khu DTSQ TG Langbiang và các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn khu sinh quyển

Nhóm 5: Cộng đồng địa phương và các tổ chức xã hội dân sự (Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, tổ chức phi chính phủ...), các, Trung tâm Học tập Cộng đồng...

6.4 Phân Khu và Chức năng trong khu DTSQ TG Langbiang

6.4.1 Chức năng của khu DTSQ TG Langbiang

Khu DTSQ TG Langbiang có ba chức năng: bảo tồn, phát triển và hỗ trợ.

(1) Bảo tồn: Bảo tồn các giá trị cốt lõi của khu dự trữ sinh quyển phục vụ mục tiêu phát triển bền vững;

(2) Phát triển: khuyến khích và thúc đẩy phát triển kinh tế cũng như phát triển con người, trong đó đảm bảo tính bền vững về văn hoá-xã hội và sinh thái;

(3) Hỗ trợ: hỗ trợ cho các dự án trình diễn, giáo dục và đào tạo về môi trường, nghiên cứu và giám sát liên quan tới các vấn đề về bảo tồn và PTBV cấp địa phương, khu vực, quốc gia và toàn cầu.

6.4.2 Phân vùng chức năng của Khu DTSQ TG Langbiang

Về phương diện phân vùng, mục tiêu của khu DTSQ TG Langbiang là hướng tới phương thức quản lý tổng hợp đất, nước ngọt và tài nguyên sống bằng cách quy hoạch vùng sinh học trên cơ sở phân vùng thích hợp. Hệ thống phân vùng đặc biệt của khu DTSQ TG Langbiang được thiết kế dựa trên thực tiễn và cơ hội sử dụng đất trong khi vẫn tạo điều kiện thuận lợi cho việc tích hợp giữa bảo tồn và phát triển bền vững, thông qua việc truyền bá kiến thức và hợp tác quản lý.

Như đã trình bày trong phần trước “các hướng tiếp cận được thực hiện”, các khu vực của khu DTSQ TG Lang Biag được chia thành ba (3) phân vùng quản lý để thực hiện ba chức năng do UNESCO định nghĩa có tính chất bắt buộc và củng cố lẫn nhau:

(1) Vùng lõi: bao gồm hệ sinh thái được bảo vệ nghiêm ngặt là nơi đóng góp vào công tác bảo tồn cảnh quan, hệ sinh thái, loài và đa dạng nguồn gen;

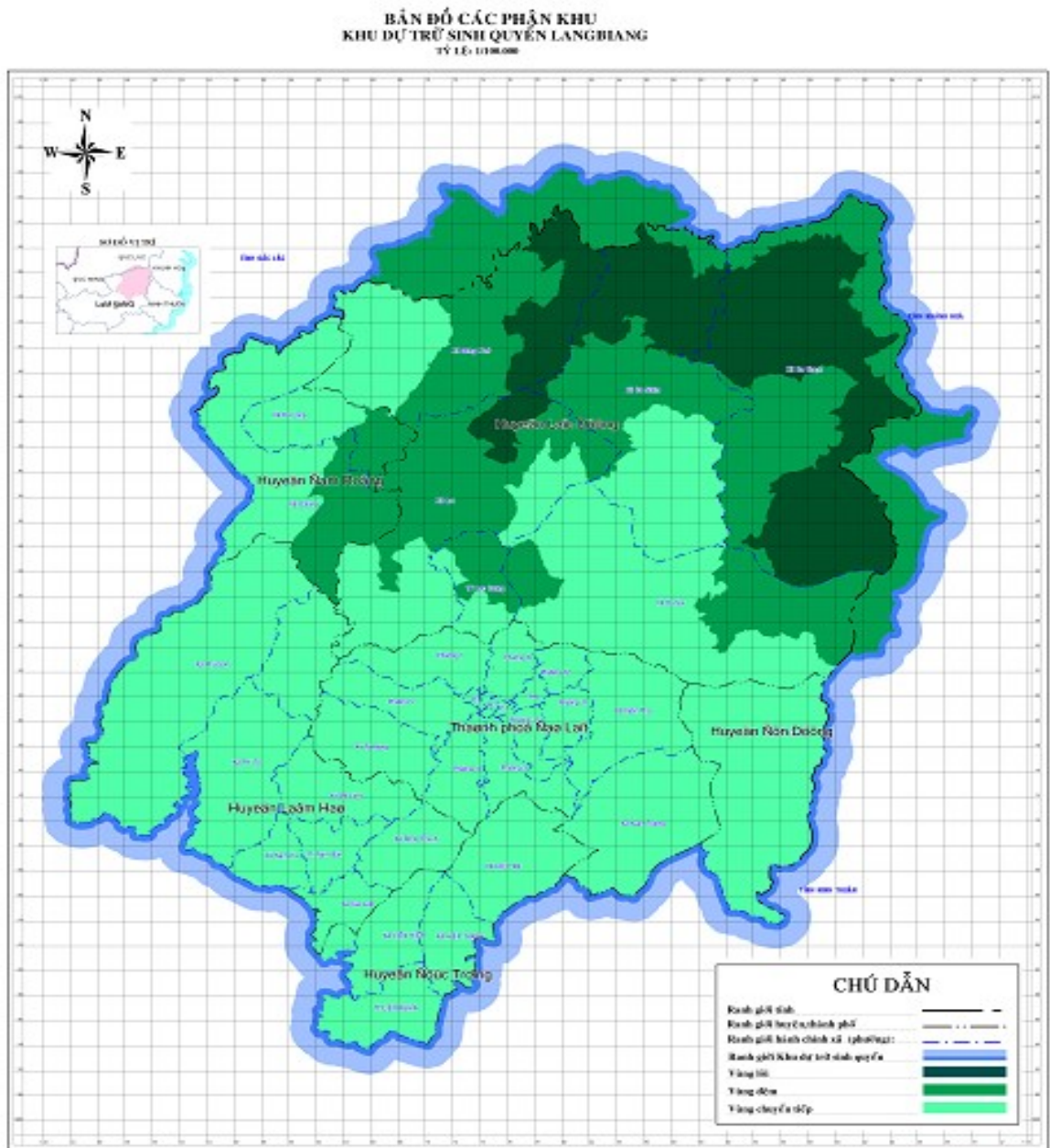
(2) Vùng đệm: là khu vực bao quanh hoặc lân cận vùng lõi, và là nơi tổ chức các hoạt động đảm bảo hệ sinh thái khỏe mạnh đồng thời có thể hỗ trợ các nghiên cứu khoa học, theo dõi giám sát, tập huấn và giáo dục; và

(3) Vùng chuyển tiếp là một phần của khu sinh quyển nơi phần lớn các hoạt động được cho phép, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội theo hướng bền vững về kinh tế xã hội và sinh thái.

Tương ứng với những nguyên tắc trên, ba (3) phân vùng của khu DTSQ TG Langbiang được phân định có xem xét với những điều kiện sau:

- Hiện trạng che phủ rừng và che phủ thực vật;
- Ranh giới hiện có giữa vườn quốc gia và rừng phòng hộ (bao gồm các tiểu khu trong vườn quốc gia);
- Hiện trạng sử dụng đất và kế hoạch tương lai.

Kết quả: 34,492 ha ở huyện Lạc Dương, 72,232 ha của cả huyện Lạc Dương và huyện Đam Rông, và 168,264 ha của TP Đà Lạt, huyện Đơn Dương, Lâm Hà và Đức Trọng được phân thành ba (3) vùng: vùng lõi, vùng đệm, vùng chuyển tiếp. Bản đồ phân vùng của khu DTSQ được trình bày trong hình dưới đây:



Hình 8. Bản đồ phân khu của khu DTSQ TG Langbiang

6.4.3 Vai trò và những hoạt động của các phân vùng chức năng

Bảng 5. Vai trò và hoạt động được mong đợi tổ chức trong các phân vùng

Vùng	Vai trò	Hoạt động sẽ được tổ chức
Vùng lõi	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên, đa dạng sinh học và nguồn gen trong khu dự trữ sinh quyển. ➤ Cung cấp số liệu khoa học về hệ sinh thái rừng, đa dạng sinh học và nguồn gen. ➤ Cung cấp kiến thức bản địa có thể được sử dụng để ứng biến với thay đổi khí hậu 	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Bảo vệ rừng (Các hoạt động tuần tra và các hoạt động bảo vệ khác) ➤ Bảo tồn các hệ sinh thái rừng và đa dạng sinh học (bao gồm các loài quý hiếm và nguồn gen) ➤ Nghiên cứu khoa học ➤ Theo dõi tài nguyên rừng, hệ sinh thái và đa dạng sinh học ➤ Điều tra kinh tế xã hội
Vùng đệm	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Cung cấp thêm nguồn thu nhập / sinh kế từ quản lý bền vững rừng và các nguồn tài nguyên khác ➤ Khôi phục và phục hồi các hệ sinh thái rừng. ➤ Cung cấp địa điểm và cơ hội cho giáo dục môi trường, du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng và nghiên cứu. ➤ Duy trì văn hóa truyền thống và phong cách sống của đồng bào dân tộc thiểu số. 	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Tái trồng cây bản địa ➤ Phát triển vườn ươm Thông hai lá dẹt, thông ba lá ➤ Giới thiệu các lựa chọn sinh kế/nông nghiệp thân thiện với môi trường ➤ Khuyến khích du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng ➤ Tổ chức các hoạt động du lịch dựa vào thôn buôn, ví dụ biểu diễn công chiêng ➤ Tổ chức giáo dục môi trường ➤ Giám sát nguồn tài nguyên rừng và hệ sinh thái ➤ Điều tra kinh tế xã hội
Vùng chuyển tiếp	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Giới thiệu và phát triển nông nghiệp công nghệ cao nhưng thân thiện với môi trường (sản xuất rau, 	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Cải thiện nông nghiệp công nghệ cao bằng cách giới thiệu các kỹ thuật nông nghiệp thân thiện với môi trường

	<p>hoa và các loại cây trồng, cây trồng có giá trị cao khác)..</p> <ul style="list-style-type: none"> ➤ Phát triển ngành du lịch kết hợp với du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng ➤ Quảng bá những sản phẩm / hàng hoá sản xuất trong vùng đệm. ➤ Cung cấp các cơ hội việc làm cho người dân địa phương trong khu dự trữ sinh quyển, đặc biệt là những người ở vùng đệm. 	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Tái trồng cây bản địa ➤ Trồng rừng trong đô thị/đô thị xanh ➤ Phát triển marketing cho sản phẩm/ hàng hóa địa phương ➤ Tổ chức các sự kiện để quảng bá phát triển xanh/ phát triển bền vững ➤ Cung cấp đào tạo nghề cho người dân địa phương, đặc biệt là người dân tộc thiểu số ➤ Tổ chức giáo dục môi trường ➤ Giám sát và đánh giá hoạt động phát triển ➤ Điều tra kinh tế xã hội
--	--	---

7 CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA KẾ HOẠCH QUẢN LÝ

7.1 Các chương trình

Các chương trình hoạt động được đề xuất căn cứ vào quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số 1462/QĐ-TTg ngày 23 tháng 8 năm 2011; Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2013 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt kế hoạch hành động thực hiện chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020 trên địa bàn Lâm Đồng; Nghị quyết số 137/NĐ-HDND ngày 11/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng về dự kiến kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 2527/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng phê duyệt kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về bảo vệ môi trường đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 28/08/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng phê duyệt bản quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học của tỉnh Lâm Đồng đến năm 2030; Quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 8/4/2013 của UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; Chức năng, nhiệm vụ của Ban quản lý khu DTSQ TG Langbiang.

Để đạt được các mục tiêu của kế hoạch quản lý, Bản kế hoạch quản lý đề xuất tổng cộng chín (9) chương trình hoạt động sẽ được thực hiện với sự phối

hợp chặt chẽ và hợp tác với các địa phương, ban, ngành quan có liên quan đến khu DTSQ TG Langbiang.

Bảng 6. Các chương trình hoạt động của khu DTSQ TG Langbiang

- (1) Chương trình bảo tồn tài nguyên thiên nhiên
- (2) Chương trình bảo tồn các giá trị văn hóa
- (3) Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế thân thiện với môi trường
- (4) Chương trình phát triển du lịch có trách nhiệm
- (5) Chương trình giảm thiểu ô nhiễm môi trường
- (6) Chương trình truyền thông và giáo dục môi trường
- (7) Chương trình nghiên cứu khoa học
- (8) Chương trình giám sát & đánh giá
- (9) Chương trình hợp tác quốc tế

7.2 Các hoạt động của BQL khu DTSQ TG Langbiang giai đoạn 2018-2022

Căn cứ vào 9 chương trình hoạt động, Bản kế hoạch quản lý đề xuất 36 hoạt động để đạt được mục tiêu quản lý. Các hoạt động này bao gồm các hoạt động con hoặc các dự án thành phần khác nhau sẽ được các cơ quan, ban ngành trong Khu DTSQ TG Langbiang thực hiện dưới sự chỉ đạo của UBND tỉnh Lâm Đồng cho kế hoạch 5 năm (2018-2022)

Bảng 7. Các hoạt động của BQL KDTSQ TG Langbiang

- 1. Chương trình bảo tồn tài nguyên thiên nhiên**
 - 1.1. Bảo vệ tài nguyên rừng
 - 1.2. Phòng cháy chữa cháy rừng
 - 1.3. Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững khu DTSQ
 - 1.4. Bảo tồn ĐDSH
 - 1.5. Xây dựng Vườn thực vật, động vật
 - 1.6. Xây dựng mô hình quản lý hợp tác trong QL TNTN
- 2. Chương trình bảo tồn các giá trị văn hóa**
 - 2.1. Đề xuất cơ chế kết hợp giữa bảo tồn tự nhiên và bảo tồn văn hóa
 - 2.2. Bảo tồn tri thức bản địa và các lễ hội truyền thống
 - 2.3. Bảo tồn văn hóa công chiêng (được UNESCO công nhận)
 - 2.4. Khôi phục ngành nghề truyền thống
 - 2.5. Xây dựng bảo tàng văn hóa tự nhiên Tây Nguyên
- 3. Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế thân thiện với môi trường**
 - 3.1. Chi trả dịch vụ môi trường rừng
 - 3.2. Xây dựng và phát triển thương/nhãn hiệu khu DTSQ
 - 3.3. Thúc đẩy sự hợp tác công tư trong khu DTSQ
 - 3.4. Tăng trưởng xanh, đô thị xanh, làng sinh thái
 - 3.5. Xây dựng mô hình sinh kế bền vững
- 4. Chương trình phát triển du lịch có trách nhiệm**
 - 4.1. Xây dựng chiến lược xúc tiến, quảng bá du lịch
 - 4.2. Xây dựng các mô hình du lịch nông nghiệp
 - 4.3. Xây dựng mô hình du lịch cộng đồng
- 5. Chương trình giảm thiểu ô nhiễm môi trường**
 - 5.1. Giám sát và đánh giá chất lượng môi trường
 - 5.2. Quản lý chất thải (rắn, nước thải)
 - 5.3. Phân loại chất thải sinh hoạt tại nguồn (3Rs)
 - 5.4. Mô hình quản lý chất thải (eco-toilets, biogas, compost,...)
- 6. Chương trình truyền thông và giáo dục môi trường**
 - 6.1. Xây dựng chiến lược truyền thông về các giá trị của khu DTSQ
 - 6.2. Xây dựng và vận hành website, mạng xã hội của khu DTSQ
 - 6.3. Giáo dục môi trường
- 7. Chương trình nghiên cứu khoa học**
 - 7.1. Xây dựng/đề xuất các đề tài nghiên cứu khoa học
 - 7.2. Phối hợp thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học
 - 7.3. Ứng dụng chuyển giao khoa học công nghệ
- 8. Chương trình giám sát & đánh giá**
 - 8.1. Giám sát việc thực hiện kế hoạch quản lý
 - 8.2. Giám sát Đa dạng sinh học
 - 8.3. Đánh giá theo các yêu cầu của các khu DTSQ
 - 8.4. Xây dựng dự án đầu tư 5 năm(2020-2025) và KH mở rộng KDTSQ
- 9. Chương trình hợp tác quốc tế**
 - 9.1. Hợp tác với MAB-UNESCO
 - 9.2. Hợp tác với mạng lưới các khu DTSQ trên thế giới
 - 9.3. Hợp tác quốc tế nghiên cứu khoa học trong khu DTSQ

Tất cả 36 hoạt động đều phù hợp với kế hoạch hiện tại của tỉnh Lâm Đồng, đặc biệt là Quy hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội của Tỉnh. Mặc dù phần lớn được mô tả hoặc liệt kê trong kế hoạch hiện tại, một số hoạt động mới được đề xuất trong Kế hoạch Quản lý khu DTSQ để tăng cường chức năng của khu dự trữ sinh quyển, như bảo tồn các hệ sinh thái rừng, góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội của cộng đồng địa phương, nghiên cứu và đào tạo, giáo dục về môi trường.

Bảng dưới đây mô tả phác thảo của 36 hoạt động và mối quan hệ của nó với các kế hoạch hiện tại (Quy hoạch và kế hoạch hành động). Cần lưu ý rằng các hoạt động có thể bao gồm nhiều hoạt động con hoặc dự án thành phần liên quan đến các mục tiêu quản lý.

Bảng 8. Sự tương thích giữa các hoạt động của KDTSQ TG Langbiang và các quy hoạch, kế hoạch, dự án đang được tổ chức thực hiện tại Lâm Đồng

STT	Các chương trình/ hoạt động của KDTSQ	Phác thảo nội dung	Quy hoạch, kế hoạch tương ứng
1	Chương trình bảo tồn tài nguyên thiên nhiên		
1.1	Bảo vệ tài nguyên rừng	➤ Bảo vệ rừng, đặc biệt là rừng hiện có trong vùng lõi và vùng đệm của khu dự trữ sinh quyển với sự cộng tác của các chủ rừng (BNBP-MB và DWPF-MB), cộng đồng địa phương và các UBND cấp xã	Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh
1.2	Phòng chống cháy rừng	➤ Nâng cao năng lực của chủ rừng và kiểm lâm huyện về phòng cháy, chữa cháy rừng thông qua việc cung cấp trang thiết bị và cộng đồng chữa cháy	Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh
1.3	Quy hoạch bảo tồn và Phát triển bền vững khu DTSQ	➤ Xây dựng kế hoạch thực hiện bảo tồn các hệ sinh thái rừng và phát triển bền vững trong khu dự trữ sinh quyển dựa trên kế hoạch quản lý 5 năm.	
1.4	Bảo tồn ĐDSH	➤ Tăng cường bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý các hệ sinh thái rừng tự nhiên,	kế hoạch hành động của chiến

STT	Các chương trình/ hoạt động của KDTSQ	Phác thảo nội dung	Quy hoạch, kế hoạch tương ứng
		<p>đặc biệt là rừng lá kim</p> <ul style="list-style-type: none"> ➤ Giảm thiểu tác động tiêu cực đến các hệ sinh thái rừng và đa dạng sinh học thông qua i) tăng cường nhận thức của cộng đồng về đa dạng sinh học, ii) tăng cường năng lực cho việc bảo tồn đa dạng sinh học, và iii) tăng cường sự tham gia của cộng đồng vào bảo tồn đa dạng sinh học 	lược bảo tồn đa dạng sinh học, quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học
1.5	Xây dựng Vườn thực vật, động vật	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Các loài quý hiếm và nguồn gen di truyền, thông qua việc phát triển các trung tâm bảo tồn, ví dụ như các vườn thực vật và Safari ở VQG Bidoup – Núi Bà 	quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học
1.6	Xây dựng Khung quản lý hợp tác trong QL TNTN	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Xây dựng và thể chế mô hình hợp tác quản lý (Thỏa thuận Quản lý Hợp tác) do Dự án JICA (SNRMP) đề xuất và được chứng minh là một phương pháp quản lý mới của các khu rừng đặc dụng và rừng phòng hộ ở các vùng đệm và vùng lõi 	Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng bền vững
2	Chương trình bảo tồn các giá trị văn hóa		
2.1	Xây dựng cơ chế kết hợp giữa bảo tồn tự nhiên và bảo tồn văn hóa	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Bảo tồn văn hóa truyền thống và kiến thức bản địa 	
2.2	Bảo tồn tri thức bản địa và các lễ hội truyền thống	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Bảo tồn và quảng bá các lễ hội truyền thống (lễ hội hoa và lễ hội trà) và các nền văn hoá truyền thống của các dân tộc khác nhau để phát triển du lịch 	Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch hành động của chiến lược bảo tồn đa dạng sinh học
2.3	Bảo tồn văn hóa công cộng	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Bảo tồn văn hóa công cộng và phát triển sản phẩm du lịch địa phương thông qua 	Quy hoạch phát triển kinh

STT	Các chương trình/ hoạt động của KDTSQ	Phác thảo nội dung	Quy hoạch, kế hoạch tương ứng
	chiêng	công chiêng cùng với cộng đồng địa phương	tế - xã hội, kế hoạch hành động của chiến lược bảo tồn đa dạng sinh học
2.4	Khôi phục ngành nghề truyền thống	➤ Khôi phục các nghề thủ công truyền thống/văn hoá và nâng cao chất lượng để tiếp thị những sản phẩm chất lượng truyền thống đặc thù của khu dự trữ sinh quyển	Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội
2.5	Xây dựng bảo tàng văn hóa tự nhiên Tây Nguyên	➤ Xây dựng một bảo tàng thiên nhiên và văn hoá Tây Nguyên để đây có thể là trung tâm nghiên cứu, đào tạo và nghiên cứu khoa học của khu vực	Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội
3	Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế thân thiện với môi trường		
3.1	Chi trả dịch vụ môi trường rừng	➤ Sử dụng PFES để bảo vệ và quản lý ba (3) loại rừng trong khu dự trữ sinh quyển, đặc biệt trong vùng đệm và vùng lõi	Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh
3.2	Xây dựng và phát triển thương/nhãn hiệu khu DTSQ	➤ Xây dựng và thực hiện các chiến lược tiếp thị với thương hiệu dự trữ sinh quyển cho các hàng hoá địa phương và các sản phẩm được sản xuất trong khu dự trữ sinh quyển	Dự án JICA – SNRM
3.3	Thúc đẩy sự hợp tác công tư trong khu DTSQ	➤ Thúc đẩy các khoản đầu tư tư nhân dưới hình thức hợp tác công tư (PPP) cho dự án phát triển thân thiện với môi trường-kinh tế như đóng chai đưa ra thị trường nước sạch	Quy hoạch của VQG Bidoup – Núi Bà
3.4	Tăng trưởng xanh, làng đô thị sinh thái	➤ Đẩy mạnh các hoạt động tăng trưởng xanh như đô thị sinh thái, nông thôn xanh, nhà ở xanh, và phân loại rác trong	Chương trình tăng trưởng xanh của TP Đà Lạt

STT	Các chương trình/ hoạt động của KDTSQ	Phác thảo nội dung	Quy hoạch, kế hoạch tương ứng
		vùng chuyển tiếp	
3.5	Xây dựng một số mô hình sinh kế bền vững	➤ Phát triển và quảng bá các mô hình phát triển sinh kế bền vững do dự án JICA – SNRM giới thiệu và thử nghiệm trong vùng đệm khu dự trữ sinh quyển	Các chương trình nông thôn miền núi
4	Chương trình phát triển du lịch có trách nhiệm		
4.1	Xây dựng chiến lược xúc tiến, quảng bá du lịch	➤ Xây dựng Chiến lược xúc tiến hoạt động du lịch và mở rộng thị trường mới cho phát triển du lịch	Kế hoạch hoạt động của chiến lược phát triển du lịch
4.2	Xây dựng các mô hình du lịch nông nghiệp	➤ Phát triển và thúc đẩy các mô hình du lịch xanh sử dụng các trang trại hiện có như rau, hoa và trà trong vùng chuyển tiếp và vùng đệm	Kế hoạch hoạt động của chiến lược phát triển du lịch
4.3	Xây dựng mô hình du lịch cộng đồng	➤ Phát triển và thúc đẩy các mô hình du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng được giới thiệu thử nghiệm bởi Dự án JICA-SNRM trong vùng đệm khu dự trữ sinh quyển	-
5	Chương trình giảm thiểu ô nhiễm môi trường		
5.1	Giám sát và đánh giá chất lượng môi trường	➤ Đánh giá chất lượng môi trường trong khu dự trữ sinh quyển, bao gồm phát triển các trạm quan trắc môi trường địa phương, đặc biệt là trạm quan trắc môi trường nước mặt tự động trong các sông chính trong khu dự trữ sinh quyển.	Kế hoạch hoạt động của chiến lược bảo vệ môi trường
5.2	Quản lý chất thải (rắn, nước thải)	➤ Phát triển cơ sở hạ tầng cần thiết để quản lý chất thải, ví dụ như thu gom và xử lý chất thải rắn và xử lý nước thải, trong khu vực chuyển tiếp	Kế hoạch hoạt động của chiến lược bảo vệ môi trường
5.3	Phân loại chất thải sinh hoạt	➤ Phát triển và thúc đẩy mô hình 3Rs (giảm thiểu, tái sản xuất, và tái sử dụng)	Kế hoạch hoạt động của chiến

STT	Các chương trình/ hoạt động của KDTSQ	Phác thảo nội dung	Quy hoạch, kế hoạch tương ứng
	tại nguồn (3Rs)	trong vùng đệm và vùng chuyển tiếp	lược bảo vệ môi trường
5.4	Mô hình quản lý chất thải (eco-toilets, biogas, compost,...)	➤ Thúc đẩy các mô hình quản lý, rác thải như nhà vệ sinh sinh thái, biogas, phân hữu cơ, vv để giảm thiểu và tái sử dụng chất thải sinh hoạt trong vùng đệm và vùng chuyển tiếp	Kế hoạch hoạt động của chiến lược bảo vệ môi trường
6	Chương trình truyền thông và giáo dục môi trường		
6.1	Xây dựng chiến lược truyền thông về các giá trị của khu DTSQ	➤ Xây dựng và thực hiện chiến lược và kế hoạch hành động để tăng cường giao tiếp giữa các bên liên quan và nâng cao nhận thức xã hội về các giá trị của khu dự trữ sinh quyển	Kế hoạch hoạt động của chiến lược bảo vệ môi trường, quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học
6.2	Xây dựng và vận hành website, mạng xã hội của khu DTSQ	➤ Xây dựng, vận hành và quản lý trang web và trang thông tin mạng xã hội của khu dự trữ sinh quyển để nâng cao nhận thức của công chúng về các giá trị của khu dự trữ sinh quyển	-
6.3	Giáo dục môi trường	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục môi trường để nâng cao nhận thức của công chúng về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và khu DTSQ ➤ Xây dựng/nâng cấp trung tâm giáo dục môi trường của VQG Bidoup – Núi Bà 	Kế hoạch hoạt động của chiến lược bảo vệ môi trường, quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học
7	Chương trình nghiên cứu khoa học		
7.1	Xây dựng các đề tài nghiên cứu khoa học	➤ Xây dựng kế hoạch hành động cho các nghiên cứu khoa học hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức khoa học trong nước và quốc tế để nghiên cứu sâu hơn về đa dạng sinh học và văn hóa bản địa	Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học
7.2	Phối hợp thực	➤ Tổ chức các nghiên cứu khoa học hợp	Quy hoạch bảo

STT	Các chương trình/ hoạt động của KDTSQ	Phác thảo nội dung	Quy hoạch, kế hoạch tương ứng
	hiện các đề tài nghiên cứu khoa học	tác với các viện/ trường đại học / tổ chức có liên quan, như: i) Giới thiệu và sử dụng dữ liệu viễn thám để quản lý và giám sát các hệ sinh thái rừng; ii) Lồng ghép bảo tồn thiên nhiên và văn hoá	tồn đa dạng sinh học
7.3	Ứng dụng chuyển giao khoa học công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Áp dụng các công nghệ và khoa học mới và tiên tiến để cải thiện việc quản lý khu dự trữ sinh quyển và giúp các hoạt động kinh tế địa phương trở nên bền vững và hiệu quả ➤ Thực hiện dự án phát triển nông thôn miền núi 	Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học
8	Chương trình tổ chức hoạt động và Giám sát & Đánh giá		
8.1	Tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá việc thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Tổ chức BQL khu DTSQ để hoàn thành nhiệm vụ điều phối giúp quản lý và duy trì nguồn tài nguyên cần thiết để quản lý khu DTSQ ➤ Thường xuyên theo dõi tiến độ của các hoạt động được thực hiện bởi các bên liên quan (các Sở, UBND và các đơn vị tư nhân) trong khuôn khổ kế hoạch quản lý 	-
8.2	Đánh giá dự theo các yêu cầu của khu DTSQ	➤ Đánh giá kết quả của các hoạt động do các bên liên quan thực hiện hàng năm và rút ra các bài học hữu ích.	-
8.3	Giám sát Đa dạng sinh học	➤ Tiến hành giám sát đa dạng sinh học thường kỳ trong vùng lõi khu DTSQ để xác nhận hiện trạng đa dạng sinh học của hệ sinh thái và phát hiện những dấu hiệu khi có thay đổi	-
8.4	Xây dựng dự án đầu tư	➤ Xây dựng kế hoạch đầu tư 5 năm để quản lý khu dự trữ sinh quyển từ năm 2020 đến năm 2025 dựa trên kết quả	-

STT	Các chương trình/ hoạt động của KDTSQ	Phác thảo nội dung	Quy hoạch, kế hoạch tương ứng
	2020-2025 cho Khu DTSQ và mở rộng KDTSQ trong tương lai.	đánh giá của các chương trình hoạt động. ➤ Phát triển kế hoạch hoặc đề xuất các tài liệu cần thiết liên quan đến việc mở rộng khu DTSQ TG Lang Biang.	
9	Chương trình hợp tác quốc tế		
9.1	Hợp tác với MAB-UNESCO	➤ Thường xuyên trao đổi với MAB - UNESCO.	-
9.2	Hợp tác với mạng lưới các khu DTSQ	➤ Hợp tác và trao đổi với các khu DTSQ khác trên thế giới	-
9.3	Hợp tác quốc tế nghiên cứu khoa học trong khu DTSQ	➤ Hợp tác và điều phối các viện nghiên cứu, trường đại học/ quốc tế để thực hiện nghiên cứu khoa học.	Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học

7.3 Các hoạt động ưu tiên

Trong 36 hoạt động đề xuất và 9 chương trình, 24 hoạt động/ dự án cụ thể dưới đây được lựa chọn là các hoạt động cần được nhấn mạnh và ưu tiên trong quá trình thực hiện kế hoạch quản lý.

Tiêu chí để xác định các hoạt động ưu tiên là:

- (1) Nằm trong chương trình phát triển bền vững của Tỉnh Lâm Đồng phục vụ mục tiêu phát triển bền vững của Việt nam đến năm 2230;
- (2) Để phục vụ mục tiêu quản lý của KDTSQ;
- (3) Sự đề xuất của các bên liên quan trong quá trình tham vấn;
- (4) Phù hợp với chức năng nhiệm vụ của Ban quản lý;
- (5) Có khả năng huy động nguồn tài chính để tổ chức thực hiện.

**Bảng 9. Các hoạt động ưu tiên trong kế hoạch quản lý
Khu DTSQ TG Langbiang**

1. Chương trình bảo vệ tài nguyên rừng

1.1 Bảo vệ tài nguyên rừng

1.3 Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững KDTSQ

1.5. Xây dựng Vườn thực vật, động vật.

1.6 Xây dựng mô hình quản lý hợp tác cho quản lý tài nguyên rừng

2. Chương trình bảo tồn văn hóa

2.1. Đề xuất cơ chế kết hợp giữa bảo tồn tự nhiên và bảo tồn văn hóa.

3. Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế thân thiện với môi trường

3.1 Chi trả dịch vụ môi trường rừng.

3.2 Xây dựng và phát triển thương/nhãn hiệu khu DTSQ

3.3 Thúc đẩy hợp tác giữa công tư trong khu dự trữ sinh quyển

3.5 Xây dựng mô hình sinh kế bền vững

4. Chương trình Phát triển Du lịch có trách nhiệm

4.1 Xây dựng chiến lược xúc tiến, quảng bá du lịch

4.2 Xây dựng các mô hình du lịch nông nghiệp

4.3 Xây dựng mô hình du lịch cộng đồng

6. Chương trình giáo dục môi trường và truyền thông

6.1 Xây dựng chiến lược truyền thông về các giá trị dự trữ sinh quyển

6.2 Xây dựng, vận hành website và mạng xã hội của khu dự trữ sinh quyển

6.3 Tổ chức các hoạt động giáo dục môi trường

7. Chương trình nghiên cứu khoa học

7.1 Xây dựng/đề xuất các đề tài nghiên cứu khoa học.

7.2 Phối hợp thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học

7.3 Ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ

8. Các hoạt động và chương trình giám sát và đánh giá

8.1 Giám sát việc thực hiện kế hoạch quản lý.

8.2 Giám sát Đa dạng sinh học

8.4 Xây dựng dự án đầu tư và KH mở rộng KDTSQ

9. Chương trình hợp tác quốc tế

9.1 Hợp tác với MAB-UNESCO

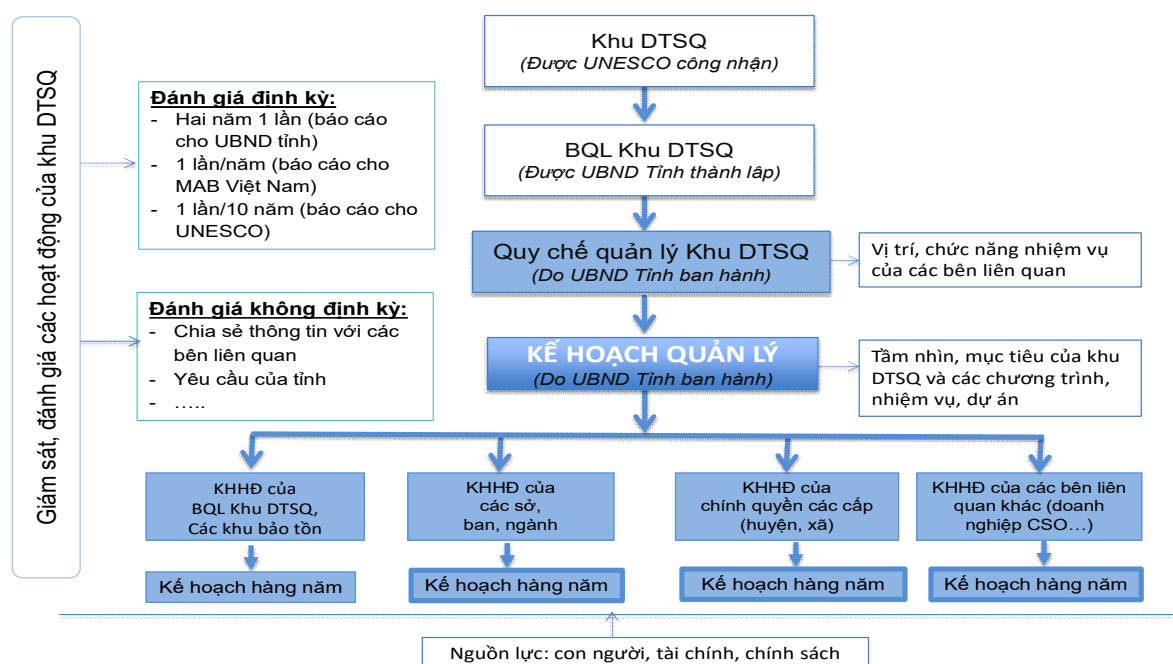
9.2 Hợp tác với mạng lưới dự trữ sinh quyển thế giới

9.3 Hợp tác quốc tế nghiên cứu khoa học trong khu dự trữ sinh quyển

7.4 Tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý

7.4.1 Mô hình quản lý của Khu DTSQ TG Langbiang

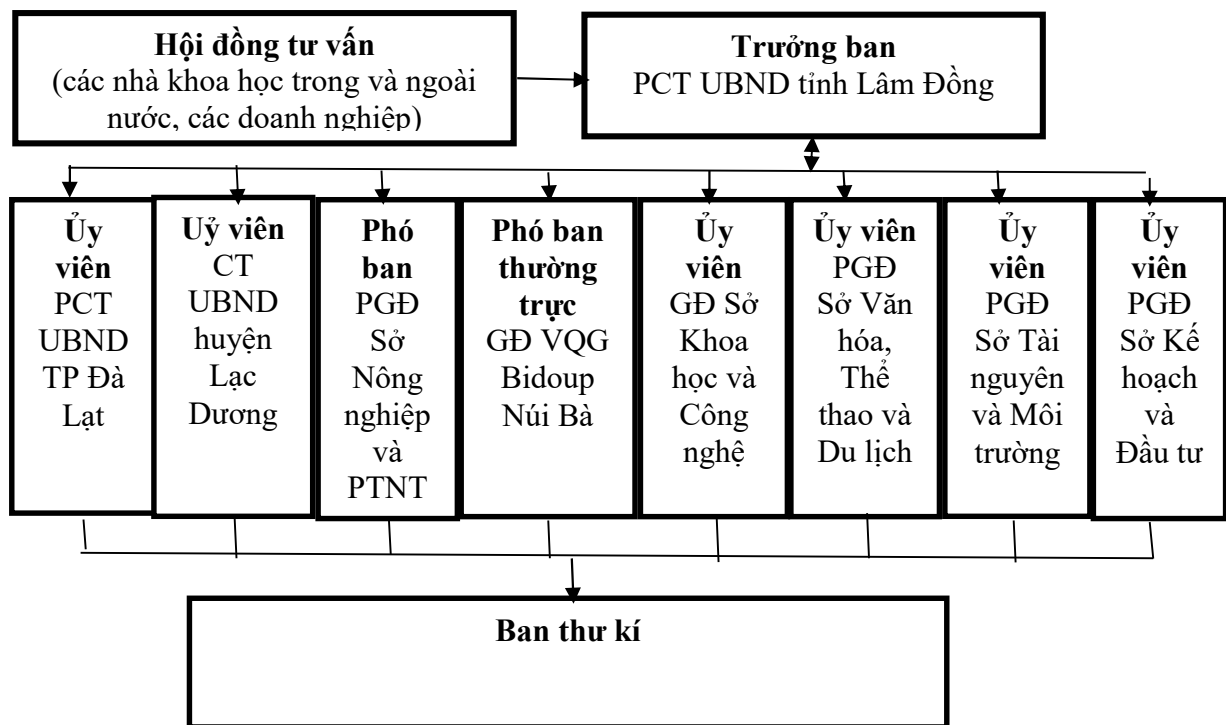
Kế hoạch quản lý khu DTSQ TG Langbiang sẽ được thực hiện bởi tất cả các bên liên quan thuộc 5 nhóm chính, gồm: Các cơ quan quản lý (gồm cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương các cấp); Các đơn vị sự nghiệp công lập (gồm các đơn vị chủ rừng nhà nước); Các cơ quan khoa học – giáo dục (nghiên cứu, giáo dục trong nước và quốc tế); Khối doanh nghiệp; Cộng đồng và các tổ chức xã hội dân sự dưới sự quản lý và chỉ đạo trực tiếp của UBND tỉnh Lâm Đồng. BQL Khu DTSQ TG Langbiang bao gồm chín (9) thành viên từ các cơ quan/ ban ngành khác nhau do 01 phó chủ tịch UBND tỉnh làm trưởng ban. BQL đóng vai trò quan trọng trong việc triển khai kế hoạch quản lý, đặc biệt trong việc điều phối và tổng hợp tổ chức các chương trình hoạt động cho các đơn vị liên quan. Hình dưới đây minh họa cơ cấu tổ chức để thực hiện kế hoạch quản lý.



Hình 9. Đề xuất khung quản lý khu DTSQ TG Langbiang

7.4.2 Ban quản lý khu DTSQ TG Langbiang

Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển thế giới Lang Biang được thành lập ngày 03 tháng 6 năm 2016 theo Quyết định số 1164 / QĐ -UBND của UBND tỉnh Lâm Đồng. Ban quản lý là một tổ chức đa ngành bao gồm đại diện từ tám (8) cơ quan chính phủ khác nhau, được hiển thị bên dưới.



Hình 10. Sơ đồ bộ máy Ban Quản lý khu DTSQ TG Langbiang

Chức năng nhiệm vụ của Ban quản lý Khu DTSQ TG Langbiang được quy định tại quyết định số 1164/QĐ-UBND như sau:

Bảng 10. Chức năng nhiệm vụ của Ban quản lý Khu DTSQ TG Langbiang

Mục	Mô tả
Chức năng	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Ban quản lý Khu DTSQ TG Langbiang là cơ quan thường trực giúp UBND tỉnh Lâm Đồng thực hiện các hoạt động quản lý Khu dự trữ sinh quyển theo quy định của luật pháp Việt Nam và sự hỗ trợ về chuyên môn nghiệp vụ của Ủy ban quốc gia UNESCO Việt Nam, Ủy ban quốc gia Chương trình Con người và Sinh quyển Việt Nam(MAB Việt Nam).
Nhiệm vụ	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Xây dựng kế hoạch quản lý điều hành của Khu DTSQ TG Langbiang, tham vấn ý kiến của Ủy ban quốc gia UNESCO Việt Nam, Ủy ban quốc gia Chương trình Con người và Sinh quyển Việt Nam trình UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt để tổ chức thực hiện; ➤ Xây dựng và thực hiện các quy hoạch, kế hoạch, các chương trình, dự án trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để bảo tồn và phát triển bền vững Khu DTSQ TG Langbiang; ➤ Tổ chức diễn đàn quản lý hợp tác cho các bên liên quan tham gia vào quá trình quản lý, bảo tồn và phát triển bền vững Khu DTSQ TG Langbiang;

	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Tham mưu cho UBND tỉnh Lâm Đồng thành lập Hội đồng tư vấn quốc tế về bảo tồn và phát triển bền vững Khu DTSQ TG Langbiang và là cơ quan chịu trách nhiệm về hoạt động của Hội đồng tư vấn theo quy định của Chính phủ Việt Nam; ➤ Huy động và tiếp nhận các nguồn lực trong nước và quốc tế để thực hiện các chương trình, dự án, các hoạt động nhằm bảo tồn và phát triển bền vững Khu DTSQ TG Langbiang theo quy định hiện hành; ➤ Thực hiện chương trình tuyên truyền, giáo dục, quảng bá, giới thiệu về Khu DTSQ TG Langbiang; ➤ Đề xuất các đề tài nghiên cứu khoa học và liên kết, hợp tác với các tổ chức trong nước và quốc tế thực hiện, tiếp nhận các thành quả nghiên cứu khoa học trong Khu DTSQ TG Langbiang; ➤ Làm đầu mối liên hệ với Ủy ban quốc gia UNESCO Việt Nam, Ủy ban quốc gia Chương trình Con người và Sinh quyển Việt Nam để tiếp nhận và triển khai thực hiện các hoạt động liên quan đến Khu DTSQ TG Langbiang; tham gia vào mạng lưới Khu DTSQ Thế giới để tăng cường sự hợp tác với các nhà khoa học trong nước và quốc tế trong khuôn khổ MAB/UNESCO; ➤ Quản lý, sử dụng vật tư, tài sản, kinh phí từ các nguồn tài chính liên quan đến hoạt động của Khu DTSQ TG Langbiang.
--	--

7.4.3 Vai trò và nhiệm vụ của các bên liên quan đối với khu DTSQ TG Langbiang

Các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thực hiện kế hoạch quản lý Khu DTSQ TG Langbiang, đặc biệt là các chương trình hoạt động có liên quan đến vai trò và nhiệm vụ của đơn vị và địa phương. Vai trò và nhiệm vụ chung của các cơ quan/ đơn vị/ tổ chức đối Khu DTSQ TG Langbiang như sau:

1) UBND tỉnh Lâm Đồng

- Trực tiếp quản lý, chỉ đạo các hoạt động của Ban quản lý khu DTSQ TG Langbiang. (Phó chủ tịch UBND tỉnh là trưởng Ban quản lý khu DTSQ TG Langbiang);
- Quyết định và ban hành cơ chế pháp lý hỗ trợ Ban quản lý khu DTSQ TG Langbiang triển khai các hoạt động nằm trong khuôn khổ kế hoạch quản lý;

- Phê duyệt kế hoạch quản lý 5 năm khu DTSQ TG Langbiang; và
- Bố trí ngân sách cần thiết để triển khai các chương trình hoạt động của từng cơ quan/ ban ngành được tổ chức theo kế hoạch quản lý 5 năm

2) VQG Bidoup-Núi Bà

- Giám đốc VQG là Phó trưởng ban Thường trực của khu DTSQ TG Langbiang có trách nhiệm Hỗ trợ cho Phó chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng thực hiện vai trò Trưởng Ban QL khu DTSQ TG Langbiang;
- Tổ chức hoạt động đối với Ban thư ký của BQL khu DTSQ TG Langbiang, cụ thể: i) hỗ trợ việc thực hiện các chương trình hoạt động của các ban ngành/tổ chức, ii) thúc đẩy việc phối hợp và lồng ghép các chương trình hoạt động của các ban ngành / tổ chức có liên quan và iii) tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi thông tin giữa các thành viên của BQL khu DTSQ, đặc biệt là giữa trưởng Ban Quản lý và các thành viên khác;
- Lồng ghép các chương trình hoạt động của Khu DTSQ TG Langbiang vào các chương trình/ hoạt động của VQG Bidoup Núi Bà.
- Tạo điều kiện cho Ban thư ký điều phối diễn đàn quản lý hợp tác của KDTSQ TG Langbiang
- Tham gia vào diễn đàn quản lý hợp tác của khu DTSQ TG Langbiang

3) Các Sở, Ban, Ngành

- Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Kế hoạch đầu tư; Tài chính; Tài nguyên & Môi trường; Văn hóa thể thao & Du lịch; Khoa học & Công nghệ; Giáo dục & Đào tạo...
- Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao hỗ trợ Ban quản lý khu DTSQ TG Langbiang triển khai thực hiện các kế hoạch quản lý của khu DTSQ TG Langbiang theo quyết định 1164/QĐ-UBND;
- Lồng ghép các chương trình/hoạt động của kế hoạch quản lý Khu DTSQ TG Langbiang gắn với từng ban ngành/tổ chức vào các chương trình hoạt động của đơn vị và triển khai tổ chức thực hiện.
- Phối hợp/hỗ trợ BQL khu DTSQ TG Langbiang để tổ chức thực hiện các chương trình hoạt động trong kế hoạch quản lý này.

- Thông báo kết quả thực hiện các chương trình/ dự án cho BQL khu DTSQ;
- Cử cán bộ tham gia vào diễn đàn quản lý hợp tác Khu DTSQ TG Langbiang.

4) Các Ban quản lý rừng/công ty lâm nghiệp trong KDTSQ

- Phối hợp các hoạt động với BQL khu DTSQ TG Langbiang và các cơ quan, ban ngành khác có liên quan để thực hiện các chương trình/ hoạt động đề xuất trong kế hoạch quản lý, đặc biệt là i) Bảo vệ tài nguyên rừng, ii) Chi trả dịch vụ môi trường rừng, iii) Phòng cháy rừng, iv) Phát triển mô hình quản lý hợp tác cho quản lý tài nguyên theo chương trình Bảo tồn Thiên nhiên;
- Tích hợp các hoạt động liên quan đến quản lý rừng thuộc thẩm quyền của đơn vị;
- Chịu trách nhiệm thực hiện các hoạt động liên quan đến quản lý rừng thuộc phạm vi quản lý của mình;
- Xây dựng kế hoạch triển khai các chương trình hoạt động của khu DTSQ theo quy chế của các cơ quan; và
- Tham gia vào diễn đàn quản lý hợp tác của khu DTSQ TG Langbiang.

5) UBND các huyện trong khu DTSQ TG Langbiang

- Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao hỗ trợ Ban quản lý khu DTSQ TG Langbiang triển khai thực hiện các chương trình hoạt động của khu DTSQ TG Langbiang trên địa bàn huyện quản lý theo quyết định 1164/QĐ-UBND;
- Lồng ghép các mục tiêu quản lý, các chương trình/dự án của khu DTSQ TG Langbiang vào chương trình phát triển KT-XH của địa phương để tổ chức thực hiện;
- Phối hợp/hỗ trợ BQL khu DTSQ TG Langbiang để tổ chức thực hiện các chương trình hoạt động trong kế hoạch quản lý khu DTSQ TG Langbiang;
- Tham gia thực hiện các chương trình hoạt động của khu DTSQ trên địa bàn do huyện quản lý; và
- Báo cáo tiến độ và kết quả triển khai chương trình hoạt động trong các buổi họp BQL khu DTSQ

- Cử cán bộ tham gia vào diễn đàn quản lý hợp tác Khu DTSQ TG Langbiang.

6) Các tổ chức và cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ

Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, các viện nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng...Tham gia bảo vệ và phát triển khu DTSQ thông qua các hoạt động:

- Đề xuất và tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu trong Khu DTSQ TG Langbiang;
- Tham gia lập kế hoạch, triển khai thực hiện, rà soát các chương trình hoạt động đặt ra trong kế hoạch quản lý
- Cho ý kiến, tư vấn và đề xuất để quản lý khu DTSQ tốt hơn và tổ chức các hoạt động của kế hoạch quản lý hiệu quả hơn;
- Phối hợp với BQL Khu DTSQ TG Langbiang và chủ rừng, đặc biệt là VQG Bidoup – Núi Bà, để tiến hành các nghiên cứu trong các lĩnh vực liên quan; Và
- Chia sẻ kết quả nghiên cứu với BQL Khu DTSQ TG Langbiang và chủ rừng, đặc biệt là VQG Bidoup – Núi Bà để cải tiến công tác quản lý khu DTSQ, như xây dựng cơ sở dữ liệu, cải tiến các chương trình quản lý dựa trên các lập luận khoa học và phát triển một công cụ quản lý/mô hình.
- Chủ động tham gia vào diễn đàn quản lý hợp tác Khu DTSQ TG Langbiang

7) Cộng đồng doanh nghiệp hoạt động trong khu DTSQ TG Langbiang

- Được hưởng các quyền lợi từ hoạt động sản xuất, kinh doanh khai thác, sử dụng tài nguyên trong khu DTSQ theo các quyền và lợi ích theo quy định của pháp luật;
- Tham gia thảo luận và tham khảo ý kiến với các sở / ban ngành liên quan của tỉnh về các kế hoạch quản lý của LBBR;
- Phối hợp với BQL khu DTSQ và các phòng, ban có liên quan trong việc thực hiện các hoạt động liên quan đến lĩnh vực kinh doanh tương ứng.
- Khuyến khích tham gia vào diễn đàn quản lý Khu DTSQ TG Langbiang.

8) Cộng đồng dân cư sinh sống trong khu DTSQ TG Langbiang

- Góp ý xây dựng quy hoạch, kế hoạch bảo tồn ĐDSH, bảo tồn di sản văn hóa của khu DTSQ;
- Tham gia vào công tác truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức;
- Tham gia hợp đồng giao khoán bảo vệ rừng với chủ rừng;
- Chịu trách nhiệm bảo vệ rừng trong vai trò là đối tác của khuôn khổ hợp tác quản lý hệ sinh thái rừng của khu DTSQ TG Langbiang;
- Được hưởng lợi ích từ việc bảo vệ, phát triển và phát huy giá trị khu DTSQ;
- Chủ động đưa ra các đề xuất, góp ý cho BQL khu DTSQ TG Lanbiang và các bên liên quan (phản hồi về KHQL, đề xuất hoặc kịp thời thông báo các vấn đề xảy ra tại địa phương); và
- Tham gia phát triển các mô hình cải thiện sinh kế và du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng và hỗ trợ các cơ quan/ đơn vị quảng bá các hoạt động tương tự.
- Khuyến khích cộng đồng cử đại diện tham gia vào diễn đàn quản lý Khu DTSQ TG Langbiang

7.4.4 Trách nhiệm của các bên liên quan khi triển khai các chương trình hoạt động của kế hoạch quản lý

Các chương trình hoạt động sẽ do các cơ quan/ ban ngành chịu trách nhiệm thực hiện như sau:

Bảng 11. Trách nhiệm của các đơn vị triển khai hoạt động của kế hoạch quản lý

#	Chương trình hoạt động	Tổ chức thực hiện	
		Cơ quan chịu trách nhiệm	Cơ quan hỗ trợ
1	Chương trình bảo tồn tài nguyên thiên nhiên		
1.1	Bảo vệ tài nguyên rừng	Sở NN & PT NT, UBND TP/ các huyện, các chủ rừng	Các bên liên quan
1.2	Phòng chống cháy rừng	Sở NN & PT NT, các chủ rừng; UBND TP/các huyện/xã, các đơn vị chủ rừng; cộng đồng	Các bên liên quan
1.3	Quy hoạch bảo tồn và	BQL khu DTSQ TG Langbiang	Các bên liên quan

#	Chương trình hoạt động	Tổ chức thực hiện	
		Cơ quan chịu trách nhiệm	Cơ quan hỗ trợ
	phát triển bền vững khu DTSQ TG Lang Biang		
1.4	Bảo tồn ĐDSH	Sở TN & MT, Sở NN & PT NT, VQG Bidoup - Núi Bà, chủ rừng, cộng đồng	Các bên liên quan
1.5	Xây dựng Vườn thực vật, động vật	VQG Bidoup - Núi Bà	BQL khu DTSQ TG Langbiang và các Sở/Ban/Ngành liên quan
1.6	Xây dựng mô hình quản lý hợp tác trong quản lý TNTN	VQG Bidoup-Núi Bà và BQL khu DTSQ TG Langbiang	Các bên liên quan
2	Chương trình bảo tồn các giá trị văn hóa		
2.1	Đề xuất cơ chế kết hợp giữa bảo tồn tự nhiên và bảo tồn văn hóa	Sở VH-TT-DL và BQL khu DTSQ TG Langbiang.	Các bên liên quan
2.2	Bảo tồn tri thức bản địa và các lễ hội truyền thống	Sở VH-TT-DL/UBND các Huyện/TP	BQL khu DTSQ TG Langbiang, và các bên liên quan
2.3	Bảo tồn văn hóa công chiêm	Sở VH-TT-DL/UBND các Huyện	BQL khu DTSQ TG Langbiang, và các bên liên quan
2.4	Khôi phục ngành nghề truyền thống	Sở VH-TT-DL/UBND các huyện	BQL khu DTSQ TG Lang Biang, và các bên liên quan
2.5	Xây dựng bảo tàng văn hóa tự nhiên Tây Nguyên	Sở Khoa học và Công nghệ	BQL khu DTSQ TG Langbiang, và các bên liên quan
3	Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế thân thiện với môi trường		
3.1	Chi trả dịch vụ môi trường rừng	Sở NN&PTNT, các đơn vị chủ rừng	Các bên liên quan

#	Chương trình hoạt động	Tổ chức thực hiện	
		Cơ quan chịu trách nhiệm	Cơ quan hỗ trợ
3.2	Xây dựng và phát triển thương/nhãn hiệu khu DTSQ TG Langbiang	Vườn quốc gia Bidoup-Núi Bà và BQL Khu DTSQ TG Langbiang	Các bên liên quan
3.3	Thúc đẩy sự hợp tác công tư trong khu DTSQ TG Langbiang	Các Sở/Ban/ Ngành / Trung tâm xúc tiến đầu tư và du lịch của tỉnh và VQG Bidoup - Núi Bà	BQL khu DTSQ TG Langbiang, và các bên liên quan
3.4	Tăng trưởng xanh, Đô thị xanh và làng sinh thái	UBND thành phố Đà Lạt và các Huyện.	Các bên liên quan
3.5	Xây dựng một số mô hình sinh kế bền vững.	BQL khu DTSQ TG Langbiang/ VQG Bidoup - Núi Bà/UBND các Huyện	Các bên liên quan
4	Chương trình phát triển du lịch		
4.1	Xây dựng chiến lược xúc tiến, quảng bá du lịch	Sở VH-TT-DL/Trung tâm xúc tiến đầu tư và du lịch của Tỉnh.	BQL khu DTSQ TG Langbiang, và các bên liên quan
4.2	Xây dựng các mô hình du lịch nông nghiệp	Sở VH-TT-DL/ UBND các huyện/TP	BQL khu DTSQ TG Langbiang, và các bên liên quan
4.3	Xây dựng mô hình du lịch cộng đồng	Sở VH-TT-DL/ UBND các huyện/TP/VQG Bidoup - Núi Bà/doanh nghiệp.	BQL khu DTSQ TG Langbiang, và các bên liên quan
5	Chương trình giảm thiểu ô nhiễm môi trường		
5.1	Giám sát và đánh giá chất lượng môi trường	Sở TN & MT	BQL khu DTSQ TG Langbiang, và các bên liên quan
5.2	Quản lý chất thải (rắn, nước thải)	Sở TN & MT	BQL khu DTSQ TG Langbiang, và các bên liên quan
5.3	Phân loại chất thải sinh hoạt tại nguồn (3Rs)	Sở TN & MT	BQL khu DTSQ TG Langbiang, và

#	Chương trình hoạt động	Tổ chức thực hiện	
		Cơ quan chịu trách nhiệm	Cơ quan hỗ trợ
			các bên liên quan
5.4	Mô hình quản lý chất thải (eco-toilets, biogas, compost,...)	Sở TN & MT	BQL khu DTSQ TG Langbiang, và các bên liên quan
6	Chương trình truyền thông và giáo dục môi trường		
6.1	Xây dựng chiến lược truyền thông về các giá trị của khu DTSQ TG Langbiang	Sở VH-TT-DL, BQL khu DTSQ TG Langbiang	Các bên liên quan
6.2	Xây dựng và vận hành website, mạng xã hội của khu DTSQ TG Langbiang	BQL khu DTSQ TG Langbiang	Các bên liên quan
6.3	Giáo dục môi trường	BQL khu DTSQ TG Langbiang, VQG Bidoup - Núi Bà, Sở TN & MT	Các bên liên quan
7	Chương trình nghiên cứu khoa học		
7.1	Xây dựng/đề xuất các đề tài nghiên cứu khoa học	Sở Khoa học công nghệ/ các cơ quan nghiên cứu/ BQL khu DTSQ TG Langbiang/VQG Bidoup - Núi Bà/	Các bên liên quan
7.2	Phối hợp thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học	BQL khu DTSQ TG Langbiang/ các cơ quan nghiên cứu.	Các bên liên quan
7.3	Ứng dụng chuyển giao khoa học công nghệ	Sở Khoa học Công nghệ/ BQL khu DTSQ TG Langbiang/các cơ quan nghiên cứu.	Các bên liên quan
8	Chương trình tổ chức hoạt động và Giám sát & Đánh giá		
8.1	Giám sát việc thực hiện kế hoạch quản lý.	BQL khu DTSQ TG Langbiang/các sở/ban/ngành/UBND cấp huyện	Các bên liên quan

#	Chương trình hoạt động	Tổ chức thực hiện	
		Cơ quan chịu trách nhiệm	Cơ quan hỗ trợ
8.2	Giám sát đa dạng sinh học	Sở tài Nguyên&MT/SỞ NN&PTNT/ BQL khu DTSQ TG Langbiang/ Vườn quốc gia Bidoup-Núi Bà.	Các bên liên quan
8.3	Đánh giá theo yêu cầu của các khu DTSQ	BQL khu DTSQ TG Langbiang/Vườn quốc gia Bidoup-Núi Bà.	Các bên liên quan
8.4	Xây dựng dự án đầu tư 5 năm (2020-2025) và kế hoạch mở rộng khu DTSQ	BQL khu DTSQ TG Langbiang	Các bên liên quan
9	Chương trình hợp tác quốc tế		
9.1	Hợp tác với MAB-UNESCO	BQL khu DTSQ TG Langbiang	Các bên liên quan
9.2	Hợp tác với mạng lưới các khu DTSQ	BQL khu DTSQ TG Langbiang	Các bên liên quan
9.3	Hợp tác quốc tế nghiên cứu khoa học trong khu DTSQ	BQL khu DTSQ TG Langbiang/các cơ quan nghiên cứu	Các bên liên quan

7.5 Tổ chức thực hiện

Sau khi kế hoạch quản lý khu DTSQ TG Langbiang được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt BQL khu DTSQ TG Langbiang cần tổ chức công bố, phổ biến cho các bên liên quan và cộng đồng địa phương trong khu DTSQ TG Langbiang được biết. Trên cơ sở các mục tiêu, nội dung của kế hoạch, BQL điều phối và tổ chức phối hợp với các bên liên quan để triển khai thực hiện.

Để thực hiện có hệ thống, hiệu suất, hiệu quả kế hoạch quản lý, ban quản lý Khu DTSQ TG Langbiang và các sở/cơ quan liên quan phối hợp các biện pháp sau trong suốt quá trình thực hiện kế hoạch quản lý.

Sau khi kế hoạch quản lý được phê duyệt

- Căn cứ vào Bản Kế hoạch quản lý Khu DTSQ TG Langbiang đã được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt. Các Sở/Ban/Ngành/Địa phương căn

cứ vào chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị để xây dựng kế hoạch thực hiện Kế hoạch quản lý và tổ chức thực hiện.

- Các sở/cơ quan chia sẻ kế hoạch vận hành hàng năm với Ban quản lý khu DTSQ từ đó Ban quản lý có thể củng cố các kế hoạch vận hành hàng năm vào kế hoạch tổng thể; và
- Ban quản lý khu DTSQ thống nhất kế hoạch vận hành để UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt.

Năm thứ nhất sau khi phê duyệt kế hoạch vận hành/kế hoạch tổng thể

- Ban quản lý khu DTSQ và sở/cơ quan cố gắng huy động các nguồn lực để thực hiện kế hoạch vận hành hàng năm;
- Ban quản lý khu DTSQ và sở/cơ quan thực hiện kế hoạch vận hành hàng năm;
- Ban quản lý khu DTSQ và sở/cơ quan giám sát tiến độ, kết quả và các thành tựu đạt được của kế hoạch hoạt động hàng năm tương ứng trong cuộc họp thường xuyên của ban quản lý khu DTSQ TG Langbiang;
- Ban quản lý khu DTSQ và sở/cơ quan báo cáo và chia sẻ những khó khăn và các vấn đề gặp phải trong việc thực hiện kế hoạch vận hành hàng năm tương ứng trong cuộc họp thường xuyên của ban quản lý khu DTSQ TG Langbiang ;
- Ban quản lý khu DTSQ và sở/cơ quan thảo luận và cân nhắc các biện pháp để giải quyết các khó khăn/vấn đề trong cuộc họp thường xuyên của Ban quản lý khu DTSQ
- Ban quản lý khu DTSQ TG Langbiang giúp đỡ các sở/cơ quan xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm.

Giai đoạn từ năm thứ 2 đến năm thứ 5

- Lặp lại các hoạt động đã thực hiện trong năm thứ nhất theo phương thức hợp tác

Bên cạnh các hoạt động đã nêu trên, ban quản lý khu DTSQ TG Langbiang nên: i) đề xuất các chương trình và dự án nghiên cứu khoa học ii) liên lạc với các đơn vị giáo dục cũng như các đơn vị tư nhân để xúc tiến GDMT iii) hợp tác với các tổ chức trong nước và quốc tế để hỗ trợ nhiều hơn iv) liên lạc và điều phối cùng các bộ liên quan, cơ quan đầu não để tăng cường mạng lưới và v) trao đổi các ý tưởng và các ý kiến của cộng đồng địa phương cũng như các bên liên quan trong việc quản lý khu DTSQ.

8 NGÂN SÁCH CHO CÁC HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ

8.1 Điều kiện tiền đề để ước toán ngân sách

Vì kế hoạch quản lý này được xây dựng dựa trên các kế hoạch tổng thể, quy hoạch hiện tại, ví dụ như Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội cấp tỉnh, Kế hoạch hành động cho Chiến lược Phát triển Bền vững, Kế hoạch thực hiện Chiến lược Bảo vệ Môi trường Quốc gia và Kế hoạch Tổng thể Bảo tồn Đa dạng sinh học cấp tỉnh, Các bộ phận của các chương trình hoạt động và các hoạt động liên quan đã được xây dựng trong các kế hoạch hành động hiện tại cũng như các kế hoạch hoạt động hàng năm của các ban ngành và tổ chức có liên quan.

Để tránh trùng lặp việc phân bổ ngân sách cho các hoạt động tương tự đã được bố trí cho các bên liên quan. Kế hoạch quản lý này chỉ ra **ngân sách ước tính** chỉ dành cho các chương trình hoạt động và các hoạt động chưa được xây dựng trong kế hoạch hiện tại của các sở, ban ngành có liên quan. Việc ước toán chỉ dựa trên các dự án đã được bố trí ngân sách và có thể thu xếp/huy động được từ nguồn ngân sách và các nguồn khác. Các hoạt động được xếp ưu tiên nhưng chưa có khả năng huy động kinh phí thì không đưa vào phần **ước toán**.

8.2 Nhu cầu ngân sách cho các chương trình/dự án giai đoạn 2018-2022

Vì quy mô rộng lớn và tính đa ngành, đa lĩnh vực của Khu DTSQ TG Langbiang. Nguồn ngân sách có thể gia tăng và không giới hạn bởi biểu ước tính dưới đây mà phụ thuộc vào khả năng ngân sách của chính phủ cũng như huy động từ các nguồn tài trợ khác.

Kinh phí ước tính cho các chương trình/hoạt động cần tổ chức để phục vụ mục tiêu quản lý của khu DTST TG Langbiang giai đoạn 2018-2022 là 48.900.000.000 đồng, trong đó 59 % từ nguồn ngân sách nhà nước và 41 % là từ nguồn khác. Chi tiết ước tính như sau:

Bảng 12. Nhu cầu ngân sách dự kiến cho các hoạt động giai đoạn 2018-2022

STT	Các chương trình/ hoạt động	Nguồn/Kinh phí (triệu đồng)			Ghi chú
		Tổng	NSNN	Khác	
1	Chương trình bảo tồn tài nguyên thiên nhiên.				

1.2	Xây dựng quy hoạch bảo tồn và PTBV Khu DTSQ Langbiang	5,000	5,000		Ban QL KDTSQ đã làm việc với Bộ Tài chính/Sở Tài chính đề nghị cấp kinh phí để thực hiện hoạt động này và đã được Bộ Tài chính đồng ý. Tuy nhiên hoạt động này chưa thực hiện vì đang chờ Luật quy hoạch
1.6	Xây dựng Khung quản lý hợp tác trong quản lý tài nguyên	1,500		1,500	Dự án quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNMR) - hợp phần 3 đã bố trí ngân sách cho hoạt động này và đang thực hiện
2	Chương trình bảo tồn các giá trị văn hóa				
2.1	Đề xuất cơ chế kết hợp giữa bảo tồn tự nhiên và bảo tồn văn hóa	200	200		Đề tài “Nghiên cứu xây dựng cơ chế kết hợp giữa bảo tồn cảnh quan - đa dạng sinh học và không gian văn hóa tại Khu Dự trữ sinh quyển Lang Biang” mã số ĐTDL.XH.11/15 Bộ Khoa học công nghệ. Đang thực hiện.
3	Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế thân thiện với môi trường				
3.2	Xây dựng thương/nhãn hiệu Khu DTSQ TG Langbiang	2,000		2,000	Dự án SNMR - hợp phần 3, Bộ KH-CN và xã hội hóa
3.5	Xây dựng một số mô hình sinh kế bền vững.	4,000	3,000	1,000	Tích hợp vào Các dự án liên quan đang thực hiện tại Sở NN&PTNT trong đó có phần Xã hội hóa.
4	Chương trình phát triển du				

	lịch có trách nhiệm				
4.1	Xây dựng chiến lược xúc tiến, quảng bá du lịch	2,000	2,000		Tích hợp vào các hoạt động của Sở Văn hóa, thể thao và du lịch; Trung tâm Xúc tiến đầu tư đang thực hiện.
4.2	Xây dựng các mô hình du lịch nông nghiệp;	2,000	2,000		Tích hợp vào các dự án của UBND thành phố và Sở văn hóa thể thao và du lịch đang thực hiện
4.3	Xây dựng mô hình du lịch cộng đồng;	4,000		4,000	Dự án Nâng cao năng lực quản lý dựa vào cộng đồng và dự án SNMR-Hợp phần 3 do JICA tài trợ.
6	Chương trình truyền thông và giáo dục môi trường				
6.1	Xây dựng chiến lược truyền thông về các giá trị của khu DTSQ	2,500	1,500	1,000	Dự án SNMR, tích hợp với các hoạt động của Sở văn hóa, thể thao và du lịch, các hoạt động của Trung tâm XTDT Tỉnh.
6.2	Xây dựng và vận hành website, mạng xã hội của khu DTSQ	100	100		Đề nghị cấp từ ngân sách sự nghiệp của Tỉnh
6.3	Tổ chức hoạt động giáo dục môi trường				
6.3.1	Tổ chức các hoạt động giáo dục môi trường	2,500	1,500	1,000	Dự án SNMR và quỹ sự nghiệp môi trường Tỉnh
6.3.2	Xây dựng / nâng cấp trung tâm giáo dục môi trường cho khu DTSQ TG Langbiang	2,000	1,000	1,000	Dự án SNMR và quỹ sự nghiệp môi trường Tỉnh
7	Chương trình nghiên cứu				

	khoa học.				
7.2	Phối hợp và thực hiện các đề tài khoa học				
7.2.1	Sử dụng công nghệ viễn thám để quản lý tài nguyên TN	1,000	1,000		Vốn sự nghiệp khoa học của Tỉnh, đang thực hiện. Hợp đồng thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ số 25 /HĐ-SKHCN ký ngày 23/6/2017 giữa Sở KH&CN Lâm Đồng và TTNC RND VQG Bidoup Núi Bà
7.2.2	Đề tài nghiên cứu lồng ghép bảo tồn tự nhiên và văn hóa	5,000	5,000		Bộ khoa học công nghệ, đề tài mang mã số DTDL.XH.11/15 do Viện sinh thái học Miền Nam đang thực hiện.
7.3	Ứng dụng chuyển giao khoa học công nghệ				
	Chuyển giao đề tài nông thôn miền núi	6,000	3,000	3,000	QĐ số 2480/QĐ-BKHCN ngày 14/10/2017 về phê duyệt danh mục đặt hàng các dự án thuộc chương trình nông thôn miền núi, ủy quyền cho địa phương quản lý bắt đầu thực hiện từ năm 2018. Đối ứng từ nguồn sự nghiệp khoa học của Tỉnh, Chương trình chi trả dịch vụ môi trường rừng của VQG Bidoup-Núi Bà và của cộng đồng.
8	Chương trình giám sát và đánh giá				
8.1	Giám sát việc thực hiện kế hoạch quản lý				

	Duy trì hoạt động của Ban quản lý KDTSQ TG Langbisng	2,500	2,500		Đề nghị cấp từ ngân sách sự nghiệp của Tỉnh
8.2	Giám sát ĐDSH trong Khu DTSQ	2,500		2,500	Dự án SNMR - hợp phần 3 do JICA tài trợ
8.4	Xây dựng kế hoạch đầu tư và mở rộng KDTSQ				
8.4.1	Xây dựng kế hoạch đầu tư trung hạn cho KDTSQ	500	500		Đề nghị cấp từ ngân sách sự nghiệp của Tỉnh phục vụ xây dựng dự án đầu tư cho Khu DTSQ TG Langbiang theo luật đầu tư
8.4.2	Xây dựng đề án mở rộng khu DTSQ TG Langbiang	3,000		3,000	Dự án SNMR - hợp phần 3 do JICA tài trợ
9	Chương trình hợp tác quốc tế				
9.1	Hợp tác với MAB/UNESCO	600	600		Đề nghị cấp từ ngân sách sự nghiệp của Tỉnh
	Tổng cộng	48,900	28,900	20,000	

Tổng hợp:

- (1) Ngân sách Trung ương: 11,7 tỷ đồng chiếm 24% Là ngân sách của Bộ KH-CN cấp cho các dự án đã được phê duyệt.
- (2) Ngân sách địa phương: 17,2 tỷ đồng chiếm 35% (BQL giải trình bằng văn bản)
- (3) Vốn ODA: 16,0 tỷ đồng chiếm 33%. Thuộc dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững do Chính phủ Nhật Bản tài trợ tại QĐ số 4713/QĐ-BNN-HTQT ngày 15/11/2006 của Bộ NN&PTNT.
- (4) Xã hội hóa: 4 tỷ đồng chiếm 8% **là dự kiến huy động** của các bên liên quan.

Vì dự án đầu tư xây dựng Khu dự trữ sinh quyển thế giới Langbiang chưa được xây dựng và phê duyệt nên Ban quản lý KDTSQ không đề xuất cấp kinh phí từ nguồn đầu tư phát triển theo luật đầu tư công giai đoạn 2017-2020.

8.3 Nguyên tắc quản lý tài chính thực hiện các chương trình hoạt động của khu DTSQ TG Lang Biang

- (1) Các Sở, Ban, Ngành có liên quan và các cơ quan chuyên môn sẽ xây dựng và đề xuất các kế hoạch của các hoạt động và các dự án liên quan cho UBND tỉnh Lâm Đồng để phân bổ kinh phí thực hiện theo các chức năng và nhiệm vụ được mô tả trong phần 7.4 của kế hoạch quản lý này;
- (2) Nguồn tài chính sử dụng cho các hoạt động do BQL khu DTSQ TG Langbiang chủ trì thực hiện được quản lý sử dụng theo các quy định hiện hành của nhà nước;
- (3) Nguồn tài chính hỗ trợ từ các chương trình dự án ODA được quản lý theo các quy định hiện hành của chính phủ Việt Nam hoặc các thỏa thuận của nhà tài trợ;
- (4) Nguồn hỗ trợ từ các tổ chức cá nhân cho BQL khu DTSQ TG Langbiang chỉ được chi cho các hoạt động của khu DTSQ và được quản lý theo các quy định của nhà nước hoặc theo yêu cầu của tổ chức cá nhân tài trợ;
- (5) Ngân sách tỉnh được sử dụng để duy trì các hoạt động của Ban quản lý khu DTSQ TG Langbiang. BQL xây dựng kế hoạch hoạt động và ngân sách dựa trên kế hoạch quản lý được duyệt và gửi cho Sở tài chính xem xét. Kế hoạch hoạt động và ngân sách hàng năm sẽ được trình lên UBND tỉnh Lâm Đồng để phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

8.4 Tổ chức thực hiện

Bảng 13. Kế hoạch thực hiện các chương trình hoạt động ưu tiên

STT	Các chương trình/ hoạt động	Thời gian thực hiện				
		2017	2018	2019	2020	2021
1	Chương trình bảo tồn tài nguyên thiên nhiên					
1.2	Xây dựng quy hoạch bảo tồn và PTBV Khu DTSQ TG Langbiang					
1.6	Xây dựng Khung quản lý hợp tác trong quản lý tài nguyên					
2	Chương trình bảo tồn các giá trị văn hóa					
2.1	Đề xuất cơ chế kết hợp giữa bảo tồn tự nhiên và bảo tồn văn hóa					
3	Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế thân thiện với môi trường					
3.1	Xây dựng thương/nhãn hiệu Khu DTSQ TG Langbiang					

3.2	xây dựng và phát triển thương/nhãn hiệu khu DTSQ TG Langbiang					
3.5	Xây dựng một số mô hình sinh kế bền vững					
4	Chương trình phát triển du lịch có trách nhiệm					
4.1	Xây dựng chiến lược xúc tiến, quảng bá du lịch					
4.2	Xây dựng các mô hình du lịch nông nghiệp					
4.3	Xây dựng mô hình du lịch cộng đồng					
6	Chương trình truyền thông và giáo dục môi trường					
6.1	Xây dựng chiến lược truyền thông về các giá trị của khu DTSQ TG Langbiang					
6.2	Xây dựng và vận hành website, mạng xã hội của khu DTSQ TG Langbiang					
6.3	Tổ chức hoạt động giáo dục môi trường					
	Tổ chức các hoạt động giáo dục môi trường					
	- Xây dựng / nâng cấp trung tâm giáo dục môi trường cho khu DTSQ TG Langbiang					
7	Chương trình nghiên cứu khoa học					
7.2	Phối hợp và thực hiện các đề tài khoa học					
	Sử dụng công nghệ viễn thám để quản lý tài nguyên TN					
	Đề tài nghiên cứu lồng ghép bảo tồn tự nhiên và văn hóa					
7.3	Ứng dụng chuyên giao khoa học công nghệ					
	Chuyển giao đề tài nông thôn miền núi					
8	Chương trình giám sát và đánh giá					
8.1	Giám sát việc thực hiện kế hoạch quản lý					
	Duy trì hoạt động của Ban quản lý khu DTSQ TG Langbiang					
8.2	Giám sát ĐDSH trong Khu DTSQ TG Langbiang					
8.4	Xây dựng kế hoạch đầu tư và mở rộng khu DTSQ TG Langbiang					
8.5	Xây dựng kế hoạch đầu tư trung hạn cho khu DTSQ TG Langbiang					
8.6	Xây dựng đề án mở rộng kghu DTSQ TG Langbiang					
9	Chương trình hợp tác quốc tế					

9 GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ VÀ THỰC HIỆN

Kế hoạch giám sát và đánh giá bao gồm ba phần: i) giám sát việc thực hiện kế hoạch quản lý; ii) đánh giá kết quả và tác động của kế hoạch quản lý; và iii) giám sát bất kỳ thay đổi nào trong các chức năng của kế hoạch quản lý Khu dự trữ sinh quyển. Do đó, các mục tiêu chính của kế hoạch giám sát và đánh giá là: i) quản lý có hệ thống việc thực hiện kế hoạch quản lý và sử dụng các nguồn lực một cách có chiến lược để đạt được mục tiêu và mục tiêu của kế hoạch quản lý; ii) đánh giá tác động của dự án một cách đầy đủ và rút ra bài học cần thiết để xây dựng kế hoạch quản lý 5 năm tiếp theo; iii) tìm ra các hành động cần thiết để duy trì các giá trị của khu dự trữ sinh quyển; và iv) đánh giá bất kỳ thay đổi nào về các giá trị sinh học, môi trường và xã hội và các chức năng của khu dự trữ sinh quyển.

9.1 Giám sát thực hiện Kế hoạch quản lý

9.1.1 Giám sát thường xuyên

Việc thực hiện kế hoạch quản lý sẽ được BQL Khu DTSQ TG Langbiang phối hợp với các sở và ban ngành liên quan ở tỉnh Lâm Đồng theo Luật Đầu tư công (số 49/2014 /QH13). Trọng tâm của việc theo dõi thường lệ sẽ được đặt vào các điểm sau:

- Tiến độ và kết quả của các chương trình hoạt động được lên kế hoạch trong kế hoạch quản lý
- Bất kỳ tác động tiêu cực về môi trường và xã hội do các hoạt động dự án gây ra
- Bất kỳ khó khăn nào gặp phải trong việc thực hiện các chương trình hoạt động

Đề xuất BQL Khu DTSQ TG Langbiang sẽ thu thập dữ liệu giám sát với sự hợp tác với các sở, ban, ngành có liên quan bằng cách sử dụng mẫu giám sát trong Phụ lục xx kèm theo kế hoạch quản lý này. Các kết quả theo dõi thường xuyên sẽ được báo cáo trong cuộc họp thường kỳ của BQL Khu DTSQ TG Langbiang để các thành viên thảo luận về biện pháp triển khai phương án giải quyết những khó khăn, vấn đề.

9.1.2 Giám sát thường niên

Việc giám sát hàng năm chủ yếu nhằm giám sát: i) những thành tựu thực tế của kế hoạch quản lý; ii) chi phí tài chính của các cơ quan và đơn vị liên quan để

thực hiện các tiêu chương trình; iii) tiến độ các chỉ báo của các hoạt động liệt kê trong Phần 6.2.3; và iv) các vấn đề cần được giải quyết trong việc thực hiện kế hoạch quản lý.

BQL Khu DTSQ TG Langbiang sẽ thu thập dữ liệu giám sát với sự hợp tác với các sở, ban, ngành có liên quan bằng cách sử dụng mẫu giám sát trong Phụ lục xx kèm theo kế hoạch quản lý này. Kết quả giám sát hàng năm sẽ được báo cáo trong cuộc họp thường niên của LBBR-MB để LBBR-MB cùng với các cơ quan/ ban ngành liên quan có thể xem xét và xây dựng các kế hoạch hoạt động hàng năm tương ứng cho năm tiếp theo dựa trên kết quả giám sát hàng năm.

9.2 Đánh giá kết quả và tác động của kế hoạch quản lý

Kết quả của kế hoạch quản lý cùng với mức độ hoàn thành các mục tiêu cụ thể sẽ được xem xét và đánh giá ở thời điểm giữa kỳ và khi kết thúc kế hoạch quản lý. Mục tiêu chính của đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ là:

Đánh giá giữa kỳ:

- Để kiểm chứng nếu kế hoạch quản lý đã được thực hiện theo đúng hướng một cách hiệu quả để đạt được mục tiêu và chỉ tiêu;
- Để xác định những khó khăn và vấn đề khi triển khai kế hoạch quản lý; và
- Để tìm ra những giải pháp đề nâng cao kế hoạch quản lý.

Đánh giá cuối kỳ:

- Để đánh giá khung và thiết kế của kế hoạch quản lý, tiến độ triển khai, công tác triển khai của các bên liên quan, mức độ đạt được mục tiêu và chỉ tiêu của kế hoạch, tính hiệu quả khi sử dụng tài nguyên;
- Để đánh giá lợi ích và tác động tiềm ẩn từ các chương trình/ tiểu chương trình và tính bền vững của tính hiệu quả; và
- Rút ra các bài học và đưa ra đề xuất cho kế hoạch quản lý 5 năm tiếp theo.

Những hoạt động chính được thực hiện khi đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ:

- (1) Phân tích tiến độ và kết quả đạt được của kế hoạch quản lý
- (2) Đánh giá mức độ đạt được của các mục tiêu cụ thể của kế hoạch quản lý
- (3) Đánh giá tác động tiềm ẩn (tích cực và tiêu cực) đối với các hệ sinh thái rừng/đa dạng sinh học, sinh kế địa phương, môi trường, kinh tế khu vực, nghiên cứu khoa học
- (4) Khó khăn và vấn đề trong việc thực hiện kế hoạch quản lý

(5) Các hành động cần thiết để cải tiến kế hoạch quản lý (chỉ để đánh giá giữa kỳ)

(6) Đề xuất kế hoạch quản lý năm năm tiếp theo (chỉ để đánh giá cuối cùng)

Một số dữ liệu và thông tin cần thiết cho việc đánh giá, như tiến độ và thành tựu của kế hoạch quản lý, có thể được thu thập từ đánh giá kết quả giám sát thường kỳ và hàng năm của Ban quản lý khu DTSQ TG Langbiang và các cuộc phỏng vấn với các phòng, ban ngành có liên quan. Tuy nhiên, có thể cần các phân tích và khảo sát tiếp theo được liệt kê dưới đây để thu thập dữ liệu về mức thành tích và các tác động tiềm ẩn.

- Phân tích số liệu điều tra viễn thám mới nhất về khu dự trữ sinh quyển để đánh giá sự thay đổi độ che phủ rừng và hệ sinh thái rừng trong khu dự trữ sinh quyển
- Khảo sát bằng bảng hỏi để đánh giá sự thay đổi thu nhập hộ gia đình của cộng đồng địa phương sau khi thực hiện các chương trình
- Khảo sát phỏng vấn để đánh giá các lợi ích thêm từ các tiểu chương trình của kế hoạch quản lý, đặc biệt là trong Chương trình Hỗ trợ Phát triển Kinh tế Thân thiện với Môi trường và Phát triển Du lịch
- Phân tích chất lượng nước ở các sông lớn

9.3 Giám sát các chức năng của khu DTSQ

Bên cạnh theo dõi và đánh giá kế hoạch quản lý, BQL Khu DTSQ TG Langbiang sẽ thường xuyên theo dõi và đánh giá xem khu dự trữ sinh quyển có còn giữ được các giá trị và chức năng của nó như đã được UNESCO MAB công nhận hay không. Mặc dù việc kiểm tra chính thức sẽ được tiến hành 10 năm một lần để đáp ứng yêu cầu của UNESCO MAB, cần kiểm tra thường xuyên hơn về tình trạng khu dự trữ sinh quyển để có thể có những hành động cần thiết nhằm duy trì các giá trị và năng lượng của khu DTSQ trước khi chúng chuyển sang mức không thể thu hồi được. Bảy (7) tiêu chí của UNESCO MAB có thể được sử dụng để theo dõi tình trạng khu dự trữ sinh quyển.

Một trong những công cụ mà LBBR-MB có thể sử dụng để theo dõi thường xuyên tình trạng khu dự trữ sinh quyển, đặc biệt là vùng lõi và vùng đệm, là METT (Công cụ theo dõi hiệu quả quản lý) cho khu vực được bảo vệ do WWF / Ngân hàng Thế giới Bảo tồn Rừng và Sử dụng Bền vững kể từ năm 2002. Bộ công cụ này đã được cập nhật liên tục trong nhiều khu bảo tồn thiên nhiên trên thế giới. METT bao gồm 2 phần, các mẫu đánh giá và sách hướng dẫn. Trong năm 2007, mẫu này đã được WWF cập nhật và sổ tay người sử dụng đã được

sửa đổi vào năm 2016 (Stolton và Dudley, 2016). Phụ lục 4 trình bày mẫu cập nhật của METT.

METT đã được sử dụng để đánh giá hiệu quả quản lý của khu bảo tồn thiên nhiên Bidoup-Núi Bà (nay là Vườn quốc gia Bidoup-Núi Bà) vào năm 2003 và 10 năm sau công cụ này được tái sử dụng để đánh giá hiệu quả quản lý của Vườn quốc gia Bidoup-Núi Bà. Do công cụ này đã được sử dụng để giám sát VQG, bao gồm vùng lõi và một phần của vùng đệm khu dự trữ sinh quyển, nên các bên liên quan chính, chẳng hạn như BQL VQG Bidoup - Núi Bà, sẽ sử dụng công cụ này để dàng để giám sát khu dự trữ sinh quyển./.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Những khó khăn, thách thức với khu DTSQ TG Langbiang

Phân tích những khó khăn, thách thức, nguyên nhân và giải pháp với khu DTSQ TG Langbiang

Stt	Khó khăn, thách thức	Nguyên nhân	Giải pháp
1	Tình trạng mở rộng đất nông nghiệp: mua bán không chính thức đất nông nghiệp, san ủi trái phép dẫn tới xâm lấn các HST tự nhiên.	<ul style="list-style-type: none">- Nhu cầu đất sản xuất: trồng rừng sản xuất, du lịch, canh tác lúa,...- Giá trị sản xuất đất nông nghiệp tăng, người dân tộc Kinh mua đất của người bản địa với giá cao, người bản địa không có đất lại lấn rừng làm đất nông nghiệp- Thực thi và giám sát thực thi pháp luật còn hạn chế;- Nhận thức của cộng đồng và doanh nghiệp hạn chế	<ul style="list-style-type: none">- Truyền thông, nâng cao nhận thức cho các bên liên quan- Tăng cường giám sát thực thi pháp luật- Tăng cường kiểm soát tình trạng di cư
2	Nhu cầu phát triển nông nghiệp công nghệ cao dẫn tới phát triển nhà kính quá nhanh, quá mức.	<ul style="list-style-type: none">- Lợi nhuận từ sản xuất theo hình thức nhà kính- Thiếu quy hoạch và hướng dẫn của cơ quan chức năng	<ul style="list-style-type: none">- Cần có quy hoạch phát triển nhà kính và kiểm soát bởi cơ quan chức năng
3	Ô nhiễm nguồn nước - Ô nhiễm ánh sáng/nhiệt do phát triển nông nghiệp	<ul style="list-style-type: none">- Do lạm dụng quá mức, thiếu kiểm soát sử dụng các chế phẩm thuốc trừ sâu,	<ul style="list-style-type: none">- Xây dựng và giám sát thực hiện các chương trình giảm thiểu ô nhiễm nước thải, rác

	công nghệ cao	<p>phân bón; quản lý phế phẩm nông nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rác thải từ sinh hoạt và du lịch - Nông nghiệp phát triển nóng, thiếu quy hoạch 	<p>thải (trong nông nghiệp, sinh hoạt và du lịch)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Truyền thông môi trường - Tăng cường hiệu quả hoạt động của công ty môi trường - Tăng cường trách nhiệm về môi trường, xã hội của các doanh nghiệp
4	Phát triển du lịch không bài bản, tự phát, dẫn tới tình trạng có nơi thì quá sức chịu tải của môi trường, có nơi lại chưa phát huy hết tiềm năng gây lãng phí tài nguyên	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ chế chính sách chưa hợp lý - Hệ thống giám sát chưa hiệu quả mặc dù đã có quy hoạch 	<ul style="list-style-type: none"> - Thay đổi, điều chỉnh cơ chế hợp lý hơn - Phát triển chương trình du lịch bền vững có trách nhiệm - Tăng cường hệ thống giám sát
5	Khai thác khoáng sản (cát, đá, thiếc) làm phân mảnh cảnh quan, gây mất mỹ quan và ô nhiễm môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Nhu cầu phát triển kinh tế - Quản lý khai thác và giám sát đánh giá tác động môi trường chưa tốt 	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường đánh giá tác động môi trường và cơ chế giám sát để giảm thiểu tác động tiêu cực - Tăng cường trách nhiệm về môi trường, xã hội của các doanh nghiệp
6	Phát triển cơ sở hạ tầng (đường giao thông) ở vùng đệm (làm phân mảnh HST) mà không tính đến tính toàn vẹn của	<ul style="list-style-type: none"> - Nhu cầu phát triển cơ sở hạ tầng - Áp lực gia tăng dân số - Thiếu nghiên cứu về quy hoạch tổng thể 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Giao thông quy hoạch ở cấp cảnh quan/đánh giá môi trường chiến lược (Bộ TM&MT đã có quy trình đánh giá)

	hệ sinh thái cũng như bảo tồn các giá trị tự nhiên, cảnh quan	trên quan điểm quy hoạch cảnh quan, tiếp cận hệ sinh thái và tư duy hệ thống	- Lồng ghép tiếp cận hệ sinh thái và tư duy hệ thống vào trong xây dựng quy hoạch cơ sở hạ tầng và phát triển KT-XH
7	Khai thác trái phép lâm sản (gỗ, ngoài gỗ, động vật) làm giảm sức khỏe/giá trị HST	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh kế người dân phụ thuộc vào tài nguyên rừng - Tập quán sinh sống gắn bó với rừng của người bản địa; - Nhu cầu, áp lực khai thác từ bên ngoài (người dân các tỉnh khác, khách du lịch) - Nhận thức của các bên liên quan 	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng các Chương trình bảo tồn các giá trị HST - Phát triển các mô hình sinh kế bền vững nhằm giảm sự phụ thuộc của cộng đồng địa phương vào tài nguyên rừng - Truyền thông nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi
8	Cháy rừng tự nhiên	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểu rừng dễ bắt lửa - Nhiệt độ tăng, tăng nắng nóng và hạn hán (BĐKH) - Người dân tự do đi lại, sản xuất trong rừng nên có thể vô tình gây cháy - Chương trình phòng cháy chữa cháy chưa hiệu quả 	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường hiệu quả Chương trình phòng cháy chữa cháy rừng (giám sát, phát hiện và xử lý) - Truyền thông cộng đồng về phòng cháy chữa cháy rừng - Tăng cường hệ thống cảnh báo cháy rừng, áp dụng KH-CN tiên tiến trong phòng cháy chữa cháy rừng
9	Sự pha tạp văn hoá (Kinh hóa) và mai một các giá trị văn hoá truyền thống của đồng bào dân tộc	<ul style="list-style-type: none"> - Xu hướng hội nhập toàn cầu - Đời sống KT-XH được cải thiện, cơ hội giao lưu gặp gỡ tăng 	<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình bảo tồn văn hoá bản địa: chữ viết, ngôn ngữ - Giữ gìn, quảng bá việc bảo tồn văn hoá

	thiếu số	<p>lên, nhu cầu bắt kịp các xu hướng hiện đại</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dân di cư từ các vùng miền khác - Du lịch phát triển 	bản địa, tri thức dân gian
10	Biến đổi khí hậu: nhiệt độ tăng, gia tăng các hiện tượng thời tiết cực đoan, thiên tai bất thường	<ul style="list-style-type: none"> - Phát thải khí nhà kính từ các hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người - Cháy rừng 	<ul style="list-style-type: none"> - KHHĐ ứng phó với BĐKH các cấp (tỉnh, huyện) - Thực hiện KHHĐ tăng trưởng xanh (TP. Đà Lạt) - Tăng cường truyền thông về BĐKH và TTX
11	Áp lực, mối đe dọa từ sự phát triển văn hóa, xã hội (mâu thuẫn, tranh chấp lợi ích của các bên liên quan và giữa các hộ dân trong cộng đồng)	<ul style="list-style-type: none"> - Dân số tăng, nhu cầu tiêu thụ tăng, cơ cấu xã hội thay đổi, người dân bản địa mất đất, mất chủ quyền, giảm quyền bản địa (yếu thế), xâm lấn rừng 	<ul style="list-style-type: none"> - Quy hoạch cho phát triển bền vững khu DTSQ - Giải pháp cho ổn định dân số trong các phân vùng của khu DTSQ

Phụ lục 2. Rà soát các văn bản pháp quy

Việc rà soát và xem xét lại toàn bộ các văn bản kế hoạch, chương trình có liên quan, có tính pháp lý trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, môi trường ở cấp quốc gia, tỉnh và địa phương là cơ sở, căn cứ để xây dựng Kế hoạch quản lý của khu DTSQ TG Langbiang. Các nội dung được đề xuất trong Kế hoạch quản lý này cần bám sát tầm nhìn và mục tiêu, nội dung của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lâm Đồng và đảm bảo các yêu cầu:

- Phù hợp với kế hoạch sử dụng đất và các kế hoạch/ chương trình phát triển của các ban ngành khác trong tỉnh;
- Có mục tiêu rõ ràng, phân công trách nhiệm các bên liên quan, các hoạt động có mốc thời gian cụ thể kèm theo cơ chế giám sát và đánh giá; và
- Có đóng góp vào việc thực hiện các mục tiêu của Chương trình Nghị sự Việt Nam 2030 cũng như các chính sách, kế hoạch, chiến lược liên quan khác.

Có nhiều văn bản, quy hoạch, kế hoạch và chương trình của chính phủ và các ban ngành được ban hành mà trong đó có một số nội dung liên quan đến các mục tiêu bảo tồn và phát triển khu DTSQ TG Langbiang. Các văn bản chính sách quan trọng là cơ sở pháp lý cho xây dựng Kế hoạch quản lý gồm:

- Thủ tướng Chính phủ, 2011. Quyết định 1462/QĐ-TTg: Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020;
- Thủ tướng Chính phủ, 2011. Quyết định 1462/QĐ-TTg: Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020;
- Ban Chấp hành TW Đảng, 2013. Nghị quyết số 24-NQ/TW Ban chấp hành Trung ương Đảng về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;
- UBND tỉnh Lâm Đồng, 2014. Chương trình hành động số 64-Ctr/TW của Tỉnh ủy Lâm Đồng V/v thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về “Chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường”;
- UBND tỉnh Lâm Đồng, 2016. Quyết định 1164/QĐ-UBND: Về việc thành lập Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển Lang Biang, tỉnh Lâm Đồng;
- UBND tỉnh Lâm Đồng, 2011. Nghị quyết 107/NQ-CP về Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của tỉnh Lâm Đồng;

- UBND Lâm Đồng, 2016. Quyết định 928/QĐ-UBND. Điều chỉnh Quyết định 2691/QĐ-UBND phê duyệt điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tại huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng, giai đoạn 2013-2020;
- UBND Lâm Đồng, 2017. Quyết định 169/QĐ-UBND năm 2017 phê duyệt Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;
- UBND Lâm Đồng, 2016. Quyết định 322/QĐ-UBND: Phê duyệt quy hoạch tổng thể bố trí dân cư tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;
- Luật Bảo vệ và Phát triển Rừng 2004;
- Luật Bảo vệ môi trường 2005;
- Luật Đa dạng sinh học năm 2008.

Phụ lục 3. Một số quy hoạch, kế hoạch liên quan

i) Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020: Mục tiêu là xây dựng tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020 trở thành tỉnh phát triển khá của vùng Tây Nguyên có ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế, có hệ thống kết cấu hạ tầng cơ bản đồng bộ, theo hướng hiện đại; phát triển hệ thống giáo dục, đào tạo để đáp ứng nguồn nhân lực cho phát triển; nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân các dân tộc; quốc phòng, an ninh được bảo đảm.

Như vậy, tỉnh Lâm Đồng định hướng phát triển bền vững với việc tăng dịch vụ - du lịch, đa dạng hóa các loại hình thương mại; phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ và nông nghiệp công nghệ cao, xây dựng thương hiệu cho một số sản phẩm nông nghiệp đặc trưng cho từng vùng; tăng cường quản lý và khai thác rừng bền vững, ổn định dân số, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ mới, và bảo vệ tài nguyên và môi trường, chủ động ứng phó với BĐKH (Thủ tướng Chính phủ, 2011).

ii) Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Lâm Đồng đến 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) (Nghị quyết 107/NQ-CP): Theo quy hoạch này thì đến năm 2020, diện tích đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng sẽ giảm; đất đô thị và đất du lịch tăng; riêng đất khu bảo tồn thiên nhiên giữ nguyên (Thủ tướng Chính phủ, 2013a).

Bảng 1. Hiện trạng sử dụng đất năm 2010 và quy hoạch đến năm 2020*BẢNG PHỤ LỤC 1*

Stt	Loại đất	Hiện trạng năm 2010		Quy hoạch đến năm 2020	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	Tổng diện tích tự nhiên	977.354		977.354	100,00
1	Đất nông nghiệp	900,446	92,13	890,932	91,16
2	Đất phi nông nghiệp	53.198	5,44	74.474	7,62
3	Đất chưa sử dụng	23.710	2,43	11.948	16,04
4	Đất đô thị	75.364	7,71	90.384	9,25
5	Đất khu bảo tồn thiên nhiên	91.940	9,41	91.940	9,41
6	Đất khu du lịch	9.391	0,96	32.038	3,28

iii) Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 169/QĐ-UBND); Bảo tồn và phát triển bền vững các hệ sinh thái tự nhiên, quan trọng, các loài và nguồn gen nguy cấp, quý hiếm trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; duy trì và phát triển dịch vụ hệ sinh thái thích ứng với biến đổi khí hậu. Hoàn thành thống kê cơ bản cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học của tỉnh; duy trì và phát triển khu DTSQ TG Langbiang, các vườn quốc gia, khu bảo tồn loài/sinh cảnh; xây dựng và đưa vào hoạt động Bảo tàng thiên nhiên Tây Nguyên; Công viên bảo tồn động vật hoang dã Tây Nguyên và các Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã (UBND Lâm Đồng, 2017).

iv) Theo Quy hoạch chung TP. Đà Lạt và vùng phụ cận đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 704/QĐ-TTg): Phát triển TP. Đà Lạt và vùng phụ cận theo mô hình chuỗi các đô thị liên kết theo tuyến vành đai và xuyên tâm; kết nối với các vùng du lịch sinh thái, các vùng cảnh quan rừng, cảnh quan nông nghiệp; phát triển bền vững; bảo tồn và phát huy tính đặc thù về tự nhiên và văn hóa - lịch sử. Sự phát triển thành phố gắn liền với bảo vệ hệ sinh thái, động thực vật và ĐDSH thông qua việc bảo tồn VQG Bidoup - Núi Bà, các vùng cảnh quan rừng phòng hộ và rừng sản xuất tại Lạc Dương, Đà Lạt, Đức Trọng, Đơn Dương. Bảo vệ hệ sinh thái mặt nước và ven mặt nước trên toàn vùng. Đáng chú ý, TP Đà Lạt trong tương lai sẽ phát triển nông nghiệp công nghệ cao tập trung tại Lạc Dương, Đà Lạt, Đơn Dương và Lâm Hà; chuyển đổi nông nghiệp trong đô thị hiện nay thành nền sản xuất nông nghiệp sạch, sinh thái (Thủ tướng Chính phủ, 2014).

v) *Kế hoạch quản lý của VQG Bidoup-Núi Bà giai đoạn 2013 – 2017, tầm nhìn và định hướng đến 2020*: Bảo vệ hiệu quả tài nguyên thiên nhiên của VQG; Nâng cao nhận thức bảo tồn rừng và bảo vệ văn hóa bản địa cho cộng đồng địa phương; Xây dựng và vận hành mô hình quản lý hợp tác với cộng đồng địa phương; Sử dụng rừng thông qua dịch vụ tổng hợp hệ sinh thái; Giảm thiểu áp lực từ vùng đệm lên vùng lõi do vấn đề đô thị hóa và mở rộng TP. Đà Lạt; và Nâng cao năng lực cho Ban quản lý VQG để quản lý hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và thực hiện thành công các hoạt động bảo tồn (Dự án PA, 2013).

vi) *Chương trình Nghị sự 2030 về Phát triển bền vững*: Trên cơ sở 17 mục tiêu chung và 169 mục tiêu cụ thể của Chương trình Nghị sự (CTNS) 2030 vì sự PTBV của Liên hợp quốc, Việt Nam đưa ra (dự thảo) mục tiêu tổng quát đến năm 2030 là duy trì tăng trưởng kinh tế bền vững đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái, quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, chủ động ứng phó với BĐKH, bảo đảm mọi người dân được phát huy mọi tiềm năng, tham gia và thụ hưởng bình đẳng thành quả của phát triển, xây dựng xã hội hòa bình, thịnh vượng, bao trùm, dân chủ, công bằng, văn minh và bền vững.

Trong 17 mục tiêu chung, các mục tiêu số 3, 8, 11, 13 và 15 của CTNS 2030 phù hợp với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển chung và từng ngành ở Lâm Đồng.

Do đó, kế hoạch quản lý của khu DTSQ TG Langbiang cần hài hòa, gắn với các mục tiêu chung của các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch cấp quốc gia, của tỉnh Lâm Đồng, các ngành liên quan cũng như các mục tiêu cụ thể (3, 8, 11, 13 và 15) của CTNS 2030 nhằm hiện thực hoá các mục tiêu về bảo tồn và phát triển bền vững khu DTSQ nói riêng và PTBV tỉnh Lâm Đồng nói chung, đóng góp vào PTBV chung của quốc gia và quốc tế (VPPTBV, 2016).

Phụ lục 4: Công cụ theo dõi tính hiệu quả quản lý cho VQG Bidoup-Núi Bà

Công cụ theo dõi đánh giá hiệu quả quản lý (METT) đã được sử dụng cho khu Bảo tồn thiên nhiên Bidoup – Núi Bà (tiền thân của VQG Bidoup-Núi Bà) vào năm 2003, và VQG Bidoup – Núi Bà vào năm 2013. Công cụ METT nên được BQL khu DTSQ TG Langbiang tiếp tục sử dụng cho VQG. METT bao gồm 3 bảng là (i) Thông tin chung về khu bảo tồn; (ii) Các mối đe dọa; (iii) Bảng đánh giá

Bảng 1. Thông tin chung về VQG Bidoup –Núi Bà

BẢNG PHỤ LỤC 2

Tên, chi tiết liên lạc và liên lạc của người Chịu trách nhiệm hoàn thành METT (email, vv)				
Ngày đánh giá				
Tên khu bảo vệ		VQG Bidoup –Núi Bà		
Mã khu bảo tồn WDPA (mã này có thể được tìm thấy trên www.wdpa.org/303067)		303067		
Công nhận	Quốc gia	Phân loại IUCN	Quốc tế (Vui lòng điền thông tin ở trang sau)	
	Vườn quốc gia	Phân loại II	vùng lõi khu Dự trữ Sinh quyển	
Quốc gia	Việt Nam			
Vị trí của khu bảo tồn (tỉnh và có bản đồ nếu có)		Tỉnh Lâm Đồng		
Ngày thành lập	19/11/2004			
Chi tiết quyền sở hữu (xin đánh dấu)	Nhà nước	Tư nhân	Cộng đồng	Khác
	√			
Cơ quan quản lý		Ban quản lý Vườn quốc gia Bidoup-Núi Bà		
Diện tích khu bảo tồn (ha)		70.038,45 ha		

Số nhân viên		Biên chế	Hợp đồng	
Kinh phí hàng năm (US\$) – không bao gồm lương nhân viên		Thường xuyên (hoạt động)	Dự án hoặc nguồn bổ sung khác	
Những giá trị chính của khu bảo tồn		Các giá trị về thiên nhiên; các giá trị về văn hóa; và các giá trị hệ sinh thái và dịch vụ		
Liệt kê hai mục tiêu chính của khu bảo tồn				
Mục tiêu quản lý 1	bảo tồn và sử dụng hiệu quả các giá trị đa dạng sinh học & chức năng tổng hợp hệ sinh thái của Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà,			
Mục tiêu quản lý 2	đồng thời cải thiện sinh kế người dân địa phương bằng cách khuyến khích cộng đồng tham gia vào công tác bảo tồn.			
Số người tham gia vào việc đánh giá				
Bao gồm (đánh dấu)	Quản lý KBT	Nhân viên KBT	Cơ quan khác	Phi chính phủ
	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Cộng đồng	Nhà tài trợ	Chuyên gia	Người khác
	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Ghi rõ tên dự án và tổ chức hoặc nhà tài trợ cho đánh giá này (nếu có)				

Thông tin về các danh hiệu quốc tế			
UNESCO di sản thiên nhiên thế giới (xem whc.unesco.org/en/list)			
Ngày công nhận	Tên khu	Diện tích khu	Tọa độ địa lý
Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Tiêu chí công nhận (ví dụ tiêu chí i đến x)			

Xác nhận các giá trị nổi bật toàn cầu			
Khu Ramsar (xem www.ramsar.org)			
Ngày công nhận	Tên khu	Diện tích khu	Tọa độ địa lý
Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Lý do công nhận (theo bảng dữ liệu của RAMSAR)			
UNESCO khu Dự trữ Sinh quyển (www.unesco.org/mab/wnbrs.shtml)			
Ngày công nhận	Tên khu	Diện tích khu	Tọa độ địa lý
9/6/2015	Khu dự trữ sinh quyển thế giới Lang Biang	Tổng: 275,439 ha Vùng lõi: 34,943 ha Vùng đệm: 72,232 ha Vùng chuyển tiếp: 168,264 ha	11°41'52" đến 12°20'12" độ vĩ Bắc và từ 108°09'18" đến 108°45'48" kinh độ Đông
Tiêu chí công nhận	Khu DTSQ được công nhận dựa trên 7 tiêu chí: 1) Có đại diện đa dạng các hệ sinh thái; 2) Có ý nghĩa bảo tồn ĐDSH cao; 3) Cung cấp cơ hội khám phá và trình diễn các phương pháp tiếp cận PTBV ở quy mô cấp khu vực; 4) Có diện tích đủ lớn để đảm bảo thực hiện 3 chức năng; 5) Được phân vùng cụ thể; 6) Cần có sự sắp xếp về mặt tổ chức; 7) Có cơ chế thực hiện.		
Thực hiện ba chức năng của MAB (bảo tồn, phát triển và hỗ trợ)	Bảo tồn đa dạng sinh học và văn hóa Phát triển kinh tế thân thiện với môi trường Hỗ trợ nghiên cứu và giáo dục		
Danh sách các danh hiệu khác (ví dụ Di sản ASEAN, Natura 2000) và các thông tin hỗ trợ			
Tên:	Chi tiết:		
Tên:	Chi tiết:		
Tên:	Chi tiết:		

Bảng 2. Các mối đe dọa tới Vườn Quốc gia

Vui lòng đánh dấu tất cả các mối đe dọa hiện tại có liên quan ở một trong các mức độ ảnh hưởng cao, trung bình hoặc thấp. Các mối đe dọa được xếp hạng cao có làm suy giảm nghiêm trọng các giá trị của khu bảo tồn; trung bình là những mối đe dọa có một số tác động tiêu cực và thấp là những mối đe dọa đang có mặt nhưng không ảnh hưởng nghiêm trọng đến các giá trị hoặc N/A nếu mối đe dọa không có hoặc không áp dụng được trong khu vực bảo tồn

1. Về phát triển dân cư và thương mại trong khu bảo tồn

Các mối đe dọa từ định cư và các sử dụng đất phi nông nghiệp khác với mức ảnh hưởng đáng kể

Cao	Trung bình	Thấp	N/A	
				1.1 Xây dựng nhà ở và định cư/di cư
				1.2 Khu vực thương mại và công nghiệp
				1.3 Du lịch và cơ sở hạ tầng giải trí

2. Nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản trong khu bảo tồn

Các mối đe dọa từ trồng trọt và chăn thả gia súc trong việc mở rộng nông nghiệp và thâm canh, bao gồm cả lâm nghiệp, và nuôi trồng thủy/hải sản

Cao	Trung bình	Thấp	N/A	
				2.1 Trồng cây lâm sản ngoài gỗ hàng năm và cây lâu năm
				2.1a Trồng cây thuốc
				2.2 Trồng cây lấy gỗ, làm giấy
				2.3 Chăn nuôi và chăn thả gia súc
				2.4 Nuôi trồng thủy/hải sản

3. Sản xuất năng lượng và khai thác khoáng sản trong khu bảo tồn

Các mối đe dọa từ sản xuất các nguồn tài nguyên phi sinh học

Cao	Trung bình	Thấp	N/A	
				3.1 Dầu và khí đốt
				3.2 Khai thác mỏ và khai thác đá
				3.3 Sản xuất năng lượng, bao gồm cả thủy điện

4. Giao thông, cơ sở hạ tầng và hành lang bảo vệ động vật hoang dã

Các mối đe dọa từ hệ thống giao thông, hành lang bảo vệ động vật hoang dã gồm cả số động vật hoang dã tử vong do va chạm với phương tiện giao thông

Cao	Trung bình	Thấp	N/A	
				4.1 Đường bộ và đường sắt (bao gồm động vật đường giết)
				4.2 Tiện ích và dịch vụ đường (ví dụ cáp điện, đường dây điện thoại,)
				4,3 Vận chuyển đường thủy và kênh rạch
				4.4 Đường bay

5. Khai thác động thực vật hoang dã

Các mối đe dọa từ việc sử dụng tiêu thụ động thực vật "hoang dã" kể cả khai thác có chủ ý và không chủ ý; bao gồm cả các ngược đãi hoặc nuôi nhốt một số loài cụ thể (lưu ý điều này bao gồm săn bắn và giết hại động vật)

Cao	Trung bình	Thấp	N/A	
				5.1 Săn bắn, giết hại và sưu tầm các loài động vật trên cạn (bao gồm cả giết hại động vật do xung đột giữa con người và động vật hoang dã)
				5.2 Thu thập thực vật trên cạn hoặc sản phẩm thực vật (ngoài gỗ)
				5.3 Khai thác gỗ
				5.4 Câu cá, giết hại và thu hoạch nguồn lợi thủy sản

6. Sự xâm nhập của con người và sự xáo trộn trong một khu vực được bảo vệ

Các mối đe dọa từ các hoạt động của con người làm thay đổi, phá hủy hoặc gây nhiễu các sinh cảnh và các loài liên quan đến các nguồn tài nguyên sinh vật không tiêu thụ (ví dụ ngắm chim,, thú)

Cao	Trung bình	Thấp	N/A	
				6.1 Các hoạt động giải trí và du lịch
				6.2 Chiến tranh, tình trạng bạo loạn dân sự và diễn tập quân sự
				6.3 Nghiên cứu, giáo dục và các hoạt động công việc liên quan khác trong các khu vực được bảo vệ
				6.4 Hoạt động của các nhà quản lý bảo tồn khu (ví dụ xây dựng hoặc sử dụng phương tiện giao thông, các điểm tưới nước nhân tạo và các đập nước)

				6.5 Các hoạt động phá hoại, cố ý phá hoại hoặc đe dọa du khách và nhân viên khu bảo tồn
--	--	--	--	---

7. Những thay đổi hệ thống tự nhiên

Các mối đe dọa từ các hành động khác làm chuyển đổi hoặc làm suy giảm môi trường sống hoặc thay đổi hình thức các chức năng sinh thái

Cao	Trung bình	Thấp	N/A	
				7.1 Cháy và chữa cháy (kể cả phóng hỏa)
				7.2 Sự thay đổi thủy văn, các đập nước và việc quản lý nước/sử dụng
				7.3a Gia tăng sự phân mảnh trong khu bảo tồn
				7.3b Sự tách biệt khỏi môi trường sống tự nhiên khác (ví dụ như phá rừng, xây đập mà không có các đường đi chuyển hiệu quả cho động vật thủy sinh)
				7.3c Các “tác động phụ” tới các giá trị của khu bảo tồn
				7.3d Mất các loài quan trọng (ví dụ những kẻ săn mồi hàng đầu, côn trùng thụ phấn vv)

8. Sinh vật biến đổi gen và loài ngoại lai

Các mối đe dọa từ các động vật, thực vật trên cạn và thủy sản bản địa và không phải bản địa, vi khuẩn hoặc các vật liệu di truyền hoặc các vi khuẩn/tác nhân gây bệnh được dự đoán sẽ gây hại cho đa dạng sinh học do sự xuất hiện, gia tăng hoặc lây lan của chúng.

Cao	Trung bình	Thấp	N/A	
				8.1 Xâm lấn các thực vật ngoại lai (ví dụ cây mai dương, ngũ sắc...)
				8.1a Xâm lấn các loài động vật ngoại lai (sâu róm thông, ốc brou vàng...)
				8.1b Tác nhân gây bệnh (không phải bản địa hoặc bản địa nhưng tạo ra các vấn đề mới hoặc gia tăng)
				8.2 Các vật liệu di truyền được giới thiệu (ví dụ các sinh vật biến đổi gen)

9. Sự thâm nhập hoặc phát sinh ô nhiễm ở trong khu bảo tồn

Các mối đe dọa từ sự xuất hiện của các vật liệu lạ hoặc dư thừa vật liệu hoặc năng lượng từ các nguồn xác định hoặc không xác định

Cao	Trung bình	Thấp	N/A	
				9.1 Nước thải hộ gia đình và nước thải đô thị
				9.1a Nước thải và chất thải từ cơ sở vật chất của khu bảo tồn (ví dụ nhà vệ sinh, khách sạn vv)
				9.2 Các chất thải quân sự, khai khoáng và Công nghiệp (ví dụ kém chất lượng nước xả từ đập, nhiệt độ, không tự nhiên, oxy hóa, ô nhiễm khác)
				9.3 Chất thải nông nghiệp và lâm nghiệp (ví dụ: thuốc trừ sâu hoặc phân bón dư thừa)
				9.4 Rác và chất thải rắn
				9.5 Các chất gây ô nhiễm không khí
				9.6 Dư thừa năng lượng, ví dụ: ô nhiễm nhiệt, đèn, etc)

10. Các sự kiện địa chất

Các sự kiện địa chất có thể là một phần của các thay đổi tự nhiên ở nhiều hệ sinh thái. Nhưng chúng có thể là mối đe dọa nếu một loài hoặc môi trường sống bị tổn hại và đã mất khả năng phục hồi và dễ bị xáo trộn. Năng lực quản lý để đáp ứng những đổi này có thể còn hạn chế.

Cao	Trung bình	Thấp	N/A	
				10.1 Núi lửa
				10.2 Động đất/song thần
				10.3 Lở tuyết/Sạt lở đất
				10.4 Xói lở và lắng đọng/trầm tích (ví dụ như sự thay đổi của bờ biển hoặc lòng sông)

11. Biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan

Các mối đe dọa từ BĐKH về lâu dài mà có thể liên quan đến sự nóng lên toàn cầu và các cực đoan khí hậu/thời tiết khắc nghiệt khác ngoài phạm vi tự nhiên của sự biến đổi

Cao	Trung bình	Thấp	N/A	
				11.1 Sự biến đổi và chuyển dịch sinh cảnh
				11.2 Hạn hán

				11.3 Cực trị nhiệt độ
				11.4 Bão và ngập lụt

12. Môi đe dọa do văn hóa, xã hội

Cao	Trung bình	Thấp	N/A	
				12.1 Mất sự kết nối văn hoá, kiến thức truyền thống và / hoặc các thực hành quản lý
				12.2 Sự suy thoái tự nhiên của các giá trị văn hóa quan trọng
				12.3 Sự phá huỷ các công trình di sản văn hóa, vườn cây, các khu vực v.v

Bảng 3. Khung đánh giá và kết quả đánh giá năm 2003 và 2013 của VQG

Ghi chú:

- Về thứ tự các câu hỏi: Các câu hỏi được sắp xếp lại cho phù hợp với đánh giá VQG trong khu DTSQ. Để tiện cho việc đối chiếu sau này, số của câu hỏi (trong ngoặc đơn) được giữ nguyên so với bản gốc của công cụ đánh giá của WWF, 2007.

Vấn đề	Tiêu chí	Thang điểm	Năm			Giải thích
			2003	2013	2018	
Điều chỉnh tổng điểm theo % (điểm/max*100) (tổng điểm cao nhất của phiếu điều tra năm 2003, 2013 và hiện tại là 91, 99 và 102 điểm)		100	41	55		
TỔNG ĐIỂM		102	37	54		
I. QUẢN LÝ		78	30	43		
1(1). Tình trạng pháp lý VQG đã có tình trạng pháp lý chưa? <i>Bối cảnh</i>	Khu BT chưa được công bố thành lập	0	3	3		
	Đồng ý là KBT sẽ được công bố nhưng quá trình này lại chưa được bắt đầu	1				
	Khu BT đang trong quá trình để được công bố, nhưng quá trình này chưa hoàn thiện	2				
	Khu BT đã được công bố	3				

	đầy đủ					
2(2). Các quy định của VQG	Chưa có bất cứ quy định nào cho việc kiểm soát việc sử dụng đất và các hoạt động trong VQG	0	2	2		
Các Quy định thích hợp có đang được áp dụng để kiểm soát việc sử dụng đất và các hoạt động trong VQG không? <i>Quy hoạch</i>	Đã có vài quy định cho việc kiểm soát việc sử dụng đất và các hoạt động trong VQG nhưng các quy định này ít có hiệu lực	1				
	Đã có các quy định cho việc kiểm soát việc sử dụng đất và các hoạt động trong VQG nhưng tính hiệu lực của chúng còn hạn chế	2				
	Đã có các quy định cho việc kiểm soát việc sử dụng đất và các hoạt động không phù hợp trong VQG và các quy định này đã cung cấp một nền tảng mạnh mẽ cho việc quản lý VQG	3				
3(3). Thực thi pháp luật	Các nhân viên của VQG không có năng lực để thực thi các quy định và pháp chế trong VQG	0	1	2		
Các nhân viên của VQG có thể thực thi tốt các quy định hiện hành <i>Đầu vào</i>	Các nhân viên của VQG có ít năng lực để thực thi các quy định và pháp chế trong VQG (Ví dụ thiếu hụt kỹ năng, không có ngân sách cho tuần tra, thiếu sự hỗ trợ về mặt thể chế...)	1				
	Năng lực của các nhân viên của VQG trong việc thực thi các quy định và	2				

	pháp chế trong VQG là chấp nhận được, tuy nhiên vẫn còn một số thiếu hụt chính					
	Các nhân viên của VQG có năng lực tốt để thực thi các quy định và pháp chế trong VQG	3				
4(4). Các mục tiêu của KBT	VQG không có các mục tiêu đã được đồng thuận	0	3	2		
Việc quản lý đã thực hiện theo các mục tiêu được thoả thuận hay chưa? <i>Lập kế hoạch</i>	Khu BT đã có sự đồng thuận về các mục tiêu nhưng lại không quản lý theo các mục tiêu đó	1				
	Khu BT đã có sự đồng thuận về các mục tiêu, nhưng lại chỉ quản lý một phần của các mục tiêu đó	2				
	Khu BT đã có sự đồng thuận về các mục tiêu và được quản lý theo các mục tiêu đó	3				
5(5) Thiết kế KBT	Sự không đủ về kích thước thiết kế của KBT	0	2	2		
Độ lớn KBT có đủ để bảo vệ được các loài và sinh cảnh chủ yếu không? <i>Lập kế hoạch</i>	Sự không đủ về kích thước thiết kế khu BT nghĩa là việc hoàn thành các mục tiêu chủ yếu là rất khó khăn nhưng các hoạt động làm giảm thiểu cũng được tiến hành (Ví dụ có các thỏa thuận với các chủ sở hữu đất kế cận cho các hành lang của các loài thú hoang dã)	1				

	Việc thiết kế khu BT không có điều gì gây cản trở đối với việc thực hiện các mục tiêu, nhưng vẫn có thể được cải thiện thêm	2				
	Thiết kế KBT hỗ trợ tốt cho việc thực hiện các mục tiêu	3				
6(6). Đánh dấu ranh giới KBT	Ranh giới KBT đã không được biết bởi cán bộ quản lý hoặc chính quyền địa phương là những người sử dụng đất bên cạnh	0	2	2		
Đã biết ranh giới và đánh dấu chưa? <i>Quá trình</i>	Ban quản lý biết rõ ranh giới KBT, nhưng lãnh đạo địa phương và những người sử dụng bên cạnh lại không biết	1				
	Cả Ban quản lý và lãnh đạo địa phương và những người sử dụng đất bên cạnh đều biết ranh giới KBT, nhưng mốc giới lại chưa làm xong	2				
	Cả Ban quản lý và lãnh đạo địa phương /những người sử dụng đất bên cạnh đều biết rõ ranh giới KBT và mốc giới đã làm xong	3				
7(7). Kế hoạch quản lý	Chưa có kế hoạch quản lý của KBT	0	1	2		
Đã có KHQL và thực hiện nó chưa?	Kế hoạch quản lý đang được chuẩn bị nhưng chưa hoàn thiện	1				
<i>Lập kế hoạch</i>	Có kế hoạch quản lý, nhưng nó chỉ được thực	2				

	hiện một phần vì lý do kinh phí hay vấn đề khác					
	Có kế hoạch quản lý và nó đang được thực hiện	3				
<i>Điểm bổ sung: Lập kế hoạch</i>						
7(7)a. Quá trình lập kế hoạch	Quá trình lập kế hoạch tạo cơ hội đầy đủ cho các bên liên quan chủ yếu tham gia vào kế hoạch quản lý	1	1	1		
7(7)b. Quá trình lập kế hoạch	Có lịch trình và quá trình chỉnh sửa, cập nhật kế hoạch quản lý theo định kỳ	1	0	1		
7(7)c. Quá trình lập kế hoạch	Các kết quả giám sát, nghiên cứu và đánh giá được phối hợp một cách thường xuyên vào việc lập kế hoạch	1	NA	0		
8(8). Kế hoạch làm việc thường xuyên	Không có kế hoạch làm việc thường xuyên	0	2	2		
Có lập kế hoạch làm việc thường xuyên và thực hiện KH đó không?	Có kế hoạch làm việc thường xuyên nhưng có ít các hoạt động đã được hoàn thành	1				
<i>Lập KH / đầu ra</i>	Có kế hoạch làm việc thường xuyên và nhiều hoạt động đã được thực hiện	2				
	Có kế hoạch làm việc thường xuyên và tất cả các hoạt động đã được thực hiện	3				
9(13).Số lượng nhân viên của VQG	Không có nhân viên làm việc	0	1	2		
Có đủ nhân viên làm việc để quản lý VQG không?	Số lượng nhân viên không đủ để thực hiện các hoạt động quản lý quan trọng	1				

<i>Đầu vào</i>	Số lượng nhân viên ít hơn số lượng cần thiết để thực hiện các hoạt động quản lý quan trọng	2				
	Số lượng nhân viên đủ để thực hiện việc quản lý VQG	3				
10(14). Đào tạo nhân viên	Nhân viên thiếu các kỹ năng cần thiết cho việc quản lý VQG	0	1	2		
Các nhân viên được đào tạo đầy đủ để có thể thực hiện các mục tiêu quản lý? <i>Đầu vào/quá trình</i>	Các kỹ năng của các nhân viên thấp so với nhu cầu cần thiết thực hiện các hoạt động quản lý VQG	1				
	Các kỹ năng của các nhân viên đủ nhưng cần phải được cải thiện thêm để đáp ứng đầy đủ việc thực hiện các mục tiêu quản lý VQG	2				
	Các kỹ năng của các nhân viên đáp ứng được việc thực hiện các mục tiêu quản lý VQG	3				
11(15). Ngân sách hiện nay	Không có ngân sách cho việc quản lý VQG	0	1	1		
Nguồn ngân sách hiện nay có đủ không? <i>Đầu vào</i>	Ngân sách hiện nay không đủ cho các hoạt động quản lý cơ bản và có các hạn chế nghiêm trọng về năng lực quản lý	1				
	Ngân sách hiện nay có thể chấp nhận được nhưng cần được tăng thêm để có thể quản lý hiệu quả VQG	2				
	Ngân sách hiện nay đủ cho việc quản lý hiệu quả	3				

	VQG					
12(16). Sự bền vững của nguồn ngân sách	Nguồn ngân sách cho các hoạt động quản lý VQG hoàn toàn phụ thuộc từ bên ngoài và biến động lớn	0	1	1		
Nguồn ngân sách có bền vững không ?	Nguồn ngân sách cho các hoạt động quản lý VQG ít bền vững và VQG không thể hoạt động đầy đủ các chức năng của nó nếu thiếu các nguồn tài trợ bên ngoài	1				
<i>Đầu vào</i>	Nguồn ngân sách cho các hoạt động quản lý VQG khá bền vững cho các hoạt động bình thường của VQG nhưng các sáng kiến cải tiến hoàn toàn phụ thuộc vào các nguồn tài trợ bên ngoài	2				
	Nguồn ngân sách là bền vững cho nhu cầu quản lý của VQG	3				
13(17). Quản lý ngân sách	Việc quản lý nguồn ngân sách rất kém và không hiệu quả (ví dụ giải ngân chậm trong năm tài chính)	0	2	2		
Nguồn ngân sách có được sử dụng để đáp ứng các nhu cầu quản lý?	Việc quản lý nguồn ngân sách kém và hiệu quả hạn chế	1				
<i>Quá trình</i>	Việc quản lý nguồn ngân sách tốt nhưng cần cải thiện thêm	2				
	Việc quản lý nguồn ngân sách rất tốt và đáp ứng được nhu cầu quản lý	3				
14(18). Trang thiết	Có rất ít hoặc không đủ	0	NA	1		

bị	trang thiết bị cho nhu cầu quản lý					
Các trang thiết bị có đủ cho nhu cầu quản lý không? <i>Đầu vào</i>	Có vài trang thiết bị cho nhu cầu quản lý nhưng không đủ cho hầu hết các nhu cầu quản lý	1				
	Có trang thiết bị cho nhu cầu quản lý nhưng vẫn còn thiếu vài trang thiết bị làm hạn chế hoạt động quản lý	2				
	Có đủ trang thiết bị cho nhu cầu quản lý	3				
15(19). Bảo trì các trang thiết bị	Có rất ít hoặc không có sự bảo trì cho các trang thiết bị	0	1	2		
Các trang thiết bị được bảo trì đầy đủ? <i>Quá trình</i>	Có vài sự bảo trì không thường xuyên cho các trang thiết bị	1				
	Có sự bảo trì cơ bản cho các trang thiết bị	2				
	Các trang thiết bị được bảo trì tốt	3				
16(21). Quy hoạch sử dụng đất, nước	Việc lập kế hoạch sử dụng các vùng đất và nước liền kề không xem xét đến nhu cầu của VQG và các hoạt động, các chính sách của quy hoạch gây thiệt hại cho sự tồn tại của VQG	0	NA	1		
Việc quy hoạch sử dụng đất và nước có thừa nhận VQG và hỗ trợ cho việc đạt được các mục tiêu không? <i>Quy hoạch</i>	Lập kế hoạch sử dụng các vùng đất và nước liền kề không xem xét đến nhu cầu lâu dài của Khu BT, nhưng các hoạt động lại không gây bất lợi cho KBT	1				
	Lập kế hoạch sử dụng	2				

	các vùng đất và nước liền kề xem xét một phần các nhu cầu lâu dài của VQG					
	Lập kế hoạch sử dụng các vùng đất và nước liền kề quan tâm đầy đủ đến nhu cầu lâu dài của KBT	3				
<i>Điểm cộng thêm: Quy hoạch sử dụng đất, nước</i>						
16(21)a: lập kế hoạch sử dụng đất và nước cho bảo tồn môi trường	Lập kế hoạch và quản lý lưu vực hoặc cảnh quan có các khu vực được bảo vệ kết hợp đầy đủ các điều kiện môi trường (ví dụ khối lượng, chất lượng và thời gian của nước, mức ô nhiễm không khí vv) để duy trì môi trường sống có liên quan	1	NA	NA		
16(21)b: lập kế hoạch sử dụng đất và nước cho sự kết nối	Quản lý các hành lang liên kết khu bảo tồn với các sinh cảnh quan trọng ngoài khu vực bảo tồn, tạo điều kiện cho động vật hoang dã di chuyển (ví dụ cho phép cá di cư di chuyển giữa các bãi đẻ ở nước ngọt và biển, hoặc cho phép động vật di cư)	1	NA	NA		
16(21)c: lập kế hoạch sử dụng đất và nước cho bảo tồn dịch vụ hệ sinh thái và loài	Kế hoạch đáp ứng nhu cầu cụ thể của hệ sinh thái và / hoặc nhu cầu của loài đặc biệt quan tâm có xét đến quy mô hệ sinh thái (ví dụ khối lượng, chất lượng và thời gian của dòng chảy nước ngọt để duy trì loài cụ thể, quản lý cháy ở môi	1	NA	NA		

	trường khô hạn, dễ cháy vv)					
17(22). Các tổ chức nhà nước và thương mại kế cận	Không có sự liên hệ nào giữa các nhà quản lý và nhân viên kế cận hay phối hợp quản lý giữa các nhà sử dụng đất	0	1	2		
Có bất cứ sự hợp tác nào với các nhà sử dụng đất kế cận không? <i>Quá trình</i>	Có ít sự liên hệ giữa các nhà quản lý và nhân viên kế cận hay phối hợp quản lý giữa các nhà sử dụng đất	1				
	Có vài sự liên hệ giữa các nhà quản lý và nhân viên kế cận hay phối hợp quản lý giữa các nhà sử dụng đất	2				
	Có sự liên hệ thường xuyên giữa các nhà quản lý và nhân viên kế cận hay phối hợp quản lý giữa các nhà sử dụng đất trong việc quản lý	3				
18(23). Người dân bản địa	Người dân bản địa và những người cư trú thường xuyên trong VQG không tham gia vào quá trình ra quyết định quản lý VQG	0	1	1		
Người dân bản địa và những người cư trú thường xuyên trong VQG có tham gia vào quá trình ra quyết định quản lý VQG không? <i>Quá trình</i>	Người dân bản địa và những người cư trú thường xuyên trong VQG có vài tham gia vào quá trình ra quyết định quản lý VQG	1				
	Người dân bản địa và những người cư trú thường xuyên trong VQG có đóng góp cho	2				

	một vài quyết định phù hợp liên quan đến việc quản lý VQG nhưng cần được cải thiện thêm					
	Người dân bản địa và những người cư trú thường xuyên trong VQG tham gia trực tiếp đến quá trình ra quyết định quản lý VQG	3				
19(24). Cộng đồng địa phương Cộng đồng địa phương sống trong và gần VQG có tham gia vào quá trình ra quyết định quản lý VQG không?	Cộng đồng địa phương không tham gia vào quá trình ra quyết định quản lý VQG	0	1	1		
<i>Quá trình</i>	Cộng đồng địa phương có vài tham gia vào quá trình ra quyết định quản lý VQG	1				
	Cộng đồng địa phương có đóng góp cho một vài quyết định phù hợp liên quan đến việc quản lý VQG nhưng cần được cải thiện thêm	2				
	Cộng đồng địa phương tham gia trực tiếp đến quá trình ra quyết định quản lý VQG	3				
<i>Điểm cộng thêm: Cộng đồng địa phương/Người dân bản địa</i>						
19(24)a. Tác động đến cộng đồng	Có sự trao đổi mở và tin tưởng giữa người dân bản địa và cộng đồng địa phương, các bên có liên quan và các nhà quản lý VQG	1	1	0		
19(24)b. Tác động đến cộng đồng	Có các chương trình nâng cao sinh kế cho cộng đồng nhưng vẫn	1	0	1		

	duy trì được nguồn tài nguyên của VQG.					
19(24)c. Tác động đến cộng đồng	Người dân bản địa và địa phương hỗ trợ tích cực cho VQG	1	0	0		
20(26). Giám sát và đánh giá Các hoạt động quản lý có được giám sát so với việc thực hiện không? <i>Lập kế hoạch/Quá trình</i>	Chưa có hệ thống giám sát và đánh giá cho các hoạt động quản lý của VQG	0	0	2		
	Có các hoạt động giám sát và đánh giá không thường xuyên cho các hoạt động quản lý của VQG, nhưng chưa có chiến lược tổng quát và/hoặc không có việc thu thập các kết quả thường xuyên	1				
	Có hệ thống giám sát và đánh giá cho các hoạt động quản lý của VQG nhưng các kết quả chưa được phản hồi lại cho mục tiêu cải thiện các hoạt động quản lý	2				
	Có hệ thống giám sát và đánh giá cho các hoạt động quản lý của VQG và các kết quả được phản hồi lại cho mục tiêu cải thiện các hoạt động quản lý	3				
21(29). Các phí Nếu các phí được áp dụng (ví dụ phí vào cửa, các tiền phạt), chúng đã hỗ trợ cho các hoạt động quản lý của VQG không?	Mặc dù theo lý thuyết các loại phí được áp dụng, nhưng chúng không được thu	0	NA	2		
	Các loại phí được thu nhưng không có đóng góp nào vào các hoạt	1				

<i>Đầu vào/Quá trình</i>	động quản lý của VQG					
	Các loại phí được thu và có vai đóng góp vào các hoạt động quản lý của VQG	2				
	Các loại phí được thu và có các đóng góp đáng kể vào các hoạt động quản lý của VQG	3				
22(30). Điều kiện của các giá trị Cái gì là điều kiện của các giá trị quan trọng của VQG? <i>Đầu ra</i>	Nhiều giá trị về văn hóa, ĐDSH và sinh thái của VQG đang bị suy thoái nghiêm trọng	0	2	1		
	Vài giá trị về văn hóa, ĐDSH và sinh thái của VQG đang bị suy thoái nghiêm trọng	1				
	Vài giá trị về văn hóa, ĐDSH và sinh thái của VQG đang bị suy thoái một phần nhưng các giá trị quan trọng vẫn chưa bị tác động đáng kể	2				
	Các giá trị về văn hóa, ĐDSH và sinh thái của VQG chưa bị tác động	3				
<i>Điểm cộng thêm: Điều kiện của giá trị</i>						
22(30)a: Điều kiện của các giá trị	Việc đánh giá điều kiện của các giá trị dựa trên các nghiên cứu và/hoặc giám sát	1	NA	1		
22(30)b: Điều kiện của các giá trị	Các chương trình quản lý cụ thể đang được thực hiện để giải quyết các mối đe dọa đến các giá trị về văn hóa, ĐDSH và sinh thái của VQG	1	NA	0		
22(30)c: Điều kiện của các giá trị	Các hoạt động để duy trì các giá trị về văn hóa,	1	NA	1		

	ĐDSH và sinh thái quan trọng của VQG được tiến hành thường xuyên trong quá trình quản lý VQG					
II. BẢO TỒN		9	3	3		
23(9). Kiểm kê tài nguyên	Có ít hay không có thông tin về các sinh cảnh, các loài và các giá trị văn hóa quan trọng của VQG	0	1	1		
VQG có đầy đủ các thông tin để quản lý không? <i>Đầu vào</i>	Thông tin về các sinh cảnh, các loài và các giá trị văn hóa quan trọng của KBT không đủ giúp cho việc lập kế hoạch và đưa ra quyết định	1				
	Thông tin về các sinh cảnh, các loài và các giá trị văn hóa quan trọng của KBT là đầy đủ đối với các vùng chủ yếu cho việc lập kế hoạch và ra quyết định	2				
	Thông tin về các sinh cảnh, các loài và các giá trị văn hóa quan trọng của KBT là đầy đủ để giúp cho việc lập kế hoạch và ra quyết định toàn khu vực	3				
24(10). Hệ thống bảo vệ	Các hệ thống bảo vệ (tuần tra, cấp phép v.v.) không tồn tại hoặc không hiệu quả trong việc kiểm soát các xâm nhập / sử dụng tài nguyên	0	1	1		
Các hệ thống bảo vệ hiện nay có thể kiểm soát việc xâm nhập/sử dụng nguồn tài nguyên của VQG không? <i>Quá trình / đầu ra</i>	Các hệ thống bảo vệ có hiệu quả một phần trong việc kiểm soát các xâm nhập / sử dụng tài	1				

	nguyên					
	Các hệ thống bảo vệ có hiệu quả trung bình trong việc kiểm soát các xâm nhập / sử dụng tài nguyên	2				
	Các hệ thống bảo vệ có hiệu quả toàn bộ trong việc kiểm soát các xâm nhập / sử dụng tài nguyên	3				
25(12). Quản lý nguồn tài nguyên	Chương trình quản lý nguồn tài nguyên chủ động chưa được thực hiện?	0	1	1		
Chương trình quản lý nguồn tài nguyên chủ động không có được thực hiện không?	Có rất ít các đòi hỏi cho việc quản lý chủ động các sinh cảnh quan trọng, các loài và các giá trị văn hóa được thực hiện	1				
<i>Quá trình</i>	Có nhiều các đòi hỏi cho việc quản lý chủ động các sinh cảnh quan trọng, các loài và các giá trị văn hóa được thực hiện nhưng vài vấn đề chủ yếu chưa được giải quyết	2				
	Các đòi hỏi cho việc quản lý chủ động các sinh cảnh quan trọng, các loài và các giá trị văn hóa được thực hiện một cách đầy đủ.	3				
III PHÁT TRIỂN		9	1	5		
26(25). Các lợi ích kinh tế	VQG không đem lại bất cứ lợi ích kinh tế nào cho cộng đồng địa phương	0	1	2		
VQG có cung cấp các lợi ích kinh tế cho cộng đồng địa	Các lợi ích kinh tế tiềm năng của VQG đã được	1				

<p>phương , ví dụ: thu nhập, công việc làm, chi trả cho dịch vụ môi trường không?</p> <p><i>Đầu ra</i></p>	<p>công nhận và đã có kế hoạch để sử dụng cho cộng đồng địa phương</p>					
	<p>VQG đem lại vài lợi ích kinh tế cho cộng đồng địa phương</p>	2				
	<p>Các hoạt động của VQG đem lại các lợi ích kinh tế quan trọng cho cộng đồng địa phương</p>	3				
<p>27(27). Các tiện nghi cho du khách</p> <p>Các tiện nghi cho du khách có đủ không?</p> <p><i>Đầu vào</i></p>	<p>Mặc dù có nhu cầu nhưng chưa có các tiện nghi và các dịch vụ cho du khách</p>	0	0	2		
	<p>Các tiện nghi và các dịch vụ cho du khách là không đáp ứng cho mức độ tham quan hiện nay của du khách</p>	1				
	<p>Các tiện nghi và các dịch vụ cho du khách đáp ứng được mức độ tham quan hiện nay của du khách nhưng cần cải thiện thêm</p>	2				
	<p>Các tiện nghi và các dịch vụ cho du khách đáp ứng tốt mức độ tham quan hiện nay của du khách</p>	3				
<p>28(28). Các nhà hoạt động du lịch có tính chất thương mại</p> <p>Các nhà hoạt động du lịch có tính chất thương mại có đóng góp tới việc quản lý VQG không?</p> <p><i>Quá trình</i></p>	<p>Có ít hay không có bất cứ mối liên hệ nào giữa nhà quản lý và các nhà hoạt động du lịch có tính chất thương mại đang hoạt động trong VQG</p>	0	0	1		
	<p>Có mối liên hệ giữa nhà quản lý và các nhà hoạt động du lịch có tính chất thương mại đang hoạt động trong VQG nhưng</p>	1				

	chủ yếu giới hạn trong các vấn đề hành chính					
	Có mối liên hệ hạn chế giữa nhà quản lý và các nhà hoạt động du lịch có tính chất thương mại đang hoạt động trong VQG trong việc nâng cao các kinh nghiệm về du lịch và duy trì các giá trị của VQG	2				
	Có sự phối hợp tốt giữa nhà quản lý và các nhà hoạt động du lịch có tính chất thương mại đang hoạt động trong VQG trong việc nâng cao các kinh nghiệm về du lịch và duy trì các giá trị của VQG	3				
IV. HỖ TRỢ		6	1	3		
29(11). Nghiên cứu Có chương trình điều tra định hướng cho quản lý và công tác nghiên cứu không? <i>Quá trình</i>	Chưa có bất cứ khảo sát hay nghiên cứu nào được tiến hành trong KBT	0	0	1		
	Có ít công trình điều tra nghiên cứu nhưng không trực tiếp hướng vào các nhu cầu quản lý của KBT	1				
	Có đáng kể các công trình điều tra nghiên cứu nhưng không trực tiếp hướng đến việc quản lý KBT	2				
	Có chương trình điều tra nghiên cứu toàn diện, hợp nhất phù hợp với các nhu cầu quản lý của VQG	3				
30(20). Giáo dục và	Không có chương trình	0	1	2		

nhận thức	giáo dục và nâng cao nhận thức				
Có chương trình giáo dục theo kế hoạch được liên hệ với các mục tiêu và nhu cầu không?	Có rất ít và không thường xuyên các chương trình giáo dục và nâng cao nhận thức	1			
<i>Quá trình</i>	Có một chương trình giáo dục và nâng cao nhận thức nhưng chỉ đáp ứng một phần nhu cầu và cần được cải thiện	2			
	Có một chương trình giáo dục và nâng cao nhận thức đầy đủ và thích hợp	3			

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ TN&MT, 2012. Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;
- Dự án PA, 2013. Kế hoạch quản lý vườn quốc gia Bidoup-Núi Bà tỉnh Lâm Đồng – Việt Nam Giai đoạn: 2013 – 2017. Tổng cục Môi trường/Cục Bảo tồn Đa dạng Sinh học, Bộ Tài nguyên và Môi trường (MONRE);
- GIZ, 2016. Biosphere Reserves – inspiring action for Agenda 2030;
- HĐND, 2016. Nghị quyết 19/2016/NQ-HĐND Về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Lâm Đồng;
- Heinrup, M. and Schultz, L., 2017. Swedish Biosphere Reserves as Arenas for Implementing the 2030 Agenda. Swedish Environmental Protection Agency, Stockholm Resilience Centre;
- Stolton, S. and Dudley, N., 2016. METT Handbook: A guide to using the Management Effectiveness Tracking Tool (METT). WWF;
- Thủ tướng Chính phủ, 2011. Quyết định phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020;
- Thủ tướng Chính phủ, 2013a. Nghị quyết 107/NQ-CP năm 2013 về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) tỉnh Lâm Đồng do Chính phủ ban hành;
- Thủ tướng Chính phủ, 2013b. Quyết định 2157/QĐ-TTg năm 2013 bộ chỉ tiêu giám sát, đánh giá phát triển bền vững địa phương giai đoạn 2013 - 2020 do Thủ tướng Chính phủ ban hành;
- Thủ tướng Chính phủ, 2014. Quyết định số: 704/QĐ-TTg Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;
- Tri, N.H., Hoa, T.T. and Tuyen, L.T., 2014. Management of MAB Vietnam's network of biosphere reserves through the approach of system thinking, land/seascape planning, inter-sectoral coordination and quality economy (SLIQ), Proceedings of the 57th Annual Meeting of the ISSS - 2013 HaiPhong, Vietnam, HaiPhong, Vietnam;
- UBND Lâm Đồng, 2013. Quyết định 1119/QĐ-UBND năm 2013 phê duyệt Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;
- UBND Lâm Đồng, 2014. Nomination form proposed Lang Biang Biosphere Reserve, Lam Dong province, Vietnam. UNESCO;
- UBND Lâm Đồng, 2016. Quyết định số 1164/QĐ-UBND Về việc thành lập Ban quản lý Khu dự trữ sinh quyển thế giới Lang Biang, tỉnh Lâm Đồng;

- UBND Lâm Đồng, 2017. Quyết định 169/QĐ-UBND năm 2017 phê duyệt Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;
- UNESCO, 2013a. Biosphere reserve nomination form;
- UNESCO, 2013b. Periodic review for biosphere reserve;
- UNESCO, 2015. Lang Biang Biosphere Reserve;
- VPPTBV, 2016. Dự thảo Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững. Văn phòng Phát triển Bền vững, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- WWF, 2007. Management Effectiveness Tracking Tool - Reporting Progress at Protected Area Sites. WWF International.